

# Phật Thuyết Kinh Khai Giác Tự Tánh Ba La Mật Đa

Đại Chánh (Taisho) vol. 8, no. 260

Hán dịch: Duy Tịnh  
Phiên âm & Lược dịch: Nguyễn Tánh & Nguyễn Hiến  
Việt dịch: Thanh Hương (12/2006)



**Tuệ Quang Wisdom Light Foundation**

PO Box 91748, Henderson, NV 89009

Website <http://www.daitangvietnam.com>

Email [info@daitangvietnam.com](mailto:info@daitangvietnam.com)

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daiTangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiễn Khanh & Nguyễn Hiễn Trần Tiễn Huyền

Phiên Âm Sun Apr 30 19:31:17 2006

=====

**Bản dịch tiếng Việt của Chùa Châu Lâm, Huế**

# Taisho TripiTaka Vol. 8, No. 260 佛說開覺自性般若波羅蜜多經

# Taisho TripiTaka Vol. 8, No. 260 Phật thuyết Khai Giác Tự Tánh Bát Nhã Ba La Mật Đa Kinh

# Taisho TripiTaka Vol. 8, No. 260 Phật nói Kinh Khai Giác Tự Tánh Bát Nhã Ba La Mật Đa

# CBETA Chinese Electronic TripiTaka V1.8 (UTF-8) Normalized Version, Release Date: 2004/12/18

**260-001**

佛說開覺自性般若波羅蜜多

Phật thuyết khai giác tự tánh bát nhã ba la mật đa

**Kinh Phật thuyết Khai giác Tự tánh Bát-nhã Ba-la-mật-đa**

經卷第一

Kinh quyển đệ nhất

**Quyển thứ nhất**

譯經三藏朝散大夫試鴻臚卿光梵

Dịch Kinh Tam Tạng, Triều Tán Đại Phu, Thích Hồng Lư Khanh, Quang Phạm Đại

Sư,

大師賜紫沙門臣惟淨等奉 詔譯

Đại sư tứ tử Sa Môn Thần duy tịnh đẳng phụng chiếu dịch

Tứ Tử Sa môn, Thần Duy Tịnh, vân vân, phụng chiếu dịch

如是我聞。一時世尊在王舍城鷲峯山中。

như thị ngã văn 。 nhất thời Thế tôn tại Vương xá thành Thửu Phong sơn trung 。

Tôi nghe như vậy, một thuở nọ Thế-tôn ở thành Vương xá, trên núi Thửu phong

與大苾芻眾并菩薩摩訶薩眾俱。

dữ Đại bát sô chúng tinh Bồ Tát Ma-Ha tát chúng câu 。

cùng với chúng đại Tỷ-khưu và chúng Bồ-tát Ma-ha-tát.

是時佛告尊者須菩提言。須菩提。色無性假性實性。

thị thời Phật cáo Tôn-Giả Tu Bồ đề ngôn 。

Lúc bấy giờ Phật bảo Tôn giả Tu-bồ-đề: Tu-bồ-đề, sắc là vô tánh, giả tánh, thực tánh;

受想行識無性假性實性。須菩提。

thọ tưởng hành thức Vô tánh giả tánh thực tánh 。

thọ, tưởng, hành, thức là vô tánh, giả tánh, thực tánh. Tu-bồ-đề,

如是乃至眼色眼識。耳聲耳識。鼻香鼻識。舌味舌識。

như thị nãi chí nhãn sắc nhãn thức 。

như vậy cho đến nhãn căn, sắc trần, nhãn thức, nhĩ căn, thanh trần, nhĩ thức, tỷ căn, hương trần, nhĩ thức, thiệt căn, vị trần, thiệt thức,

身觸身識。意法意識。無性假性實性。

thân xúc thân thức 。

thân căn, xúc trần, thân thức, ý căn, pháp trần, ý thức đều là vô tánh, giả tánh, thực tánh.

復次須菩提。色於如是三性中轉愚。

phục thứ Tu Bồ đề 。

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Ở nơi ba tánh như thế của sắc mà chuyển hoá mê mờ.

是所行當知是為菩薩正行。如是行者。

thị sở hạnh đương tri thị vi Bồ Tát chánh hành 。 như thị hành giả 。

Sở hành như vậy, nên biết, đó là chánh hành của Bồ-tát. Hành như vậy

是菩薩速疾證得阿耨多羅三藐三菩提果。

thị Bồ Tát tốc tột chứng đắc a nậu đa la Tam miểu Tam Bồ đề quả 。

thì Bồ-tát sớm chứng đắc quả Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

須菩提。受想行識亦復如是。

Tu Bồ đề 。

Tu-bồ-đề, thọ, tưởng, hành, thức, cũng lại như vậy.

若菩薩摩訶薩於諸識中解無相法。苦自止息諸相寂靜。

nhược Bồ Tát Ma-Ha tát ư chư thức trung giải vô tướng Pháp 。

Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát đối với các thức mà hiểu được pháp vô tướng thì khổ tự dừng lại, các tướng trở nên tịch tĩnh.

如是所行。當知是為菩薩正行。如是行者。

như thị sở hạnh 。

Sở hành như vậy nên biết là chánh hành của Bồ-tát. Hành như vậy

是菩薩速疾證得阿耨多羅三藐三菩提果。

thị Bồ Tát tốc tột chứng đắc a nậu đa la Tam miểu Tam Bồ đề quả 。

thì Bồ-tát sớm chứng đắc quả Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác.

爾時世尊重說頌曰。

nhi thời Thế tôn trọng thuyết tụng viết 。

Lúc bấy giờ Thế Tôn liền nói lại bài kệ:

若解無相法 諸苦自止息

nhược giải vô tướng Pháp chư khổ tự chỉ tức

Nếu hiểu pháp vô tướng Các khổ tự tiêu diệt

眾相皆寂靜 是菩薩所行

chúng tướng giai tịch tĩnh thị Bồ Tát sở hạnh

Các tướng đều tịch tĩnh Là Bồ-tát sở hành.

復次須菩提。

phục thứ Tu Bồ đề 。

Lại nữa, Tu-bồ-đề.

於諸色中闇之與明平等依止菩薩若能如實了知。解入此者諸法亦然。

ư chư sắc trung ám chi dĩ minh bình đẳng y chỉ Bồ Tát nhược năng như thực liễu tri 。

Ở trong sắc, tánh mê ám và sáng suốt đều y chỉ bình đẳng. Nếu Bồ-tát có thể thấu hiểu như thực, chứng nhập được điều này thì các pháp cũng như thế.

是菩薩速疾證得阿耨多羅三藐三菩提果。

thị Bồ Tát tốc tạt chứng đắc a nậu đa la Tam miểu Tam Bồ đề quả 。

Bồ-tát đó sớm chứng đắc quả Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

須菩提受想行識亦復如是。

Tu Bồ đề thọ tưởng hành thức diệc phục như thị

Tu-bồ-đề, thọ, tưởng, hành, thức cũng như thế,

於諸識中闇之與明平等依止。菩薩若能如實了知。

ư chư thức trung ám chi dĩ minh bình đẳng y chỉ 。

Trong các thức, tánh mê mờ và sáng suốt y chỉ bình đẳng. Nếu Bồ-tát có thể thấu hiểu như thực,

解入此者諸法亦然。

giải nhập thử giả chư Pháp diệc nhiên 。

chứng nhập được điều này thì các pháp cũng như thế.

是菩薩速疾證得阿耨多羅三藐三菩提果。

thị Bồ Tát tốc tột chứng đắc a nậu đa la Tam miểu Tam Bồ đề quả 。

Bồ-tát đó sẽ sớm chứng đắc quả Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

爾時世尊重說頌曰。

nhi thời Thế tôn trọng thuyết tụng viết 。

Lúc bấy giờ Thế-tôn nói lại bài kệ:

若法闇與明 平等性如是

nhược Pháp ám dĩ minh bình đẳng tánh như thị

Các pháp ám và minh Tánh bình đẳng như thế

依止及解入 知己得菩提

y chỉ cập giải nhập tri dĩ đắc bồ đề

Y chỉ và giải nhập Biết đã đắc Bồ-đề.

復次須菩提。若菩薩摩訶薩於諸色須菩提。

phục thứ Tu Bồ đề 。

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát đối với các sắc,

受想行識於三性轉。若有智者如實了知。

thọ tưởng hành thức ư Tam tánh chuyển 。

thọ, tưởng, hành, thức chuyển theo ba tánh; nếu bậc trí giả hiểu rõ như thực,

即於識中不生取著。亦不現轉其心開明。

tức ư thức trung bất sinh thủ trú 。

tức đối với thức không sinh thủ trước, cũng không tùy chuyển, tâm được sáng tỏ.

由彼於識不生取著心開明已。

do bỉ ư thức bất sinh thủ trừ tâm khai minh dĩ 。

Vì người đó đối với thức không sinh chấp trước, tâm đã sáng tỏ,

即於大乘法中而能出離何況聲聞緣覺乘中。

tức ư Đại thừa Pháp trung nhi năng xuất ly hà huống thanh văn duyên giác thừa trung 。

nên đối với pháp Đại thừa có thể xuất ly, huống là đối với pháp Thanh văn, Duyên giác.

又由如是不生取著心開明故。

hựu do như thị bất sinh thủ trừ tâm khai minh cố 。

Lại do không sinh thủ trước, tâm được sáng tỏ như thế,

不於長時在彼地獄畜生餓鬼人天諸趣受生死苦。

bất ư trường thời tại bỉ Địa-ngục súc sinh ngạ quỷ nhân Thiên chư thú thọ sinh tử khổ 。

nên không chịu khổ sinh tử dài lâu ở địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, cõi trời, cõi người.

復次須菩提。色為生邪為滅邪。若謂色有生。

phục thứ Tu Bồ đề 。

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Sắc sinh tà hay diệt tà? Nếu cho rằng sắc có sinh,

彼色即無生。若謂色無生。

bỉ sắc tức vô sinh 。

sắc ấy tức vô sinh. Nếu cho rằng sắc vô sinh,

彼色即是無生自性。若復菩薩如實了知彼色即是無生自性。

bỉ sắc tức thị vô sinh tự tánh 。

tự tánh

sắc ấy có tự tánh là vô sinh. Nếu Bồ-tát lại biết rõ như thực sắc ấy có tự tánh vô sinh,

是故於色無生可有。

thị cố ư sắc vô sinh khả hữu 。  
thì đối với sắc có thể có vô sinh.

須菩提。受想行識亦復如是。

Tu Bồ đề 。 thọ tưởng hành thức diệt phục như thị 。

Tu-bồ-đề, thọ, tưởng, hành, thức cũng như thế.

識為生邪為滅邪。若謂識有生。彼識即無生。若謂識無生。

thức vi sinh tà vi diệt tà 。 nhược vị thức hữu sinh 。 bỉ thức tức vô sinh 。 nhược vị thức vô sinh 。

Thức sinh tà hay diệt tà? Nếu cho rằng thức có sinh, thức ấy tức vô sinh. Nếu cho rằng thức là vô sinh,

彼識即是無生自性。

bỉ thức tức thị vô sinh tự tánh 。

tự tánh của thức đó là vô sinh.

若復菩薩如實了知彼識即是無生自性。是故於識無生可有。

nhược phục Bồ Tát như thực liễu tri bỉ thức tức thị vô sinh tự tánh 。

thị cố ư thức vô sinh khả hữu 。

Nếu Bồ-tát lại hiểu rõ như thực tự tánh thức đó là vô sinh, nên đối với thức có thể có vô sinh.

復次須菩提。若有人言。色是我是我所。

phục thứ Tu Bồ đề 。 nhược hữu nhân ngôn 。 sắc thị ngã thị ngã sở 。

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Nếu có người nói, sắc là ngã, là ngã sở.

作此說者。我說彼是外中之外。

tác thử thuyết giả 。

ngã thuyết bỉ thị ngoại trung chi ngoại

Người nói như vậy, Ta nói kẻ đó là ngoại đạo,



愚夫異生邪見分位。

ngu phu dị sinh tà kiến phân vị 。

[thuộc về ngu phu, dị sinh, tà kiến.](#)

須菩提。若有人言。受想行識是我是我所。

Tu Bồ đề 。

nhược hữu nhân ngôn 。

thọ tưởng hành thức thị ngã thị ngã sở 。

[Tu-bồ-đề, nếu có người nào nói thọ, tưởng, hành, thức là ngã, là ngã sở.](#)

作此說者。我說彼是外中之外。

tác thử thuyết giả 。

ngã thuyết bỉ thị ngoại trung chi ngoại 。

[Người nói như vậy, Ta nói người đó là ngoại đạo,](#)

愚夫異生邪見分位。

ngu phu dị sinh tà kiến phân vị 。

[thuộc về ngu phu, dị sinh, tà kiến.](#)

復次須菩提。若有人言。色是先世因所成作。

phục thứ Tu Bồ đề 。

nhược hữu nhân ngôn 。

sắc thị tiên thế nhân sở thành tác 。

[Lại nữa, Tu-bồ-đề. Nếu có người nói sắc do nhân đời trước tạo thành,](#)

或大自在天所化因作。或無因緣。作此說者。

hoặc Đại Tự Tại Thiên sở hóa nhân tác 。

hoặc vô nhân duyên 。

tác thử thuyết giả 。

[hoặc do Đại tự tại thiên tạo thành, hoặc không có nhân duyên. Người nói như thế,](#)

我說彼是外中之外。愚夫異生邪見分位。

ngã thuyết bỉ thị ngoại trung chi ngoại 。

ngu phu dị sinh tà kiến phân vị 。

[Ta nói đó là ngoại đạo, thuộc về ngu phu, dị sinh, tà kiến.](#)

須菩提。若有人言。

Tu Bồ đề 。

nhược hữu nhân ngôn 。

[Tu Bồ Đề, nếu có người nói](#)

受想行識是先世因所成作。或大自在天所化因作。或無因緣。

thọ tưởng hành thức thị tiên thể nhân sở thành tác 。 hoặc Đại Tự Tại Thiên sở hóa nhân tác 。 hoặc vô nhân duyên 。

thọ, tưởng, hành, thức do nhân đời trước tạo thành, hoặc do Đại tự tại thiên tạo thành, hoặc không có nhân duyên.

作此說者。我說彼是外中之外。

tác thử thuyết giả 。 ngã thuyết bỉ thị ngoại trung chi ngoại 。

Người nói như thế, Ta nói đó là ngoại đạo,

愚夫異生邪見分位。

ngu phu dị sinh tà kiến phân vị 。

thuộc về ngu phu, dị sinh, tà kiến.

復次須菩提。若有人言。色以色像為相。

phục thứ Tu Bồ đề 。 nhược hữu nhân ngôn 。 sắc dĩ sắc tượng vi tướng 。

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Nếu có người nói sắc lấy ảnh tượng của sắc làm tướng,

受以領納為相。想以遍知為相。行以造作為相。

thọ dĩ lĩnh nạp vi tướng 。

thọ lấy lãnh nạp làm tướng, tưởng lấy biến tri làm tướng, hành lấy tạo tác làm tướng,

識以了別為相。作此說者。

thức dĩ liễu biệt vi tướng 。

thức lấy liễu biệt làm tướng. Người nói như thế,

我說彼是外中之外。愚夫異生邪見分位。

ngã thuyết bỉ thị ngoại trung chi ngoại 。

Ta nói đó là ngoại đạo, thuộc về ngu phu, dị sinh, tà kiến.

復次須菩提。若有人言。苦不寂靜。

phục thứ Tu Bồ đề 。 nhược hữu nhân ngôn 。 khổ bất tịch tĩnh 。

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Nếu có người nói khổ thì không tịch tĩnh;

若彼色滅此樂寂靜。作此說者我說彼是外中之外。

nhược bỉ sắc diệt thử lạc tịch tĩnh 。

tác thử thuyết giả ngã thuyết bỉ thị ngoại trung chi ngoại 。

nếu sắc ấy diệt, tức lạc tịch tĩnh. Người nói như thế, Ta nói đó là ngoại đạo,

愚夫異生邪見分位。

ngu phu dị sinh tà kiến phân vị 。

thuộc về ngu phu, dị sinh, tà kiến.

須菩提。若有人言。受想行識。亦復如是。

Tu Bồ đề 。 nhược hữu nhân ngôn 。 thọ tưởng hành thức 。

diệc phục như thị 。

Tu-bồ-đề, nếu có người nói thọ, tưởng, hành, thức cũng như thế,

苦不寂靜若彼識滅。此樂寂靜。

khổ bất tịch tĩnh nhược bỉ thức diệt 。

thử lạc tịch tĩnh 。

khổ thì không tịch tĩnh; nếu thức kia diệt, tức lạc tịch tĩnh.

作此說者我說彼是外中之外。愚夫異生邪見分位。

tác thử thuyết giả ngã thuyết bỉ thị ngoại trung chi ngoại 。

ngu phu dị sinh tà kiến phân vị 。

Người nói như vậy, Ta nói đó là ngoại đạo, thuộc về ngu phu, dị sinh, tà kiến.

復次須菩提。若有人言。彼色是無。

phục thứ Tu Bồ đề 。 nhược hữu nhân ngôn 。 bỉ sắc thị vô 。

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Nếu có người nói sắc đó là vô,

受想行識亦悉是無。作此說者。我說彼是外中之外。

thọ tướng hành thức diệc tất thị vô 。 tác thử thuyết giả 。 ngã thuyết bỉ thị ngoại trung chi ngoại 。

thọ, tướng, hành, thức cũng đều là vô. Người nói như thế, Ta nói đó là ngoại đạo,

愚夫異生邪見分位。

ngu phu dị sinh tà kiến phân vị 。

thuộc về ngu phu, dị sinh, tà kiến.

復次須菩提若有人言。如佛所說。

phục thứ Tu Bồ đề nhược hữu nhân ngôn 。 như Phật sở thuyết 。

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Nếu có người nói, như lời Phật dạy,

色無自性不生不滅。本來寂靜自性涅槃。作是說者。

sắc vô tự tánh bất sinh bất diệt 。

bản lai tịch tĩnh tự tánh Niết-Bàn 。

tác thị thuyết giả

sắc không có tự tánh, không sinh, không diệt, tự tính Niết-bàn xưa nay vốn tịch tĩnh.

Người nói như thế,

彼於一切法即無和合亦無樂欲。

bỉ ư nhất thiết Pháp tức vô hòa hợp diệc vô lạc dục 。

người đó đối với hết thảy các pháp tức không hoà hợp, cũng không vui thích,

隨其言說作是知解。我說彼是外中之外。

tùy kỳ ngôn thuyết tác thị tri giải 。

ngã thuyết bỉ thị ngoại trung chi ngoại 。

dựa theo lời nói mà hiểu biết như thế. Ta nói đó là ngoại đạo,

愚夫異生邪見分位。

ngu phu dị sinh tà kiến phân vị 。

thuộc về ngu phu, dị sinh, tà kiến.

須菩提。若有人言。受想行識亦復如是。

Tu Bồ đề 。

nhược hữu nhân ngôn 。

thọ tướng hành thức diệc phục như thị 。

Tu-bồ-đề, nếu có người nói thọ, tưởng, hành, thức cũng như thế,

如佛所說。皆無自性不生不滅。

như Phật sở thuyết 。 giai vô tự tánh bất sinh bất diệt 。

như lời Phật dạy, đều không có tự tánh, bất sinh, bất diệt,

本來寂靜自性涅槃。作是說者。

bản lai tịch tĩnh tự tánh Niết-Bàn 。 tác thị thuyết giả 。

tự tánh Niết-bàn xưa nay tịch tĩnh. Người nói như thế,

彼於一切法即無和合亦無樂欲。隨其言說作是知解。我說彼是外中之外。

bỉ ư nhất thiết Pháp tức vô hòa hợp diệc vô lạc dục 。

tùy kỳ ngôn thuyết tác thị tri giải 。

ngã thuyết bỉ thị ngoại trung chi ngoại 。

người ấy đối với các pháp không hoà hiệp, cũng không ưa thích, dựa theo lời nói mà hiểu biết như thế. Ta bảo đó là ngoại đạo,

愚夫異生邪見分位。

ngu phu dị sinh tà kiến phân vị 。

thuộc về ngu phu, dị sinh, tà kiến.

復次須菩提。若復有人計色為有。

phục thứ Tu Bồ đề 。

nhược phục hữu nhân kế sắc vi hữu 。

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Nếu lại có người cho sắc là hữu,

取著於色有所生起。隨言說轉。又復計色為有。

thủ trú ư sắc hữu sở sinh khởi 。

tùy ngôn thuyết chuyển 。

hựu phục kế sắc vi hữu 。

chấp trước sắc có sinh khởi, dựa theo lời nói mà chuyển. Lại cho rằng sắc là hữu,

即於彼色雜染依止。有相隨轉。又復計色為有。

tức ư bỉ sắc tạp nhiễm y chỉ 。

hữu tướng tùy chuyển 。

hựu phục kế sắc vi hữu 。

tức đối với sắc đó, tạp nhiễm y chỉ, chuyển theo tướng hữu. Lại cho rằng sắc là hữu,

即於彼色修習淨法。成立隨轉。

tức ư bỉ sắc tu tập tịnh Pháp 。 thành lập tùy chuyển 。

tức đối với sắc ấy, tu tập tịnh pháp, dựa theo sự thành lập mà chuyển.

須菩提。受想行識亦復如是。

Tu Bồ đề 。 thọ tưởng hành thức diệc phục như thị 。

Tu-bồ-đề, thọ, tưởng, hành, thức cũng như thế.

若復有人計識為有。取著於識有所生起。隨言說轉。

nhược phục hữu nhân kế thức vi hữu 。 thủ trú ư thức hữu sở sinh khởi 。 tùy ngôn thuyết chuyển 。

Nếu có người cho rằng thức là hữu, chấp trước thức có sinh khởi, dựa vào lời nói mà chuyển.

又復計識為有。即於彼識雜染依止。有相隨轉。

hựu phục kế thức vi hữu 。 tức ư bỉ thức tạp nhiễm y chỉ 。 hữu tướng tùy chuyển 。

Lại cho rằng thức là hữu, tức đối với thức đó, tạp nhiễm y chỉ, chuyển theo tướng hữu.

又復計識為有。即於彼識修習淨法。成立隨轉。

hựu phục kế thức vi hữu 。 tức ư bỉ thức tu tập tịnh Pháp 。 thành lập tùy chuyển 。

Lại cho rằng thức là hữu, rồi đối với thức đó tu tập tịnh pháp, dựa theo sự thành lập mà chuyển.

復次須菩提。若諸菩薩計色為有。

phục thứ Tu Bồ đề 。 nhược chư Bồ Tát kế sắc vi hữu 。

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Nếu chư Bồ-tát cho sắc là hữu,

於彼色中有斷有知。於大樂行言說成辦。隨有所轉。

ư bỉ sắc trung hữu đoạn hữu tri 。 ư Đại lạc hành ngôn thuyết thành辦 。 tùy hữu sở chuyển 。

đối với sắc đó có đoạn, có biết, đối với hạnh Đại lạc nói rằng đã xong, dựa theo hữu mà chuyển.

又諸菩薩計色為有。於彼色中有斷有知。

hựu chư Bồ Tát kế sắc vi hữu 。 ư bỉ sắc trung hữu đoạn hữu tri 。

Lại chư Bồ-tát cho rằng sắc là hữu, đối với sắc đó có đoạn, có biết,

表示成辦隨有所轉。又諸菩薩計色為有。

biểu kì thành bần tùy hữu sở chuyển 。 hựu chư Bồ Tát kế sắc vi hữu 。

cho thấy đã xong, dựa theo hữu mà chuyển. Lại chư Bồ-tát cho sắc là hữu,

於彼色中以能了知白法具足。謂於諸法得自在已。

ư bỉ sắc trung dĩ năng liễu tri bạch Pháp cụ túc 。 vị ư chư Pháp đắc tự-tại dĩ 。

đối với sắc đó có thể biết rõ, đầy đủ thiện pháp, cho rằng đối với các pháp đã được tự tại,

於大樂行而能隨轉。

ư Đại lạc hành nhi năng tùy chuyển 。

đối với hạnh Đại lạc có thể tùy chuyển.

須菩提。受想行識亦復如是。

Tu Bồ đề 。 thọ tưởng hành thức diệc phục như thị 。

Tu-bồ-đề, thọ, tưởng, hành, thức cũng như thế.

若諸菩薩計受想行識為有。於彼識中有斷有知。

nhược chư Bồ Tát kế thọ tưởng hành thức vi hữu 。 ư bỉ thức trung hữu đoạn hữu tri

Nếu chư Bồ-tát cho rằng thọ, tưởng, hành, thức là hữu, đối với thức đó có đoạn, có biết,

於大樂行言說成辦。隨有所轉。又諸菩薩計識為有。

ư Đại lạc hành ngôn thuyết thành bần 。 tùy hữu sở chuyển 。 hựu chư Bồ Tát kế thức vi hữu 。

đối với hạnh Đại lạc nói rằng đã xong, dựa theo hữu mà chuyển. Lại chư Bồ-tát cho rằng thức là hữu,

於彼識中有斷有知。表示成辦隨有所轉。

ư bỉ thức trung hữu đoạn hữu tri 。 biểu kì thành bặt tùy hữu sở chuyển 。  
đối với thức đó có đoạn, có biết, cho thấy đã xong, dựa theo hữu mà chuyển.

又諸菩薩計識為有。

hựu chư Bồ Tát kế thức vi hữu 。

Lại nữa, chư Bồ-tát cho rằng thức là hữu,

於彼識中以能了知白法具足。謂於諸法得自在已。

ư bỉ thức trung dĩ năng liễu tri bạch Pháp cụ túc 。

vi ư chư Pháp đắc tự-tại dĩ 。

đối với thức đó có thể biết, đầy đủ thiện pháp, cho rằng đối với các pháp đã được tự tại,

於大樂行而能隨轉。

ư Đại lạc hành nhi năng tùy chuyển 。

đối với hạnh Đại lạc có thể tùy chuyển.

復次須菩提。若復有人於色中色所有分量。

phục thứ Tu Bồ đề 。

nhược phục hữu nhân ư sắc trung sắc sở hữu phần lượng 。

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Nếu lại có người, đối với sắc cho rằng sắc có phần lượng,

於苦中苦所有分量。不能如實平等觀者。

ư khổ trung khổ sở hữu phần lượng 。

bất năng như thực bình đẳng , quán giả 。

đối với khổ, cho rằng khổ có phần lượng, nên không thể như thực bình đẳng quán sát;

即於色中我有所得若於色中我有所得。

tức ư sắc trung ngã hữu sở đắc nhược ư sắc trung ngã hữu sở đắc 。

tức đối với sắc có sở đắc ngã. Nếu đối với sắc, có sở đắc ngã,



即於色中我見有所得。若於色中我見有所得。

tức ư sắc trung ngã kiến hữu sở đắc 。 nhược ư sắc trung ngã kiến hữu sở đắc  
tức đối với sắc có sở đắc Ngã kiến. Nếu đối với sắc có sở đắc Ngã kiến,

即於色中眾生見有所得。

tức ư sắc trung chúng sinh kiến hữu sở đắc 。  
tức đối với sắc có sở đắc Chúng sinh kiến.

若於色中眾生見有所得。即於色中彼眾生見而無所得。

nhược ư sắc trung chúng sinh kiến hữu sở đắc 。 tức ư sắc trung bỉ chúng sinh kiến nhi vô  
sở đắc 。

Nếu đối với sắc có sở đắc Chúng sinh kiến, thì đối với sắc, Chúng sinh kiến đó là vô sở  
đắc.

若於色中彼眾生見無所得時。即彼眾生亦無所得。

nhược ư sắc trung bỉ chúng sinh kiến vô sở đắc thời 。 tức bỉ chúng sinh diệc vô sở đắc 。

Nếu đối với sắc, khi Chúng sinh kiến đó là vô sở đắc thì chúng sinh cũng vô sở đắc.

若或於法有所得相可成立者。

nhược hoặc ư Pháp hữu sở đắc tướng khả thành lập giả 。

Hoặc nếu đối với pháp có thể thành lập tướng có sở đắc,

即有所得相而有依止。

tức hữu sở đắc tướng nhi hữu y chỉ 。

thì tướng có sở đắc phải có nơi y chỉ.

是故於彼聲聞緣覺乘中不能出離。何況大乘。

thị cố ư bỉ thanh văn duyên giác thừa trung bất năng xuất ly 。

Vì thế không thể ra khỏi pháp Thanh văn và Duyên giác, huống là Đại thừa.

須菩提。受想行識亦復如是。

Tu Bồ đề 。 thọ tưởng hành thức diệc phục như thị 。

Tu-bồ-đề, thọ, tưởng, hành, thức cũng như thế.

若復有人於識中識所有分量。於苦中苦所有分量。

nhược phục hữu nhân ư thức trung thức sở hữu phần lượng 。 ư khổ trung khổ sở hữu phần lượng 。

Nếu lại có người, đối với thức cho rằng thức có phần lượng, đối với khổ cho rằng khổ có phần lượng,

不能如實平等觀者。即於識中我有所得若。

bất năng như thực bình đẳng quán giả 。 tức ư thức trung ngã hữu sở đắc nhược 。

không thể như thực bình đẳng quán sát, thì đối với thức có sở đắc Ngã.

於識中我有所得。即於識中我見有所得。

ư thức trung ngã hữu sở đắc 。 tức ư thức trung ngã kiến hữu sở đắc 。

Nếu đối với thức có sở đắc Ngã, thì đối với thức có sở đắc Ngã kiến.

若於識中我見有所得。即於識中眾生見有所得。

nhược ư thức trung ngã kiến hữu sở đắc 。 tức ư thức trung chúng sinh kiến hữu sở đắc 。

Nếu đối với thức có sở đắc Ngã kiến, thì đối với thức có sở đắc Chúng sinh kiến.

若於識中眾生見有所得。

nhược ư thức trung chúng sinh kiến hữu sở đắc 。

Nếu đối với thức có sở đắc Chúng sinh kiến,

即於識中彼眾生見而無所得。若於識中彼眾生見無所得時。

tức ư thức trung bỉ chúng sinh kiến nhi vô sở đắc 。 nhược ư thức trung bỉ chúng sinh kiến vô sở đắc thời 。

thì đối với thức, Chúng sinh kiến kia là vô sở đắc. Nếu đối với thức, khi Chúng sinh kiến là vô sở đắc,

即彼眾生亦無所得。

tức bỉ chúng sinh diệc vô sở đắc 。

thì chúng sinh đó cũng vô sở đắc.

若或於法有所得相可成立者。即有所得相而有依止。

nhược hoặc ư Pháp hữu sở đắc tướng khả thành lập giả 。

tức hữu sở đắc tướng nhi hữu y  
chỉ 。

Hoặc nếu đối với pháp có thể thành lập tướng sở đắc, thì tướng có sở đắc này phải có nơi  
y chỉ.

是故於彼聲聞緣覺乘中不能出離。何況大乘。

thị cố ư bỉ thanh văn duyên giác thừa trung bất năng xuất ly 。

hà hướng Đại thừa 。

Vì thế không thể ra khỏi pháp Thanh văn, Duyên giác kia, hướng là Đại thừa.

復次須菩提。若復有人於色中色所有分量。

phục thứ Tu Bồ đề 。

nhược phục hữu nhân ư sắc trung sắc sở hữu phần lượng 。

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Nếu lại có người, đối với sắc cho rằng sắc có phần lượng,

於苦中苦所有分量。而能如實平等觀者。

ư khổ trung khổ sở hữu phần lượng 。

nhi năng như thực bình đẳng quán giả 。

đối với khổ cho rằng khổ có phần lượng, mà có thể như thực bình đẳng quán sát;

即於色中我無所得。若於色中我無所得。

tức ư sắc trung ngã vô sở đắc 。

nhược ư sắc trung ngã vô sở đắc 。

tức đối với sắc không sở đắc Ngã. Nếu đối với sắc không sở đắc Ngã,

即於色中我見無所得。若於色中我見無所得。

tức ư sắc trung ngã kiến vô sở đắc 。

nhược ư sắc trung ngã kiến vô sở đắc 。

thì đối với sắc không sở đắc Ngã kiến. Nếu đối với sắc không sở đắc Ngã kiến,

即於色中眾生見無所得。

tức ư sắc trung chúng sinh kiến vô sở đắc 。  
thì đối với sắc, không sở đắc Chúng sinh kiến.

若於色中眾生見無所得。即於色中彼眾生見而有所得。  
nhược ư sắc trung chúng sinh kiến vô sở đắc 。 tức ư sắc trung bỉ chúng sinh kiến nhi hữu  
sở đắc 。

Nếu đối với không sở đắc Chúng sinh kiến, thì đối với sắc, Chúng sinh kiến kia lại có sở  
đắc.

若於色中彼眾生見有所得時。即彼眾生亦有所得。 ,  
nhược ư sắc trung bỉ chúng sinh kiến hữu sở đắc thời 。 tức bỉ chúng sinh diệc hữu sở đắc  
。

Nếu đối với sắc, khi có sở đắc Chúng sinh kiến kia, thì cũng có sở đắc chúng sinh kia.

若或於法有所得相可成立者。  
nhược hoặc ư Pháp hữu sở đắc tướng khả thành lập giả 。

Hoặc nếu đối với pháp, tướng hữu sở đắc có thể thành lập,

即有所得相而有依止。  
tức hữu sở đắc tướng nhi hữu y chỉ 。

tức tướng hữu sở đắc phải có chỗ y chỉ.

是故於彼聲聞緣覺乘中不能出離。何況大乘。  
thị cố ư bỉ thanh văn duyên giác thừa trung bất năng xuất ly 。

hà huống Đại thừa 。

Vì thế không thể ra khỏi pháp Thanh văn, Duyên giác kia, huống là Đại Thừa.

須菩提。受想行識亦復如是。  
Tu Bồ đề 。

thọ tưởng hành thức diệc phục như thị 。

Tu-bồ-đề, thọ, tưởng, hành, thức cũng như thế.

若復有人於識中識所有分量。於苦中苦所有分量。

nhược phục hữu nhân ư thức trung thức sở hữu phần lượng 。 ư khổ trung khổ sở hữu phần lượng 。

Hoặc lại có người, đối với thức cho rằng thức có phần lượng, đối với khổ cho rằng khổ có phần lượng,

而能如實平等觀者。即於識中我無所得。

nhĩ năng như thực bình đẳng quán giả 。 tức ư thức trung ngã vô sở đắc 。

mà có khả năng như thực bình đẳng quán sát, thì đối với thức không sở đắc Ngã.

若於識中我無所得。即於識中我見無所得。

nhược ư thức trung ngã vô sở đắc 。

tức ư thức trung ngã kiến vô sở đắc 。

Nếu đối với thức không sở đắc Ngã, thì đối với thức không sở đắc Ngã kiến.

若於識中我見無所得。即於識中眾生見無所得。

nhược ư thức trung ngã kiến vô sở đắc 。

tức ư thức trung chúng sinh kiến vô sở đắc 。

Nếu đối với thức không sở đắc Ngã kiến, thì đối với thức không sở đắc Chúng sinh kiến.

若於識中眾生見無所得即於識中彼眾生見而有

nhược ư thức trung chúng sinh kiến vô sở đắc tức ư thức trung bỉ chúng sinh kiến nhi hữu

Nếu đối với thức không sở đắc Chúng sinh kiến, thì đối với thức Chúng sinh kiến kia là

所得。若於識中彼眾生見有所得時。

sở đắc 。

nhược ư thức trung bỉ chúng sinh kiến hữu sở đắc thời

có sở đắc. Nếu đối với thức, khi Chúng sinh kiến có sở đắc,

即彼眾生亦有所得。若或於法有所得相可成立者。

tức bỉ chúng sinh diệc hữu sở đắc 。

nhược hoặc ư Pháp hữu sở đắc tướng khả thành lập

giả 。

thì chúng sinh kia cũng có sở đắc. Hoặc nếu đối với pháp có thể thành lập tướng hữu sở

đắc,

即有所得相而有依止。

tức hữu sở đắc tướng nhi hữu y chỉ 。  
thì tướng hữu sở đắc phải có chỗ y chỉ.

是故於彼聲聞緣覺乘中不能出離。何況大乘。  
thị cố ư bỉ thanh văn duyên giác thừa trung bất năng xuất ly 。 hà hưởng Đại thừa 。  
Vì vậy không thể ra khỏi pháp Thanh văn, Duyên giác, hưởng là Đại thừa.

復次須菩提。  
phục thứ Tu Bồ đề 。  
Lại nữa, Tu-bồ-đề.

若人於色中不能如實平等觀察。不實分別分量及疑動分量故。  
nhược nhân ư sắc trung bất năng như thực bình đẳng quan sát 。 bất thực phân biệt phần  
lượng cập nghi động phần lượng cố 。  
Nếu có người, đối với sắc vì không thể như thực bình đẳng quán sát, không như thực  
phân biệt phần lượng và nghi động phần lượng,

即於色中色而有所得。若於色中色有所得時。  
tức ư sắc trung sắc nhi hữu sở đắc 。 nhược ư sắc trung sắc hữu sở đắc thời 。  
nên đối với sắc cho rằng sắc có sở đắc. Nếu khi đối với sắc cho rằng sắc có sở đắc,

即於色中色見有所得。若於色中色見有所得時。  
tức ư sắc trung sắc kiến hữu sở đắc 。 nhược ư sắc trung sắc kiến hữu sở đắc  
tức đối với sắc có sở đắc Sắc kiến. Nếu đối với sắc có sở đắc Sắc kiến,

即於色中眾生有所得。若於色中眾生有所得時。  
tức ư sắc trung chúng sinh hữu sở đắc 。 nhược ư sắc trung chúng sinh hữu sở đắc  
tức đối với sắc có sở đắc Chúng sinh. Nếu đối với sắc có sở đắc Chúng sinh,

即於色中一切有所得。若一切有所得時。  
tức ư sắc trung nhất thiết hữu sở đắc 。 nhược nhất thiết hữu sở đắc thời 。

tức đối với sắc có sở đắc Tất cả. Nếu khi có sở đắc Tất cả,

即一切無所得。若或於法有所得相可成立者。

tức nhất thiết vô sở đắc 。 nhược hoặc ư Pháp hữu sở đắc tướng khả thành lập giả 。

tức Tất cả là vô sở đắc. Hoặc nếu đối với pháp, tướng hữu sở đắc có thể được thành lập,

即有所得相而有依止。

tức hữu sở đắc tướng nhi hữu y chỉ 。

tức tướng hữu sở đắc phải có chỗ y chỉ.

是故於彼聲聞緣覺乘中不能出離。何況大乘。

thị cố ư bỉ thanh văn duyên giác thừa trung bất năng xuất ly 。

hà huống Đại thừa 。

Vì thế không thể ra khỏi pháp Thanh văn, Duyên giác, huống là Đại Thừa.

須菩提。若人於受想行識中。

Tu Bồ đề 。

Tu-bồ-đề, nếu người đối với thọ, tưởng, hành, thức,

不能如實平等觀察。不實分別分量及疑動分量故。

bất năng như thực bình đẳng quan sát 。

phần lượng cố 。

không thể như thực bình đẳng quán sát, không thể như thực phân biệt phần lượng và nghi

động phần lượng,

即於識中識而有所得。若識中識有所得。

tức ư thức trung thức nhi hữu sở đắc 。

tức đối với thức có sở đắc Thức. Nếu đối với thức có sở đắc Thức,

即識中識見有所得。若識中識見有所得。

tức thức trung thức kiến hữu sở đắc 。

tức đối với thức có sở đắc Thức kiến. Nếu đối với thức có sở đắc Thức kiến,

即識中眾生有所得。若識中眾生有所得。

tức thức trung chúng sinh hữu sở đắc 。 nhược thức trung chúng sinh hữu sở đắc  
tức đối với thức có sở đắc Chúng sinh. Nếu đối với thức, có sở đắc Chúng sinh,

即識中一切有所得。若識中一切有所得時。

tức thức trung nhất thiết hữu sở đắc 。 nhược thức trung nhất thiết hữu sở đắc thời  
tức đối với thức có sở đắc Tất cả. Nếu đối với thức, khi có sở đắc Tất cả,

即一切無所得。若或於法有所得相可成立者。

tức nhất thiết vô sở đắc 。 nhược hoặc ư Pháp hữu sở đắc tướng khả thành lập giả 。  
tức Tất cả là vô sở đắc. Hoặc nếu đối với pháp có thể thành lập tướng hữu sở đắc,

即有所得相而有依止。

tức hữu sở đắc tướng nhi hữu y chỉ 。  
tức tướng hữu sở đắc phải có chỗ y chỉ.

是故於彼聲聞緣覺乘中不能出離。何況大乘。

thị cố ư bỉ thanh văn duyên giác thừa trung bất năng xuất ly 。 hà hướng Đại thừa 。  
Vì vậy không thể ra khỏi pháp Thanh văn, Duyên giác kia, hướng là Đại thừa

佛說開覺自性般若波羅蜜多經卷第一

Phật thuyết khai giác tự tánh bát nhã ba la mật đa Kinh quyển đệ nhất  
Kinh Phật thuyết Khai giác Tự tánh Bát-nhã Ba-la-mật-đa, quyển thứ nhất.

**260-002**

佛說開覺自性般若波羅蜜多

Phật thuyết khai giác tự tánh bát nhã ba la mật đa

**Kinh Phật Thuyết Khai Giác Tự Tánh Bát-nhã Ba-la-mật-đa**



經卷第二  
Kinh quyển đệ nhị  
Quyển thứ hai

譯經三藏朝散大夫試鴻臚卿光梵

dịch Kinh Tam Tạng triều tán Đại phu thí hồng lư khanh quang phạm

Dịch Kinh Tam Tạng, Triều Tán Đại Phu, Thí Hồng Lư Khanh, Quang Phạm Đại

Sư,

大師賜紫沙門臣惟淨等奉 詔譯

Đại sư tứ tử Sa Môn Thần duy tịnh đẳng phụng chiếu dịch

Tứ Tử Sa Môn, Thần Duy Tịnh, vân vân, phụng chiếu dịch.

復次須菩提。

phục thứ Tu Bồ đề 。

Lại nữa, Tu-bồ-đề.

若人於色中所有不實分別分量及疑動分量。而能如實平等觀者。

nhược nhân ư sắc trung sở hữu bất thực phần biệt phần lượng cập nghi động phần lượng  
。 nhi năng như thực bình đẳng quán giả 。

Nếu có người ở nơi sắc không thực có sự phân biệt phần lượng và nghi động phần lượng,  
mà có thể quán sát bình đẳng như thực,

即於色中色而無所得。若於色中色無所得時。

tức ư sắc trung sắc nhi vô sở đắc 。

nhược ư sắc trung sắc vô sở đắc thời 。

thì ở nơi sắc, không sở đắc sắc. Nếu khi ở nơi sắc không sở đắc sắc,

即於色中色見無所得。若於色中色見無所得。

tức ư sắc trung sắc kiến vô sở đắc 。

nhược ư sắc trung sắc kiến vô sở đắc 。

tức ở nơi sắc không sở đắc Sắc kiến. Nếu ở nơi sắc không sở đắc Sắc kiến,

即於色中眾生無所得。若於色中眾生無所得。

tức ở sắc trung chúng sinh vô sở đắc 。 nhược ở sắc trung chúng sinh vô sở đắc 。

tức ở nơi sắc không sở đắc Chúng sinh. Nếu ở nơi sắc không sở đắc Chúng sinh,

即於色中一切無所得。

tức ở sắc trung nhất thiết vô sở đắc 。

tức ở nơi sắc, tất cả đều không sở đắc.

若於色中一切無所得時。即一切有所得。

nhược ở sắc trung nhất thiết vô sở đắc thời 。 tức nhất thiết hữu sở đắc 。

Nếu khi ở nơi sắc, tất cả đều không sở đắc, tức tất cả đều có sở đắc.

若或於法有所得相可成立者。即有所得相而有依止。

nhược hoặc ở Pháp hữu sở đắc tướng khả thành lập giả 。 tức hữu sở đắc tướng nhi hữu y chỉ 。

Nếu ở nơi pháp, tướng hữu sở đắc có thể thành lập, tức tướng hữu sở đắc có chỗ y chỉ.

是故於彼大乘法中不能出離。何況聲聞緣覺乘中。

thị cố ở bỉ Đại thừa Pháp trung bất năng xuất ly 。 hà hướng thanh văn duyên giác thừa trung 。

Vì thế ở nơi pháp Đại thừa đó không thể xuất ly, hướng là Thanh văn thừa, Duyên giác thừa.

須菩提。

Tu Bồ đề 。

Tu-bồ-đề,

若人於受想行識中所有不實分別分量及疑動分量。而能如實平等觀者。

nhược nhân ở thọ tưởng hành thức trung sở hữu bất thực phần biệt phần lượng cập nghi động phần lượng 。 nhi năng như thực bình đẳng quán giả 。

nếu người nào ở nơi thọ, tưởng, hành, thức không thực có sự phân biệt phần lượng và nghi động phần lượng, mà có thể quán sát bình đẳng như thực,

即識中識而無所得。若識中識無所得時。

tức thức trung thức nhi vô sở đắc 。 nhược thức trung thức vô sở đắc thời 。  
tức ở nơi thức mà không sở đắc thức. Nếu ở nơi thức mà không sở đắc thức,

即識中識見無所得。若識中識見無所得。

tức thức trung thức kiến vô sở đắc 。 nhược thức trung thức kiến vô sở đắc 。  
tức ở nơi thức, không sở đắc Thức kiến. Nếu ở nơi thức, không sở đắc Thức kiến,

即識中眾生無所得。若識中眾生無所得。

tức thức trung chúng sinh vô sở đắc 。 nhược thức trung chúng sinh vô sở đắc 。  
tức ở nơi thức không sở đắc Chúng sinh. Nếu ở nơi thức không sở đắc Chúng sinh;

即識中一切無所得。若識中一切無所得時。

tức thức trung nhất thiết vô sở đắc 。 nhược thức trung nhất thiết vô sở đắc thời 。  
tức ở nơi thức, tất cả đều không sở đắc. Nếu ở nơi thức, khi tất cả đều không sở đắc,

即一切有所得若或於法有所得。相可成立者。

tức nhất thiết hữu sở đắc nhược hoặc ư Pháp hữu sở đắc 。 tướng khả thành lập giả 。  
tức tất cả đều có sở đắc. Nếu ở nơi pháp, có thể thành lập tướng hữu sở đắc,

即有所得相而有依止。是故於彼大乘法中不能出離。

tức hữu sở đắc tướng nhi hữu y chỉ 。 thị cố ư bỉ Đại thừa Pháp trung bất năng xuất ly 。  
tức tướng hữu sở đắc có chỗ y chỉ. Vì thế ở nơi pháp Đại thừa đó không thể xuất ly,

何況聲聞緣覺乘中。

hà huống thanh văn duyên giác thừa trung 。  
huống là Thanh văn thừa, Duyên giác thừa.

復次須菩提。若菩薩於諸色中隨其言說。

phục thứ Tu Bồ đề 。 nhược Bồ Tát ư chư sắc trung tùy kỳ ngôn thuyết 。

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Nếu Bồ-tát ở nơi các sắc, tùy theo đó mà nói năng,

即生取著作用而行。

tức sinh thủ trữ tác dụng nhi hành 。

tức sinh chấp trước, tác dụng mà hành;

如是行者是行有身見亦復行於有愛。若或離有尋求而有所行。

như thị hành giả thị hành hữu thân kiến diệc phục hành ư hữu ái 。

nhược hoặc ly hữu tầm cầu nhi hữu sở hạnh 。

thì hành như thế là hành hữu thân kiến, cũng là hành hữu ái. Hoặc nếu rời sự tầm cầu mà có cái được hành,

是於色中不了知相。須菩提。受想行識亦復如是。

thị ư sắc trung bất liễu tri tướng 。

Tu Bồ đề 。

thọ tưởng hành thức diệc phục như thị 。

tức ở nơi sắc không liễu tri tướng. Tu-bồ-đề, thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thế.

若菩薩於諸識中隨其言說。

nhược Bồ Tát ư chư thức trung tùy kỳ ngôn thuyết 。

Nếu Bồ-tát ở nơi các thức, tùy theo đó mà nói nói năng,

即生取著作用而行。如是行者是行有身見。亦復行於有愛。

tức sinh thủ trữ tác dụng nhi hành 。

như thị hành giả thị hành hữu thân kiến 。

diệc phục hành ư hữu ái 。

tức sinh chấp trước, tác dụng mà hành. Hành như thế là hành hữu thân kiến, cũng là hành hữu ái.

若或離有尋求而有所行。

nhược hoặc ly hữu tầm cầu nhi hữu sở hạnh 。

Hoặc nếu lìa sự tìm cầu mà có cái được hành,

是於識中不了知相。

thị ư thức trung bất liễu tri tướng 。

tức ở nơi thức không liễu tri tướng.

復次須菩提。若菩薩於諸色中隨其言說。

phục thứ Tu Bồ đề 。

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Nếu Bồ-tát ở nơi các sắc, tùy theo đó mà nói năng,

不生取著不作用而行。是不行有身見。

bất sinh thủ trú bất tác dụng nhi hành 。

không sinh chấp trước, tác dụng mà hành, thì đó không phải hành hữu thân kiến,

亦復不行有愛。離有尋求亦無所行。

diệc phục bất hành hữu ái 。

cũng không phải hành hữu ái. Là sự tìm cầu, cũng không có cái được hành,

是於色中善了知相。

thị ư sắc trung thiện liễu tri tướng 。

tức ở nơi sắc, khéo liễu tri tướng.

須菩提。受想行識亦復如是。

Tu Bồ đề 。

Tu-bồ-đề, thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thế.

若菩薩於諸識中隨其言說。不生取著不作用而行。

nhược Bồ Tát ư chư thức trung tùy kỳ ngôn thuyết 。

。

Nếu Bồ-tát ở nơi các thức, tùy theo đó mà nói năng, không sinh chấp trước, không tác dụng mà hành,

是不行有身見。亦復不行有愛。離有尋求亦無所行。

thị bất hành hữu thân kiến 。 diệc phục bất hành hữu ái 。 ly hữu tầm cầu diệc vô sở hạnh

。

tức không phải hành hữu thân kiến, cũng không phải hành hữu ái. Là sự tìm cầu, cũng không có cái được hành,

是於識中善了知相。

thị ư thức trung thiện liễu tri tướng 。

tức ở nơi thức khéo liễu tri tướng.

復次須菩提。

phục thứ Tu Bồ đề 。

Lại nữa, Tu-bồ-đề.

若菩薩摩訶薩於諸色中能具三種心種子緣而攝受者。是為淨法。

nhược Bồ Tát Ma-Ha tát ư chư sắc trung năng cụ tam chủng tâm chủng tử duyên nhi nhiếp thọ giả 。

Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi các sắc có thể có đủ chủng tử ba loại tâm làm duyên để nhiếp thọ, thì đó là tịnh pháp.

何等為三。一信解心種子。二厭離心種子。

hà đẳng vi tam 。

Ba loại này là gì? Một là chủng tử tâm Tín giải, hai là chủng tử tâm Yếm ly,

三不壞心種子。

tam bất hoại tâm chủng tử 。

ba là chủng tử tâm Bất hoại.

須菩提。受想行識亦復如是。

Tu Bồ đề 。

Tu-bồ-đề, thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thế.

若菩薩摩訶薩於諸識中能具三種心種子緣而攝受者。

nhược Bồ Tát Ma-Ha tát ư chư thức trung năng cụ tam chủng tâm chủng tử duyên nhi nhiếp thọ giả 。

Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi các thức có thể có đủ chủng tử ba loại tâm làm duyên để nhiếp thọ,

是為淨法。何等為三。一信解心種子。

thị vi tịnh Pháp 。 hà đẳng vi tam 。 nhất tín giải tâm chủng tử 。

thì đó là tịnh pháp. Ba loại này là gì? Một là chủng tử tâm Tín giải,

二厭離心種子。三不壞心種子。

nhị yếm ly tâm chủng tử 。

hai là chủng tử tâm Yếm ly, ba là chủng tử tâm Bất hoại.

復次須菩提。

phục thứ Tu Bồ đề 。

Lại nữa, Tu-bồ-đề.

菩薩摩訶薩於諸色中應當發起三種之心。何等為三。一無取著心。

Bồ Tát Ma-Ha tát ư chư sắc trung ứng đương phát khởi tam chủng chi tâm 。

Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi các sắc nên phát khởi ba loại tâm. Thế nào là ba? Một là tâm Vô chấp trước,

二無和合心。三清淨心。是故須菩提。菩薩摩訶薩。

nhị vô hòa hợp tâm 。

hai là tâm Vô hoà hiệp, ba là tâm Thanh tịnh. Vì thế, Tu-bồ-đề. Bồ-tát Ma-ha-tát,

於彼色中若心有生。若心無生。大生平等生。

ư bỉ sắc trung nhược tâm hữu sinh 。

ở nơi sắc ấy, nếu Hữu tâm sinh khởi, hoặc Vô tâm sinh khởi, hoặc Đại tâm sinh khởi, hoặc Bình đẳng tâm sinh khởi,

悉應如實平等觀察。由能如是平等觀故。

tất ứng như thực bình đẳng quan sát 。 do năng như thị bình đẳng quán cố 。  
thấy đều nên như thực bình đẳng quán sát. Nhờ có thể như thực bình đẳng quán sát như thế,

是菩薩速疾證得阿耨多羅三藐三菩提果。

thị Bồ Tát tốc tột chứng đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề quả 。  
nên Bồ-tát sớm chứng đắc quả Vô thượng Chính đẳng Chính giác .

須菩提。受想行識亦復如是。菩薩摩訶薩。

Tu Bồ đề 。 thọ tưởng hành thức diệc phục như thị 。 Bồ Tát Ma-Ha tát 。  
Tu-bồ-đề, thọ, tưởng, hành, thức, cũng lại như thế. Bồ-tát Ma-ha-tát,

於諸識中應當發起三種之心。何等為三。

ư chư thức trung ứng đương phát khởi tam chủng chi tâm 。 hà đẳng vi tam 。  
ở nơi các thức nên phát khởi ba loại tâm. Thế nào là ba?

一無取著心。二無和合心。三清淨心。是故須菩提。

nhất vô thủ trú tâm 。 nhị vô hòa hợp tâm 。 tam thanh tịnh tâm 。 thị cố Tu Bồ đề 。

Một là tâm Vô chấp trước, hai là tâm Vô hòa hợp, ba là tâm Thanh tịnh. Vì thế, Tu-bồ-đề.

菩薩摩訶薩於彼識中。若心有生若心無生。

Bồ Tát Ma-Ha tát ư bỉ thức trung 。 nhược tâm hữu sinh nhược tâm vô sinh 。  
Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi thức đó, nếu Hữu tâm sinh khởi, hoặc Vô tâm sinh khởi,

大生平等生。悉應如實平等觀察。

Đại sinh bình đẳng sinh 。 tất ứng như thực bình đẳng quan sát 。



hoặc Đại tâm sinh khởi, hoặc Bình đẳng tâm sinh khởi, thấy đều nên như thực bình đẳng quán sát.

由能如是平等觀故。

do năng như thị bình đẳng quán cố 。

Nhờ có thể như thực bình đẳng quán sát như vậy,

是菩薩速疾證得阿耨多羅三藐三菩提果。

thị Bồ Tát tốc tạt chứng đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề quả 。

nên Bồ-tát sớm chứng đắc quả Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

復次須菩提。若菩薩摩訶薩。

phục thứ Tu Bồ đề 。

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát

於諸色中見有見無者。當知是菩薩不實知解。須菩提。

ư chư sắc trung kiến hữu kiến vô giả 。

ở nơi các sắc, thấy hữu, thấy vô, nên biết Bồ-tát đó chưa hiểu biết như thực. Tu-bồ-đề,

受想行識亦復如是。若菩薩摩訶薩。

thọ tưởng hành thức diệc phục như thị 。

thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Bồ-tát Ma-ha-tát

於諸識中見有見無者。當知是菩薩不實知解。

ư chư thức trung kiến hữu kiến vô giả 。

ở nơi các thức, thấy hữu, thấy vô, nên biết Bồ-tát đó không hiểu biết như thực.

復次須菩提。

phục thứ Tu Bồ đề 。

Lại nữa, Tu-bồ-đề.

若菩薩摩訶薩起心欲住平等界中。彼心於色求解脫時。

nhược Bồ Tát Ma-Ha tát khởi tâm dục trụ bình đẳng giới trung 。 bĩ tâm ư sắc cầu giải thoát thời 。

Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát khởi tâm muốn trụ Bình đẳng giới. Tâm ấy ở nơi sắc, khi cầu sự giải thoát

即於色中其心動轉。有動遍動。由如是故。

tức ư sắc trung kỳ tâm động chuyển 。 hữu động biến động 。 do như thị cố ắt tức ở nơi sắc, tâm ấy bị động chuyển, có động, động khắp. Vì thế,

當知此菩薩難得解脫。

đương tri thử Bồ Tát nan đắc giải thoát 。

nên biết Bồ-tát đó khó đắc giải thoát.

須菩提。受想行識亦復如是。

Tu Bồ đề 。 thọ tưởng hành thức diệc phục như thị 。

Tu-bồ-đề, thọ, tưởng, hành, thức cũng như thế.

若菩薩摩訶薩起心欲住平等界中。彼心於識求解脫時。

nhược Bồ Tát Ma-Ha tát khởi tâm dục trụ bình đẳng giới trung 。 bĩ tâm ư thức cầu giải thoát thời 。

Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát khởi tâm muốn trụ Bình đẳng giới, tâm ấy ở nơi thức khi cầu sự giải thoát

即於識中其心動轉。有動遍動。由如是故。

tức ư thức trung kỳ tâm động chuyển 。 hữu động biến động 。 do như thị cố ắt tức ở nơi thức, tâm đó bị động chuyển, có động, động khắp. Vì thế,

當知此菩薩難得解脫。

đương tri thử Bồ Tát nan đắc giải thoát 。

nên biết Bồ-tát này khó đắc giải thoát.

復次須菩提。

phục thứ Tu Bồ đề 。

Lại nữa, Tu-bồ-đề.

若菩薩摩訶薩起心欲住平等界中。彼心於色求解脫時。

nhược Bồ Tát Ma-Ha tát khởi tâm dục trụ bình đẳng giới trung 。

bỉ tâm ư sắc cầu giải thoát thời 。

Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát khởi tâm muốn trụ Bình đẳng giới; tâm ấy ở nơi sắc, khi cầu sự giải thoát;

若於色中心無繫著無不繫著。由如是故。

nhược ư sắc trung tâm vô hệ trú vô bất hệ trú 。

do như thị cố 。

nếu ở nơi sắc, tâm không hệ trước, cũng không phải không hệ trước. Vì thế,

當知此菩薩善得解脫。

đương tri thử Bồ Tát thiện đắc giải thoát 。

nên biết Bồ-tát này khéo đắc giải thoát.

須菩提。受想行識亦復如是。

Tu Bồ đề 。

thọ tưởng hành thức diệc phục như thị 。

Tu-bồ-đề, thọ, tưởng, hành, thức, cũng như thế.

若菩薩摩訶薩起心欲住平等界中。彼心於識求解脫時。

nhược Bồ Tát Ma-Ha tát khởi tâm dục trụ bình đẳng giới trung 。

bỉ tâm ư thức cầu giải thoát thời 。

Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát khởi tâm muốn trụ Bình đẳng giới; tâm đó ở nơi thức khi cầu sự giải thoát,

若於識中心無繫著無不繫著。由如是故。

nhược ư thức trung tâm vô hệ trú vô bất hệ trú 。

do như thị cố

nếu ở nơi thức tâm không hệ trước, cũng không phải không hệ trước. Vì thế,

當知此菩薩善得解脫。

đương tri thử Bồ Tát thiện đắc giải thoát 。

nên biết vị Bồ-tát này khéo đắc giải thoát

復次須菩提。

phục thứ Tu Bồ đề 。

Lại nữa, Tu-bồ-đề.

若菩薩摩訶薩於諸色中解無相法。苦自止息諸相寂靜。

nhược Bồ Tát Ma-Ha tát ư chư sắc trung giải vô tướng Pháp 。

khổ tự chỉ tức chư tướng tịch tĩnh 。

Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi các sắc, hiểu được pháp vô tướng, thì khổ tự dừng lại, các tướng vắng lặng.

如夫異生不能如實了知色故。即於色中而生取著現轉覆蔽。

như phu dị sinh bất năng như thực liễu tri sắc cố 。

tức ư sắc trung nhi sinh thủ trú hiện chuyển phúc tế 。

Như hàng chúng sinh, vì không thể như thực liễu tri sắc, tức ở nơi sắc sinh tâm chấp trước, hiện chuyển che lấp.

由彼於色生取著心現覆蔽已。

do bỉ ư sắc sinh thủ trú tâm hiện phúc tế dĩ 。

Do kẻ đó ở nơi sắc sinh tâm chấp trước, tâm bị che lấp,

即於聲聞緣覺乘中不能出離。何況大乘。

tức ư thanh văn duyên giác thừa trung bất năng xuất ly 。

hà huống Đại thừa 。

nên ở nơi Thanh văn, Duyên giác thừa không thể xuất ly, huống là Đại thừa.

又由如是取著覆蔽因故。

hựu do như thị thủ trú phúc tế nhân cố 。

Lại do sự chấp trước, che lấp như thế,

長時在於地獄畜生餓鬼人天諸趣。受生死苦輪轉無盡。

trường thời tại ư Địa-ngục súc sinh ngạ quỷ nhân Thiên chư thú 。

thọ sinh tử khổ luân chuyển vô tận 。

nên ở mãi các nơi địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, người, trời, chịu khổ sinh tử luân hồi vô tận.

須菩提。受想行識亦復如是。乃至眼色眼識。

Tu Bồ đề 。

thọ tưởng hành thức diệc phục như thị 。

nãi chí nhãn sắc nhãn thức 。

Tu-bồ-đề, thọ, tưởng, hành, thức, cũng như thế. Cho đến nhãn căn, sắc trần, nhãn thức,

耳聲耳識。鼻香鼻識。舌味舌識。身觸身識。

nhĩ thanh nhĩ thức 。

tỳ hương tỳ thức 。

thiệt vị thiệt thức 。

thân xúc thân thức

nhĩ căn, thanh trần, nhĩ thức, tỳ căn, hương trần, tỳ thức, thiệt căn, vị trần, thiệt thức, thân căn, xúc trần, thân thức,

意法意識。亦悉無性假性實性。須菩提。

ý Pháp ý thức 。

diệc tất Vô tánh giả tánh thực tánh 。

Tu Bồ đề 。

ý căn, pháp trần, ý thức, cũng đều vô tánh, giả tánh, thực tánh. Tu-bồ-đề,

如是意識於三性轉。愚夫異生不能如實了知識故。

như thị ý thức ư tam tánh chuyển 。

ngu phu dị sinh bất năng như thực liễu tri thức cố 。

ý thức chuyển theo ba tánh như thế. Vì ngu phu, dị sinh không thể hiểu biết như thực về thức,

於識等中而生取著現轉覆蔽。

ư thức đẳng trung nhi sinh thủ trú hiện chuyển phúc tế 。

nên ở nơi thức, vân vân, sinh tâm chấp trước, hiện chuyển che lấp.

由彼於識生取著心現覆蔽已。

do bị ư thức sinh thủ trú tâm hiện phúc tế dĩ 。

Do kẻ đó ở nơi thức, sinh tâm chấp trước, tâm bị che lấp,

即於聲聞緣覺乘中不能出離。何況大乘。又由如是取著覆蔽因故。

tức ư thanh văn duyên giác thừa trung bất năng xuất ly 。

hà hưởng Đại thừa 。

hựu do như thị thủ trú phúc tế nhân cố 。

nên ở nơi Thanh văn và Duyên giác thừa không thể xuất ly, hưởng là Đại thừa. Lại do tâm đã bị chấp trước che lấp như thế,

長時在於地獄畜生餓鬼人天諸趣。

trường thời tại ư Địa-ngục súc sinh ngạ quỷ nhân Thiên chư thú 。

nên ở mãi các nơi địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, người, trời,

受生死苦輪轉無盡。

thọ sinh tử khổ luân chuyển vô tận 。

chịu khổ sinh tử luân hồi vô tận.

復次須菩提。如是色於三性中轉。

phục thứ Tu Bồ đề 。

như thị sắc ư tam tánh trung chuyển 。

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Sắc chuyển theo ba tánh như thế.

若有智者如實了知。即於色中不生取著。

nhược hữu trí giả như thực liễu tri 。

tức ư sắc trung bất sinh thủ trú 。

Nếu người trí hiểu biết như thực tức không sinh chấp trước ở nơi sắc,

亦不現轉其心開明。由彼於色不生取著心開明已。

diệc bất hiện chuyển kỳ tâm khai minh 。

do bị ư sắc bất sinh thủ trú tâm khai minh dĩ 。

cũng chẳng hiện chuyển, tâm được sáng tỏ. Vì ở nơi sắc không sinh chấp trước, tâm được sáng tỏ,

即於大乘法中而能出離。何況聲聞緣覺乘中。

tức ư Đại thừa Pháp trung nhi năng xuất ly 。 hà huống thanh văn duyên giác thừa trung  
。

nên ở nơi Đại thừa có thể xuất ly, huống là Thanh văn, Duyên giác thừa.

又由如是不生取著心開明故。

hựu do như thị bất sinh thủ trữ tâm khai minh cố 。

Lại vì không sinh chấp trước, tâm được sáng tỏ như vậy,

不於長時在彼地獄畜生餓鬼人天諸趣受生死苦。

bất ư trường thời tại bỉ Địa-ngục súc sinh ngạ quỷ nhân Thiên chư thú thọ sinh tử khổ 。

nên chẳng ở mãi các nơi địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, người, trời, để chịu khổ sinh tử.

中推求於色無所得時。色即一切都無照發。

trung thôi cầu ư sắc vô sở đắc thời 。

Trong khi suy cầu mà ở nơi sắc không có sở đắc, thì tất cả sắc đều không chiếu phát.

色無照已。即於色法平等性中如實了知。

sắc vô chiếu dĩ 。

Sắc đã không chiếu, tức như thực liễu tri tánh bình đẳng của sắc pháp;

是菩薩速疾證得阿耨多羅三藐三菩提果。

thị Bồ Tát tốc tột chứng đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề quả 。

Bồ-tát này sớm chứng đắc quả Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

須菩提。受想行識亦復如是。

Tu Bồ đề 。

Tu-bồ-đề, thọ, tưởng, hành, thức cũng như thế.

若菩薩摩訶薩於諸識中推求於識無所得時。

nhược Bồ Tát Ma-Ha tát ư chư thức trung thôi cầu ư thức vô sở đắc thời 。

Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát đối các thức, khi suy cầu mà không có sở đắc,

識即一切都無照發。識無照已。

thức tức nhất thiết vô chiếu phát 。 thức vô chiếu dĩ 。  
tức tất cả thức đều không chiếu phát. Thức đã không chiếu phát,

即於識法平等性中如實了知。

tức ư thức Pháp bình đẳng tánh trung như thực liễu tri 。  
tức như thực liễu tri tánh bình đẳng của thức;

是菩薩速疾證得阿耨多羅三藐三菩提果。

thị Bồ Tát tốc tạt chứng đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề quả 。  
Bồ-tát này sớm chứng đắc quả Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

爾時世尊重說頌曰。

nhĩ thời Thế tôn trọng thuyết tụng viết 。

Lúc bấy giờ Thế-tôn thuyết lại bằng bài tụng:

推求無異法 物境無照心

thôi cầu vô dị Pháp vật cảnh vô chiếu tâm

Suy cầu pháp vô dị

Vật cảnh không chiếu tâm

智了於法性 此即得菩提

trí liễu ư Pháp tánh thử tức đắc bồ đề

Trí biết được Pháp tánh

Người đó đắc Bồ-đề

復次須菩提。

phục thứ Tu Bồ đề 。

Lại nữa, Tu-bồ-đề.

菩薩摩訶薩若於色中善解無性法者。即於色中色修作具足。



Bồ Tát Ma-Ha tát nương ư sắc trung thiện giải Vô tánh Pháp giả 。 tức ư sắc trung sắc tu tác cụ túc 。

Bồ-tát Ma-ha-tát nếu ở nơi sắc, khéo hiểu pháp vô tánh, tức ở nơi sắc có đủ tu tập, tạo tác về sắc

而於色界亦無所動。

nhi ư sắc giới diệc vô sở động 。

mà không bị động chuyển ở trong Sắc giới;

是菩薩速疾證得阿耨多羅三藐三菩提果。

thị Bồ Tát tốc tạt chứng đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề quả 。

Bồ-tát này sớm chứng đắc quả Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác

須菩提。受想行識亦復如是。

Tu Bồ đề 。

Tu-bồ-đề, thọ, tưởng, hành, thức cũng như thế.

菩薩摩訶薩若於識中善解無性法者。

Bồ Tát Ma-Ha tát nương ư thức trung thiện giải Vô tánh Pháp giả 。

Bồ-tát Ma-ha-tát nếu ở nơi thức khéo hiểu pháp vô tánh,

即於識中識修作具足。而於法界亦無所動。

tức ư thức trung thức tu tác cụ túc 。

nhi ư Pháp giới diệc vô sở động 。

tức ở nơi thức, có đủ tu tập, tạo tác về thức, mà không bị động chuyển ở trong Pháp giới;

是菩薩速疾證得阿耨多羅三藐三菩提果。

thị Bồ Tát tốc tạt chứng đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề quả 。

Bồ Tát đó sớm chứng đắc quả Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

爾時世尊重說頌曰。

nhĩ thời Thế tôn trọng thuyết tụng viết 。

Lúc bấy giờ Thế-tôn thuyết lại bằng bài tụng:

智善解無性 修作悉具足

Trí thiện giải Vô tánh tu tác tất cụ túc

Trí khéo giải vô tánh Tu, tác đều đầy đủ

亦不動法界 即得一切智

diệc bất động Pháp giới tức đắc nhất thiết trí

Chẳng động nơi Pháp-giới Tức đắc Nhất thiết trí.

復次須菩提。色中無義無句義大義。

phục thứ Tu Bồ đề 。 sắc trung vô nghĩa vô cú nghĩa Đại nghĩa 。

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Trong sắc không có nghĩa, không có cú nghĩa, không có nghĩa lớn.

菩薩摩訶薩若能如實正了知者。

Bồ Tát Ma-Ha tát nhược năng như thực chính liễu tri giả 。

Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát có thể thấu hiểu chân chính như thực,

是菩薩速疾證得阿耨多羅三藐三菩提果。

thị Bồ Tát tốc tạt chứng đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề quả 。

thì Bồ-tát đó sớm chứng đắc quả Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

須菩提。受想行識亦復如是。

Tu Bồ đề 。 thọ tưởng hành thức diệc phục như thị 。

Tu-bồ-đề, thọ, tưởng, hành, thức cũng như thế.

識中無義無句義大義。菩薩摩訶薩若能如實正了知者。

thức trung vô nghĩa vô cú nghĩa Đại nghĩa 。

Bồ Tát Ma-Ha tát nhược năng như thực chính liễu tri giả 。

Trong thức không có nghĩa, không có cú nghĩa, không có nghĩa lớn. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát có thể thấu hiểu chân chính như thực,

是菩薩速疾證得阿耨多羅三藐三菩提果。

thị Bồ Tát tốc tạt chứng đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề quả 。

thì Bồ-tát đó sớm chứng đắc quả Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

爾時世尊重說頌曰。

nhĩ thời Thế tôn trọng thuyết tụng viết 。

Lúc bấy giờ Thế-tôn thuyết lại bằng bài tụng:

無義無句義

大義亦復然

vô nghĩa vô cú nghĩa

Đại nghĩa diệc phục nhiên

Không nghĩa, không cú nghĩa Nghĩa lớn cũng như vậy

菩薩善了知

速得菩提果

Bồ Tát thiện liễu tri

tốc đắc bồ đề quả

Bồ-tát khéo liễu tri

Sớm đắc quả Bồ-đề.

復次須菩提。

phục thứ Tu Bồ đề 。

Lại nữa, Tu-bồ-đề.

菩薩摩訶薩於諸色中應當了知五種貪法。知己捨離。何等為五。一尋求貪。

Bồ Tát Ma-Ha tát ư chư sắc trung ứng đương liễu tri ngũ chủng tham Pháp 。

tri dĩ xả ly 。

hà đẳng vi ngũ 。

Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi các sắc phải biết năm loại Tham; biết được tức xả ly. Thế nào là năm? Một là Tầm cầu tham;

二遍尋求貪。三分別貪。四貪。五大貪。

nhị biến tầm cầu tham 。

tam phần biệt tham 。

tứ tham 。

ngũ Đại tham 。

hai là Biến tầm cầu tham; ba là Phân biệt tham; bốn là Tham; năm là Đại tham.

須菩提。受想行識亦復如是。

Tu Bồ đề 。 thọ tưởng hành thức diệc phục như thị 。

Tu-bồ-đề, thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thế.

菩薩摩訶薩於諸識中應當了知五種貪法。知己捨離。

Bồ Tát Ma-Ha tát ư chư thức trung ứng đương liễu tri ngũ chủng tham Pháp 。

tri dĩ xả ly 。

Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi các thức phải biết năm loại Tham, biết được tức xả ly.

何等為五。一尋求貪。二遍尋求貪。三分別貪。

hà đẳng vi ngũ 。

nhất tầm cầu tham 。

nhị biến tầm cầu tham 。

tam phần biệt tham 。

Thế nào là năm? Một là Tầm cầu tham; hai là Biến tầm cầu tham; ba là Phân biệt tham;

四貪。五大貪。

tứ tham 。

ngũ Đại tham 。

bốn là Tham; năm là Đại tham.

須菩提。

Tu Bồ đề 。

Tu-bồ-đề,

菩薩摩訶薩於諸色中若能捨離此五貪已。即於諸色自性無所得。

Bồ Tát Ma-Ha tát ư chư sắc trung nhược năng xả ly thử ngũ tham dĩ 。

tức ư chư sắc tự tánh vô sở đắc 。

nếu Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi các sắc có thể xả bỏ năm loại Tham này, tức không sở đắc tự tánh của các sắc.

若色自性無所得時。即色中色亦無所得。

nhược sắc tự tánh vô sở đắc thời 。

tức sắc trung sắc diệc vô sở đắc 。

Nếu khi không sở đắc tự tánh của các sắc, tức ở nơi sắc cũng không sở đắc sắc.

若色中色無所得時。即色中色而有所得。

nhược sắc trung sắc vô sở đắc thời 。 tức sắc trung sắc nhi hữu sở đắc 。

Nếu khi ở nơi sắc không sở đắc sắc, tức ở nơi sắc có sở đắc sắc.

若色中色有所得者。即彼色中色而無所得。由如是故。

nhược sắc trung sắc hữu sở đắc giả 。 tức bỉ sắc trung sắc nhi vô sở đắc 。

do như thị cố

Nếu ở nơi sắc có sở đắc sắc, tức ở nơi sắc đó mà không sở đắc sắc. Vì thế,

於諸色中若有所得若無所得。諸種類色而悉超越。

ư chư sắc trung nhược hữu sở đắc nhược vô sở đắc 。

chư chủng loại sắc nhi tất vượt thoát 。

ở nơi sắc, dù có sở đắc hay không sở đắc, thầy đều siêu việt các chủng loại sắc,

即能出離成就阿耨多羅三藐三菩提果。

tức năng xuất ly thành tựu a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề quả 。

tức có thể xuất ly, thành tựu quả Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

須菩提。受想行識亦復如是。

Tu Bồ đề 。

thọ tưởng hành thức diệc phục như thị 。

菩薩摩訶薩於諸識中若能捨離此五貪已。

Bồ Tát Ma-Ha tát ư chư thức trung nhược năng xả ly thử ngũ tham dĩ 。

Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi các thức, nếu đã có thể xả ly năm loại Tham,

即於諸識自性無所得。若識自性無所得時。

tức ư chư thức tự tánh vô sở đắc 。

nhược thức tự tánh vô sở đắc thời  
tức ở nơi các thức đều không sở đắc tự tánh của thức. Nếu khi không sở đắc tự tánh của thức,

即識中識亦無所得。若識中識無所得時。

tức thức trung thức diệc vô sở đắc 。 nhược thức trung thức vô sở đắc thời 。  
tức ở nơi thức cũng không sở đắc thức. Nếu ở nơi thức không sở đắc thức,

即識中識而有所得。若識中識有所得者。

tức thức trung thức nhi hữu sở đắc 。 nhược thức trung thức hữu sở đắc giả 。  
tức ở nơi thức có sở đắc thức. Nếu ở nơi thức có sở đắc thức,

即彼識中識而無所得。由如是故。於諸識中若有所得若無所得。

tức bỉ thức trung thức nhi vô sở đắc 。 do như thị cố 。 ư chư thức trung nhược hữu sở đắc  
nhược vô sở đắc 。

tức ở nơi thức đó không có sở đắc thức. Vì thế, ở nơi các thức, dù có sở đắc hay không sở  
đắc,

諸種類識而悉超越。

chư chủng loại thức nhi tất vượt thoát  
thảy đều siêu việt các chủng loại thức,

即能出離成就阿耨多羅三藐三菩提果。

tức năng xuất ly thành tựu a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề quả 。  
tức có thể xuất ly, thành tựu quả Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

復次須菩提。

phục thứ Tu Bồ đề 。  
Lại nữa, Tu-bồ-đề.

菩薩摩訶薩於諸色中應當了知五種瞋法。知己捨離。何等為五。一尋伺瞋。

Bồ Tát Ma-Ha tát ư chư sắc trung ứng đương liễu tri ngũ chủng sân Pháp 。 tri dĩ xả ly 。  
hà đẳng vi ngũ 。 nhất tầm tý sân 。

Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi các sắc phải hiểu rõ năm loại pháp Sân, biết được tức xả ly. Thế nào là năm? Một là Tầm tứ sân;

二遍尋伺曠。三分別伺曠。四曠。五大曠。

nhị biến tầm tứ sân 。 tam phần biệt tứ sân 。 tứ sân 。 ngũ Đại sân 。

hai là Biến tầm tứ sân; ba là Phân biệt tứ sân; bốn là Sân; năm là Đại sân.

須菩提。受想行識亦復如是。

Tu Bồ đề 。 thọ tưởng hành thức diệc phục như thị 。

Tu-bồ-đề, thọ, tưởng, hành, thức cũng như thế.

菩薩摩訶薩於諸識中應當了知五種曠法。知己捨離。

Bồ Tát Ma-Ha tát ư chư thức trung ứng đương liễu tri ngũ chủng sân Pháp 。 tri dĩ xả ly 。

Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi các thức phải hiểu rõ năm loại pháp Sân, biết được tức xả ly.

何等為五。一尋伺曠。二遍尋伺曠。三分別伺曠。

hà đẳng vi ngũ 。 nhất tầm tứ sân 。 nhị biến tầm tứ sân 。 tam phần biệt tứ sân 。

Thế nào là năm? Một là Tầm tứ sân; hai là Biến tầm tứ sân; ba là Phân biệt tứ sân;

。

四曠。五大曠。

tứ sân 。 ngũ Đại sân 。

bốn là Sân; năm là Đại sân.

須菩提。

Tu Bồ đề 。

Tu-bồ-đề,

菩薩摩訶薩於諸色中若能捨離此五曠已。即於諸色自性無所得。

Bồ Tát Ma-Ha tát ư chư sắc trung nhược năng xả ly thử ngũ sân dĩ 。 tức ư chư sắc tự tánh vô sở đắc 。

Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi các sắc nếu có thể xả bỏ năm loại Sân này, tức ở nơi sắc không sở đắc tự tánh của sắc.

若色自性無所得時。即色中色亦無所得。

nhược sắc tự tánh vô sở đắc thời 。 tức sắc trung sắc diệt vô sở đắc 。

Nếu khi không sở đắc tự tánh của sắc, tức ở nơi sắc cũng không sở đắc sắc.

若色中色無所得時。即色中色而有所得。

nhược sắc trung sắc vô sở đắc thời 。 tức sắc trung sắc nhi hữu sở đắc 。

Nếu khi ở nơi sắc không sở đắc sắc, tức ở nơi sắc có sở đắc sắc.

若色中色有所得者。即彼色中色而無所得。由如是故。

nhược sắc trung sắc hữu sở đắc giả 。 tức bỉ sắc trung sắc nhi vô sở đắc 。

do như thị cố 。

Nếu ở nơi sắc có sở đắc sắc, tức ở nơi sắc đó mà không sở đắc sắc. Vì thế,

於諸色中若有所得若無所得。諸種類色而悉超越。

ư chư sắc trung nhược hữu sở đắc nhược vô sở đắc 。

chư chủng loại sắc nhi tất vượt thoát 。

ở nơi sắc, dù có sở đắc hay không sở đắc, thầy đều siêu việt các chủng loại sắc,

即能出離。成就阿耨多羅三藐三菩提果。

tức năng xuất ly 。

thành tựu a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề quả 。

tức có thể xuất ly, thành tựu quả Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

須菩提。受想行識亦復如是。

Tu Bồ đề 。

thọ tưởng hành thức diệc phục như thị 。

Tu-bồ-đề, thọ, tưởng, hành, thức cũng như thế.



菩薩摩訶薩於諸識中若能捨離此五瞋已。

Bồ Tát Ma-Ha tát ư chư thức trung nhược năng xả ly thử ngũ sân dĩ 。

Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi các thức nếu đã có thể xả bỏ năm loại Sân này,

即於諸識自性無所得。若識自性無所得時。

tức ư chư thức tự tánh vô sở đắc 。

tức ở nơi các thức không sở đắc tự tánh của thức. Nếu khi không sở đắc tự tánh của thức,

即識中識亦無所得。若識中識無所得時。

tức thức trung thức diệc vô sở đắc 。

tức ở nơi thức cũng không sở đắc thức. Nếu khi ở nơi thức không sở đắc thức,

即識中識而有所得。若識中識有所得者。

tức thức trung thức nhi hữu sở đắc 。

tức ở nơi thức mà có sở đắc thức. Nếu ở nơi thức mà có sở đắc thức,

即彼識中識而無所得。由如是故。

tức bỉ thức trung thức nhi vô sở đắc 。

tức ở nơi thức đó không có sở đắc thức. Vì thế,

於諸識中若有所得若無所得諸種類識而悉超越。

ư chư thức trung nhược hữu sở đắc nhược vô sở đắc chư chủng loại thức nhi tất vượt thoát 。

ở nơi các thức, dù có sở đắc hay không sở đắc, thấy đều siêu việt các chủng loại thức,

即能出離成就阿耨多羅三藐三菩提果。

tức năng xuất ly thành tựu a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề quả 。

tức có thể xuất ly để thành tựu quả Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

復次須菩提。

phục thứ Tu Bồ đề 。

Lại nữa, Tu-bồ-đề.

菩薩摩訶薩於諸色中應當了知五種癡法。知己捨離。何等為五。一動亂癡。

Bồ Tát Ma-Ha tát ư chư sắc trung ứng đương liễu tri ngũ chủng si Pháp 。 tri dĩ xả ly 。 hà đẳng vi ngũ 。 nhất động loạn si 。

Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi các thức nên hiểu rõ năm loại pháp Si, biết được tức xả ly. Thế nào là năm? Một là Động loạn si;

二動亂相癡。三無動亂相癡。四癡。五大癡。

nhị động loạn tướng si 。

hai là Động loạn tướng si; ba là Vô động loạn tướng si; bốn là Si; năm là Đại si.

須菩提。受想行識亦復如是。

Tu Bồ đề 。 thọ tưởng hành thức diệc phục như thị 。

Tu-bồ-đề, thọ, tưởng, hành, thức cũng như thế.

菩薩摩訶薩於諸識中應當了知五種癡法。知己捨離。

Bồ Tát Ma-Ha tát ư chư thức trung ứng đương liễu tri ngũ chủng si Pháp 。 tri dĩ xả ly 。

Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi các thức nên biết rõ năm loại pháp Si; biết được tức xả ly.

何等為五。一動亂癡。二動亂相癡。三無動亂相癡。

hà đẳng vi ngũ 。 nhất động loạn si 。

。

Thế nào là năm? Một là Động loạn si; hai là Động loạn tướng si; ba là Vô động loạn tướng si;

四癡。五大癡。

tứ si 。

bốn là Si; năm là Đại si.

須菩提。

Tu Bồ đề 。

Tu-bồ-đề,

菩薩摩訶薩於諸色中若能捨離此五癡已。即於諸色自性無所得。

Bồ Tát Ma-Ha tát ư chư sắc trung nhược năng xả ly thử ngũ si dĩ 。 tức ư chư sắc tự tánh vô sở đắc 。

Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi các sắc có thể xả bỏ năm loại Si này, tức ở nơi sắc không sở đắc tự tánh sắc.

若色自性無所得時。即色中色亦無所得。

nhược sắc tự tánh vô sở đắc thời 。 tức sắc trung sắc diệt vô sở đắc 。

Nếu khi không sở đắc tự tánh sắc, tức ở nơi sắc cũng không sở đắc sắc.

若色中色無所得時。即色中色而有所得。

nhược sắc trung sắc vô sở đắc thời 。 tức sắc trung sắc nhi hữu sở đắc 。

Nếu khi ở nơi sắc không sở đắc sắc, tức ở nơi sắc có sở đắc sắc.

若色中色有所得者。即彼色中色而無所得。由如是故。

nhược sắc trung sắc hữu sở đắc giả 。 tức bỉ sắc trung sắc nhi vô sở đắc 。

do như thị cố 。

Nếu ở nơi sắc có sở đắc sắc, tức ở nơi sắc đó mà không sở đắc sắc.

於諸色中若有所得若無所得。諸種類色而悉超越。

ư chư sắc trung nhược hữu sở đắc nhược vô sở đắc 。

chư chủng loại sắc nhi tất vượt thoát 。

Đối với các sắc, dù có sở đắc hay không sở đắc, thầy đều siêu việt các chủng loại sắc,

即能出離成就阿耨多羅三藐三菩提果。

tức năng xuất ly thành tựu a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề quả 。

tức có thể xuất ly để thành tựu quả Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

須菩提。受想行識亦復如是。

Tu Bồ đề 。 thọ tướng hành thức diệt phục như thị 。  
Tu-bồ-đề, thọ, tướng, hành, thức cũng như thế.

菩薩摩訶薩於諸識中若能捨離此五癡已。

Bồ Tát Ma-Ha tát ư chư thức trung nhược năng xả ly thử ngũ si dĩ 。  
Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi các thức có thể xả bỏ năm thứ Si này,

即於諸識自性無所得。若識自性無所得時。

tức ư chư thức tự tánh vô sở đắc 。 nhược thức tự tánh vô sở đắc thời 。  
tức ở nơi các thức không sở đắc tự tánh của thức. Nếu khi không sở đắc tự tánh của thức,

即識中識亦無所得。若識中識無所得時。

tức thức trung thức diệt vô sở đắc 。 nhược thức trung thức vô sở đắc thời 。  
tức ở nơi thức cũng không sở đắc thức. Nếu khi ở nơi thức không sở đắc thức,

即識中識而有所得。若識中識有所得者。

tức thức trung thức nhi hữu sở đắc 。 nhược thức trung thức hữu sở đắc giả 。  
tức ở nơi thức có sở đắc thức. Nếu ở nơi thức có sở đắc thức,

即彼識中識而無所得。由如是故。於諸識中若有所得若無所得。

tức bỉ thức trung thức nhi vô sở đắc 。 do như thị cố 。 ư chư thức trung nhược hữu sở đắc  
nhược vô sở đắc 。

tức ở nơi thức đó không sở đắc thức. Vì thế, ở nơi thức, dù có sở đắc hay không sở đắc,

諸種類識而悉超越。

chư chủng loại thức nhi tất vượt thoát 。

即能出離成就阿耨多羅三藐三菩提果。

tức năng xuất ly thành tựu a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề quả 。

tức có thể xuất ly, thành tựu quả Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

復次須菩提。

phục thứ Tu Bồ đề 。

Lại nữa, Tu-bồ-đề.

菩薩摩訶薩於諸色中應當了知五種慢法。知己捨離。何等為五。一多聞慢。

Bồ Tát Ma-Ha tát ư chư sắc trung ứng đương liễu tri ngũ chủng mạn Pháp 。

tri dĩ xả ly 。

hà đẳng vi ngũ 。

nhất đa văn mạn 。

Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi các sắc phải hiểu biết năm loại Mạn; biết được tức xả ly. Thế nào là năm? Một là Đa văn mạn;

二高勝慢。三增上慢。四慢。五大慢。

nhị cao thắng mạn 。

tam tăng thượng mạn 。

tứ mạn 。

ngũ Đại mạn 。

hai là Cao thắng mạn; ba là Tăng thượng mạn; bốn là Mạn; năm là Đại mạn.

須菩提。受想行識亦復如是。

Tu Bồ đề 。

thọ tưởng hành thức diệc phục như thị 。

Tu-bồ-đề, thọ, tưởng, hành, thức cũng như thế.

菩薩摩訶薩於諸識中應當了知五種慢法。知己捨離。

Bồ Tát Ma-Ha tát ư chư thức trung ứng đương liễu tri ngũ chủng mạn Pháp 。

tri dĩ xả ly 。

Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi các thức phải hiểu rõ năm loại Mạn; biết được tức xả ly.

何等為五。一多聞慢。二高勝慢。三增上慢。四慢。

hà đẳng vi ngũ 。

nhất đa văn mạn 。

nhị cao thắng mạn 。

tam tăng thượng mạn 。

tứ mạn 。

Thế nào là năm? Một là Đa văn mạn; hai là Cao thắng mạn; ba là Tăng thượng mạn; bốn là Mạn;

五大慢。

ngũ Đại mạn 。

năm là Đại mạn.

須菩提。

Tu Bồ đề 。

Tu-bồ-đề,

菩薩摩訶薩於諸色中若能捨離此五慢已。即於諸色自性無所得。

Bồ Tát Ma-Ha tát ư chư sắc trung nhược năng xả ly thử ngũ mạn dĩ 。

tức ư chư sắc tự tánh vô sở đắc 。

nếu Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi các sắc có thể xả bỏ năm Mạn này, tức ở nơi các sắc không có sở đắc tự tánh.

若色自性無所得時。即色中色亦無所得。

nhược sắc tự tánh vô sở đắc thời 。

tức sắc trung sắc diệt vô sở đắc 。

Nếu khi không sở đắc tự tánh của sắc, tức ở nơi sắc cũng không sở đắc sắc.

若色中色無所得時。即色中色而有所得。

nhược sắc trung sắc vô sở đắc thời 。

tức sắc trung sắc nhi hữu sở đắc 。

Nếu khi ở nơi sắc không sở đắc sắc, tức ở nơi sắc mà có sở đắc sắc.

若色中色有所得者。即彼色中色而無所得。由如是故。

nhược sắc trung sắc hữu sở đắc giả 。

tức bỉ sắc trung sắc nhi vô sở đắc 。

do như thị cố 。

Nếu ở nơi sắc có sở đắc sắc, tức ở nơi sắc đó không có sở đắc sắc. Vì thế,

於諸色中若有所得若無所得。諸種類色而悉超越。

ư chư sắc trung nhược hữu sở đắc nhược vô sở đắc 。

chư chủng loại sắc nhi tất vượt thoát 。

ở nơi các sắc, dù có sở đắc hay không sở đắc, thầy đều siêu việt các chủng loại sắc,

即能出離成就阿耨多羅三藐三菩提果。

tức năng xuất ly thành tựu a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề quả 。  
tức có thể xuất ly, thành tựu quả Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

須菩提。受想行識亦復如是。

Tu Bồ đề 。 thọ tưởng hành thức diệc phục như thị 。

Tu-bồ-đề, thọ, tưởng, hành, thức cũng như thế.

菩薩摩訶薩於諸識中若能捨離此五慢已。

Bồ Tát Ma-Ha tát ư chư thức trung nhược năng xả ly thử ngũ mạn dĩ 。

Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi các thức có thể xả bỏ năm thứ Mạn này,

即於諸識自性無所得。若識自性無所得時。

tức ư chư thức tự tánh vô sở đắc 。

tức ở nơi thức không sở đắc tự tánh của thức. Nếu khi không sở đắc tự tánh của thức

即識中識亦無所得。若識中識無所得時。

tức thức trung thức diệc vô sở đắc 。

tức ở nơi thức cũng không sở đắc thức. Nếu ở nơi thức khi không sở đắc thức,

即識中識而有所得。若識中識有所得者。

tức thức trung thức nhi hữu sở đắc 。

tức ở nơi thức không sở đắc thức. Nếu người ở nơi thức không sở đắc thức,

即彼識中識而無所得。由如是故。於諸識中若有所得若無所得。

tức bỉ thức trung thức nhi vô sở đắc 。

tức ở nơi thức đó không có sở đắc thức. Vì thế, ở nơi các thức, dù có sở đắc hay không sở đắc,

諸種類識而悉超越。

chư chủng loại thức nhi tất vượt thoát 。

thầy đều siêu việt các chủng loại thức;

即能出離成就阿耨多羅三藐三菩提果。

tức năng xuất ly thành tựu a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề quả 。

tức có thể xuất ly để thành tựu quả Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

佛說開覺自性般若波羅蜜多經卷第二

Phật thuyết khai giác tự tánh bát nhã ba la mật đa Kinh quyển đệ nhị

Kinh Phật thuyết Khai giác Tự tánh Bát-nhã Ba-la-mật-đa, quyển thứ hai.

**260-003**

佛說開覺自性般若波羅蜜多

Phật thuyết khai giác tự tánh bát nhã ba la mật đa

**Kinh Phật thuyết Khai giác Tự tánh Bát-nhã Ba-la-mật-đa**

經卷第三

Kinh quyển đệ tam

**Quyển thứ ba**

西天譯經三藏朝散大夫試光祿

Tây Thiên dịch Kinh Tam Tạng triều tán Đại phu thí quang lộc

Tây thiên dịch kinh Tam tạng, Triều tán Đại phu, Thí quang Lộc khanh,

卿傳梵大師賜紫沙門臣法護等

khanh truyện phạm Đại sư tứ tử Sa Môn Thần Pháp hộ đẳng

Truyền phạm đại sư, Tứ tử Sa môn, Thần Pháp hộ, vân vân,

奉 詔譯

phụng chiếu dịch

phụng chiếu dịch.



復次須菩提。

phục thứ Tu Bồ đề 。

Lại nữa, Tu-bồ-đề.

菩薩摩訶薩於色法中應當了知五種見法。知己捨離。何等為五。

Bồ Tát Ma-Ha tát ư sắc Pháp trung ứng đương liễu tri ngũ chủng kiến Pháp 。

tri dĩ xả ly 。

hà đẳng vi ngũ 。

Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi sắc nên biết rõ năm loại Kiến, biết được tức xả ly. Thế nào là năm?

一自性顛倒見。二有見。三誣謗見。四見。五大見。

nhất tự tánh điên đảo kiến 。

nhị hữu kiến 。

tam vu báng kiến 。

tứ kiến 。

ngũ Đại kiến 。

Một là Tự tánh điên đảo kiến, hai là Hữu kiến, ba là Vu báng kiến, bốn là Kiến, năm là Đại kiến.

須菩提。受想行識亦復如是。

Tu Bồ đề 。

thọ tưởng hành thức diệc phục như thị 。

Tu-bồ-đề, thọ, tưởng, hành, thức cũng như thế.

菩薩摩訶薩於識法中應當了知五種見法。知己捨離。何等為五。

Bồ Tát Ma-Ha tát ư thức Pháp trung ứng đương liễu tri ngũ chủng kiến Pháp 。

tri dĩ xả ly 。

hà đẳng vi ngũ 。

Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi thức nên biết rõ năm loại Kiến, biết được tức xả ly. Thế nào là năm?

一自性顛倒見。二有見。三誣謗見。四見。

nhất tự tánh điên đảo kiến 。

nhị hữu kiến 。

tam vu báng kiến 。

tứ kiến 。

Một là Tự tánh điên đảo kiến, hai là Hữu kiến, ba là Vu báng kiến, bốn là Kiến,

五大見。須菩提。

ngũ Đại kiến 。

Tu Bồ đề 。

năm là Đại kiến. Tu-bồ-đề,

菩薩摩訶薩於色法中若能捨離此五見已。即於諸色自性無所得。

Bồ Tát Ma-Ha tát ư sắc Pháp trung nhược năng xả ly thủ ngũ kiến dĩ 。 tức ư chư sắc tự tánh vô sở đắc 。

Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi sắc pháp nếu có thể xả bỏ năm kiến này, tức ở nơi sắc không sở đắc tự tánh.

若色自性無所得時。即色中色亦無所得。

nhược sắc tự tánh vô sở đắc thời 。 tức sắc trung sắc diệt vô sở đắc 。

Nếu khi không sở đắc tự tánh của sắc, tức ở nơi sắc cũng không sở đắc sắc.

若色中色無所得時。即色中色而有所得。

nhược sắc trung sắc vô sở đắc thời 。 tức sắc trung sắc nhi hữu sở đắc 。

Nếu khi ở nơi sắc không sở đắc sắc, tức ở nơi sắc có sở đắc sắc.

若色中色有所得者。即彼色中色而無所得。由如是故。

nhược sắc trung sắc hữu sở đắc giả 。 tức bỉ sắc trung sắc nhi vô sở đắc 。

do như thị cố 。

Nếu ở nơi sắc có sở đắc sắc, tức ở nơi sắc không sở đắc sắc. Vì thế,

於諸色中若有所得。

ư chư sắc trung nhược hữu sở đắc 。

ở nơi các sắc, dù có sở đắc

若無所得諸種類色而悉超越。即能出離成就阿耨多羅三藐三菩提果。

nhược vô sở đắc chư chủng loại sắc nhi tất vượt thoát 。

tức năng xuất ly thành tựu a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề quả 。

hay không có sở đắc, thầy đều siêu việt các chủng loại sắc, tức có thể xuất ly, thành tựu quả Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

須菩提。受想行識亦復如是。

Tu Bồ đề 。 thọ tưởng hành thức diệc phục như thị 。

Tu-bồ-đề, thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

菩薩摩訶薩於識法中若能捨離此五見已。

Bồ Tát Ma-Ha tát ư thức Pháp trung nhược năng xả ly thủ ngũ kiến dĩ 。

Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi thức có thể xả bỏ năm kiến này,

即於諸識自性無所得。若識自性無所得時。

tức ư chư thức tự tánh vô sở đắc 。

tức ở nơi các thức không sở đắc tự tánh. Nếu khi không sở đắc tự tánh của các thức,

即識中識亦無所得。若識中識無所得時。

tức thức trung thức diệc vô sở đắc 。

tức ở nơi thức cũng không có sở đắc thức. Nếu khi ở nơi thức không sở đắc thức,

即識中識而有所得。若識中識有所得者。

tức thức trung thức nhi hữu sở đắc 。

tức ở nơi thức có sở đắc thức. Nếu ở nơi thức có sở đắc thức,

即彼識中識而無所得。由如是故。於諸識中若有所得若無所得。

tức bỉ thức trung thức nhi vô sở đắc 。

tức ở nơi thức không sở đắc thức. Vì thế, ở nơi thức, dù có sở đắc hay không sở đắc,

諸種類識而悉超越。

chư chủng loại thức nhi tất vượt thoát 。

thảy đều siêu việt các chủng loại thức,

即能出離成就阿耨多羅三藐三菩提果。

tức năng xuất ly thành tựu a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề quả 。

tức có thể xuất ly, thành tựu quả Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

復次須菩提。

phục thứ Tu Bồ đề 。

Lại nữa, Tu-bồ-đề.

菩薩摩訶薩於色法中應當了知五種疑法。知己捨離。何等為五。一法疑。

Bồ Tát Ma-Ha tát ư sắc Pháp trung ứng đương liễu tri ngũ chủng nghi Pháp 。

tri dĩ xả ly 。

hà đẳng vi ngũ 。

nhất Pháp nghi 。

Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi sắc pháp nên biết rõ năm loại Nghi, biết được tức xả ly. Thế nào là năm? Một là Pháp nghi,

二諸趣苦疑三佛菩薩法寂靜疑。四疑五大疑。

nhị chư thú khổ nghi tam Phật Bồ Tát Pháp tịch tĩnh nghi 。

tứ nghi ngũ Đại nghi 。

hai là Chư thú khổ nghi, ba là Phật Bồ-tát pháp tịch tĩnh nghi, bốn là Nghi, năm là Đại nghi.

須菩提。受想行識亦復如是。

Tu Bồ đề 。

thọ tưởng hành thức diệc phục như thị 。

Tu-bồ-đề, thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

菩薩摩訶薩於識法中應當了知五種疑法。知己捨離。

Bồ Tát Ma-Ha tát ư thức Pháp trung ứng đương liễu tri ngũ chủng nghi Pháp 。

tri dĩ xả ly 。

Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi thức pháp nên biết rõ năm loại Nghi, biết được tức xả ly.

何等為五。一法疑。二諸趣苦疑。

hà đẳng vi ngũ 。

nhất Pháp nghi 。

nhị chư thú khổ nghi 。

Thế nào là năm? Một là Pháp nghi, hai là Chư thú khổ nghi,

三佛菩薩法寂靜疑。四疑。五大疑。須菩提。

tam Phật Bồ Tát Pháp tịch tĩnh nghi 。 tứ nghi 。 ngũ Đại nghi 。 Tu Bồ đề 。  
ba là Phật Bồ-tát pháp tịch tĩnh nghi, bốn là Nghi, năm là Đại nghi. Tu-bồ-đề,

菩薩摩訶薩於色法中若能捨離此五疑已。

Bồ Tát Ma-Ha tát ư sắc Pháp trung nhược năng xả ly thử ngũ nghi dĩ 。

Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi sắc pháp nếu có thể xả bỏ năm loại nghi này

即於諸色自性無所得。若色自性無所得時。即色中色亦無所得。

tức ư chư sắc tự tánh vô sở đắc 。

nhược sắc tự tánh vô sở đắc thời 。

tức sắc trung sắc diệc vô sở đắc 。

thì ở nơi sắc không sở đắc tự tánh. Nếu ở nơi sắc khi không sở đắc tự tánh của sắc, tức ở nơi sắc cũng không sở đắc sắc.

若色中色無所得時。即色中色而有所得。

nhược sắc trung sắc vô sở đắc thời 。

tức sắc trung sắc nhi hữu sở đắc 。

Nếu ở nơi sắc khi không sở đắc sắc, tức ở nơi sắc có sở đắc sắc.

若色中色有所得者。即彼色中色而無所得。

nhược sắc trung sắc hữu sở đắc giả 。

tức bỉ sắc trung sắc nhi vô sở đắc 。

Nếu ở nơi sắc có sở đắc sắc, tức ở nơi sắc đó không sở đắc sắc.

由如是故。於諸色中若有所得若無所得。

do như thị cố 。

ư chư sắc trung nhược hữu sở đắc nhược vô sở đắc 。

Vì thế, ở nơi các sắc, dù có sở đắc hay không sở đắc,

諸種類色而悉超越。

chư chủng loại sắc nhi tất vượt thoát

thảy đều siêu việt các chủng loại sắc,

即能出離成就阿耨多羅三藐三菩提果。須菩提。

tức năng xuất ly thành tựu a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề quả 。

Tu Bồ đề 。

tức có thể xuất ly, thành tựu quả Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Tu-bồ-đề,

受想行識亦復如是。

thọ tưởng hành thức diệc phục như thị 。

thọ, tưởng, hành, thức cũng như thế.

菩薩摩訶薩於識法中若能捨離此五疑已。即於諸識自性無所得。

Bồ Tát Ma-Ha tát ư thức Pháp trung nhược năng xả ly thủ ngũ nghi dĩ 。

tức ư chư thức tự tánh vô sở đắc 。

Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi thức pháp nếu có thể xả bỏ năm Nghi này, thì ở nơi các thức không sở đắc tự tánh.

若識自性無所得時。即識中識亦無所得。

nhược thức tự tánh vô sở đắc thời 。

tức thức trung thức diệc vô sở đắc 。

Nếu khi không sở đắc tự tánh thức, thì ở nơi thức cũng không sở đắc thức.

若識中識無所得時。即識中識而有所得。

nhược thức trung thức vô sở đắc thời 。

tức thức trung thức nhi hữu sở đắc 。

Nếu khi ở nơi thức không sở đắc thức, thì ở nơi thức có sở đắc thức.

若識中識有所得者。即彼識中識而無所得。由如是故。

nhược thức trung thức hữu sở đắc giả 。

tức bỉ thức trung thức nhi vô sở đắc 。

do như thị cố 。

Nếu ở nơi thức có sở đắc thức, thì ở nơi thức đó không có sở đắc thức. Vì thế,

於諸識中若有所得若無所得。

ư chư thức trung nhược hữu sở đắc nhược vô sở đắc 。

ở nơi các thức, dù có sở đắc hay không sở đắc,

諸種類識而悉超越。

chư chủng loại thức nhi tất vượt thoát 。

thầy đều siêu việt các chủng loại thức,

即能出離成就阿耨多羅三藐三菩提果。

tức năng xuất ly thành tựu a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề quả 。

tức có thể xuất ly, thành tựu quả Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

復次須菩提。

phục thứ Tu Bồ đề 。

Lại nữa, Tu-bồ-đề.

菩薩摩訶薩於色法中若有所求。或於色中有所說法。

Bồ Tát Ma-Ha tát ư sắc Pháp trung nhược hữu sở cầu 。

hoặc ư sắc trung hữu sở thuyết Pháp 。

Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi sắc pháp nếu có sở cầu, hoặc ở nơi sắc có pháp được thuyết,

或於色中清淨身語意業。乃於彼色如言所說如所稱讚。

hoặc ư sắc trung thanh tịnh thân ngữ ý nghiệp 。

nãi ư bỉ sắc như ngôn sở thuyết như sở xưng tán 。

hoặc ở nơi sắc mà thanh tịnh các nghiệp của thân, ngữ, ý, và ở nơi sắc đó mà có ngôn thuyết như thế, xưng tán như thế.

以如是求故。如是說法故。如是清淨身語意業故。

dĩ như thị cầu cố 。

như thị thuyết Pháp cố 。

như thị thanh tịnh thân ngữ ý nghiệp cố 。

Do cầu như vậy, do thuyết pháp như vậy, do làm thanh tịnh các nghiệp thân, ngữ, ý như vậy,

而是菩薩摩訶薩於彼色中返求於苦。

nhi thị Bồ Tát Ma-Ha tát ư bỉ sắc trung phản cầu ư khổ 。

mà Bồ-tát Ma-ha-tát ấy, ở nơi sắc kia, lại đi cầu khổ;

當知是菩薩摩訶薩不正說法。不能清淨身語意業。

đương tri thị Bồ Tát Ma-Ha tát bất chính thuyết Pháp 。 bất năng thanh tịnh thân ngữ ý nghiệp 。

nên biết Bồ-tát Ma-ha-tát ấy không chân chính thuyết pháp, không thể thanh tịnh các nghiệp thân, ngữ, ý.

須菩提。若菩薩摩訶薩雖求於色。色中說法。

Tu Bồ đề 。 nhược Bồ Tát Ma-Ha tát tuy cầu ư sắc 。 sắc trung thuyết Pháp 。

Tu-bồ-đề, nếu Bồ-tát Ma-ha-tát tuy ở nơi sắc có cầu, có thuyết pháp,

色中清淨身語意業。而於色中不如言如說。

sắc trung thanh tịnh thân ngữ ý nghiệp 。 nhi ư sắc trung bất như ngôn như thuyết 。

có thanh tịnh các nghiệp thân, ngữ, ý; nhưng ở nơi sắc không có ngôn thuyết như thế,

不如所稱讚。以不如是求故。不如是說法故。

bất như sở xưng tán 。 dĩ bất như thị cầu cố 。

bất như thị thuyết Pháp cố 。

không có xưng tán như thế. Vì không cầu như thế, không thuyết pháp như thế,

不如是清淨身語意業故。

bất như thị thanh tịnh thân ngữ ý nghiệp cố 。

không làm thanh tịnh các nghiệp thân, ngữ, ý như thế;

菩薩摩訶薩能於色中如是求者。

Bồ Tát Ma-Ha tát năng ư sắc trung như thị cầu giả 。

mà Bồ-tát Ma-ha-tát, ở nơi sắc có thể cầu như thế.

當知是菩薩摩訶薩能正說法。能於色中清淨身語意業。須菩提。

đương tri thị Bồ Tát Ma-Ha tát năng chính thuyết Pháp 。

năng ư sắc trung thanh tịnh thân ngữ ý nghiệp 。

Tu Bồ đề 。

Nên biết Bồ-tát Ma-ha-tát ấy có thể chân chính thuyết pháp, có thể ở nơi sắc làm thanh tịnh các nghiệp thân, ngữ, ý. Tu-bồ-đề,



受想行識亦復如是。

thọ tưởng hành thức diệc phục như thị 。

thọ, tưởng, hành, thức cũng như thế.

菩薩摩訶薩於識法中若有所求。或於識中有所說法。

Bồ Tát Ma-Ha tát ư thức Pháp trung nhược hữu sở cầu 。

hoặc ư thức trung hữu sở thuyết Pháp 。

Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi thức có pháp sở cầu, hoặc ở nơi thức có pháp được thuyết,

或於識中清淨身語意業。乃於彼識如言如說如所稱讚。

hoặc ư thức trung thanh tịnh thân ngữ ý nghiệp 。

nãi ư bỉ thức như ngôn như thuyết như sở xưng tán 。

hoặc ở nơi thức mà thanh tịnh các nghiệp thân, ngữ, ý; và ở nơi thức đó có ngôn thuyết như thế, xưng tán như thế.

以如是求故。如是說法故。如是清淨身語意業故。

dĩ như thị cầu cố 。

nư thị thuyết Pháp cố 。

nư thị thanh tịnh thân ngữ ý nghiệp cố 。

Vì cầu như thế, thuyết pháp như thế, làm thanh tịnh các nghiệp thân, ngữ, ý như thế,

而是菩薩摩訶薩於彼識中返求於苦。

nhi thị Bồ Tát Ma-Ha tát ư bỉ thức trung phản cầu ư khổ 。

Bồ-tát Ma-ha-tát ấy, ở nơi thức kia, lại đi cầu khổ.

當知是菩薩摩訶薩不正說法。不能清淨身語意業。

đương tri thị Bồ Tát Ma-Ha tát bất chính thuyết Pháp 。

bất năng thanh tịnh thân ngữ ý nghiệp 。

Nên biết Bồ-tát Ma-ha-tát ấy không chân chính thuyết pháp, không thể thanh tịnh các nghiệp thân, ngữ, ý.

須菩提。若菩薩摩訶薩雖求於識。識中說法。

Tu Bồ đề 。

nhược Bồ Tát Ma-Ha tát tuy cầu ư thức 。

thức trung thuyết Pháp 。

Tu-bồ-đề, Bồ-tát Ma-ha-tát tuy ở nơi thức có cầu, ở nơi thức có thuyết pháp,

識中清淨身語意業。而於識中不如言如說。

thức trung thanh tịnh thân ngữ ý nghiệp 。 nhi ư thức trung bất như ngôn như thuyết 。  
ở nơi thức có thanh tịnh các nghiệp thân, ngữ, ý; nhưng ở nơi thức không có ngôn thuyết  
như thế,

不如所稱讚。以不如是求故。不如是說法故。

bất như sở xưng tán 。 dĩ bất như thị cầu cố 。 bất như thị thuyết Pháp cố 。  
không xưng tán như thế. Vì không cầu như thế, không thuyết pháp như thế,

不如是清淨身語意業故。

bất như thị thanh tịnh thân ngữ ý nghiệp cố 。  
không thanh tịnh các nghiệp thân, ngữ, ý như thế;

菩薩摩訶薩若於識中如是求者。

Bồ Tát Ma-Ha tát nhược ư thức trung như thị cầu giả 。  
Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi thức không cầu như thế.

當知是菩薩摩訶薩能正說法。能於識中清淨身語意業。

đương tri thị Bồ Tát Ma-Ha tát năng chính thuyết Pháp 。 năng ư thức trung thanh tịnh  
thân ngữ ý nghiệp 。

Nên biết Bồ-tát Ma-ha-tát ấy có thể chân chính thuyết pháp, có thể ở nơi thức mà thanh  
tịnh các nghiệp thân, ngữ, ý.

復次須菩提。

phục thứ Tu Bồ đề 。

Lại nữa, Tu-bồ-đề.

若菩薩摩訶薩起心欲住平等界中。於彼色法起信解時。

nhược Bồ Tát Ma-Ha tát khởi tâm dục trụ bình đẳng giới trung 。 ư bỉ sắc Pháp khởi tín giải thời 。

Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát khởi tâm muốn trú trong Bình đẳng giới, khi khởi tín giải ở nơi sắc pháp đó,

即二中二而有所得。謂所信解色及能信解色。

tức nhị trung nhị nhi hữu sở đắc 。 vị sở tín giải sắc cập năng tín giải sắc 。

thì ở nơi hai pháp đó có sở đắc hai điều: đó là sắc được tín giải và sự tín giải sắc.

是菩薩摩訶薩乃於色中隨所信解說能信解。

thị Bồ Tát Ma-Ha tát nãi ư sắc trung tùy sở tín giải thuyết năng tín giải 。

Bồ-tát Ma-ha-tát đó, ở nơi sắc, tùy vào cái được tín giải mà nói về sự tín giải;

隨能信解說所信解。

tùy năng tín giải thuyết sở tín giải 。

tùy vào sự tín giải mà nói về cái được tín giải.

當知是菩薩摩訶薩於諸色中不正說法。何以故。須菩提。

đương tri thị Bồ Tát Ma-Ha tát ư chư sắc trung bất chính thuyết Pháp 。 hà dĩ cố 。 Tu Bồ đề 。

Nên biết Bồ-tát Ma-ha-tát đó, ở nơi các sắc, không chân chính thuyết pháp. Vì sao? Tu-bồ-đề,

以所信解色與能信解色無有異相。須菩提。

dĩ sở tín giải sắc dĩ năng tín giải sắc vô hữu dị tướng 。

vì sắc được tín giải và sự tín giải sắc không có tướng khác nhau. Tu-bồ-đề,

若於色中能所信解有異相者。即一切眾生種種信解。

nhược ư sắc trung năng sở tín giải hữu dị tướng giả 。

tức nhất thiết chúng sinh chủng chủng tín giải 。

nếu ở nơi sắc, tín giải và cái được tín giải có tướng khác nhau, tức các loại tín giải của tất cả chúng sinh,

平等法中有差別相可見可得。

bình đẳng Pháp trung hữu sai biệt tướng khả kiến khả đắc 。

ở trong pháp bình đẳng, có tướng sai biệt, có thể thấy và có thể đắc;

即非夢等無所緣信解可得。由是愚夫異生。於諸色中而起實見。

tức phi mộng đẳng vô sở duyên tín giải khả đắc 。

do thị ngu phu dị sinh 。

ư chư sắc trung nhi khởi thật kiến 。

tức sự tín giải không có sở duyên mà vẫn có thể đắc không phải là mộng, vân vân. Vì thế, ngu phu dị sinh, ở nơi các sắc, đều cho là thực,

不與無分別信解如理相應。須菩提。

bất dữ vô phân biệt tín giải như lý tướng ứng 。

Tu Bồ đề 。

không tương ứng đúng đắn với sự tín giải vô phân biệt. Tu-bồ-đề,

若於色中無所信解轉者。

nhược ư sắc trung vô sở tín giải chuyển giả 。

Nếu ở nơi sắc, không có sự vận hành của cái được tín giải,

是故一切眾生種種信解而悉平等。於所信解中無差別相可見可得。

thị cố nhất thiết chúng sinh chủng chủng tín giải nhi tất bình đẳng 。

ư sở tín giải trung vô sai biệt tướng khả kiến khả đắc 。

thì các loại tín giải của tất cả chúng sinh thấy đều bình đẳng; ở nơi cái được tín giải không có tướng sai biệt, có thể thấy, có thể đắc.

即如夢等無所緣信解而有所得。由是愚夫異生。

tức như mộng đẳng vô sở duyên tín giải nhi hữu sở đắc 。

do thị ngu phu dị sinh 。

tức sự tín giải không có sở duyên mà có thể đắc thì như mộng, vân vân. Vì thế, ngu phu dị sinh,

於諸色中不起實見。

ư chư sắc trung bất khởi thật kiến 。

ở nơi các sắc, không cho là thực;

即與無分別信解如理相應。

tức dữ vô phân biệt tín giải như lý tướng ứng 。

tức tương ứng đúng đắn với sự tín giải vô phân biệt.

是故應知能信解色與所信解色無有異相。諸菩薩摩訶薩當如是見。

thị cố ứng tri năng tín giải sắc dữ sở tín giải sắc vô hữu dị tướng 。

chư Bồ Tát Ma-Ha tát  
đương như thị kiến 。

Vì vậy nên biết tín giải sắc và sắc được tín giải không có tướng sai biệt. Chư Bồ-tát Ma-ha-tát nên thấy như thế.

如是見者即無異相可見。乃於色中隨能信解所起。

như thị kiến giả tức vô dị tướng khả kiến 。

nãi ư sắc trung tùy năng tín giải sở khởi 。

Thấy như thế tức không có tướng sai biệt nào có thể thấy, và ở nơi sắc, có cái được khởi  
tùy vào tín giải,

即是所信解。此中所說是義明顯。

tức thị sở tín giải 。

thử trung sở thuyết thị nghĩa minh hiển 。

tức là cái được tín giải. Điều được thuyết ở đây có nghĩa lý minh hiển.

若菩薩摩訶薩如是觀者。諸有所說是為正說。由如是故。

nhược Bồ Tát Ma-Ha tát như thị quán giả 。

chư hữu sở thuyết thị vi chính thuyết。do như  
thị cố 。

Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát quán sát như thế, thì mọi điều nói ra đều chân chính. Vì thế,

當知色中能所信解二法和合。

đương tri sắc trung năng sở tín giải nhị Pháp hòa hợp 。

nên biết ở nơi sắc, tín giải và cái được tín giải là hai pháp hòa hợp,

離能無所非不有故。

ly năng vô sở phi bất hữu cố 。

vì không có năng thì không có sở vậy.

諸菩薩摩訶薩先於能信解色想如實而觀。次復於二色想亦如實觀。

chư Bồ Tát Ma-Ha tát tiên ư năng tín giải sắc tưởng như thật nhi quán 。

thứ phục ư nhị sắc tưởng diệc như thật quán 。

Chư Bồ-tát Ma-ha-tát trước hết nên như thực quán sát sự tín giải sắc tưởng; sau đó lại như thực quán sát cả sắc và tưởng.

如是觀已即於一切色悉無所得。若一切色無所得時。

như thị quán dĩ tức ư nhất thiết sắc tất vô sở đắc 。

nhược nhất thiết sắc vô sở đắc thời 。

Quán sát như vậy xong thì ở nơi tất cả sắc đều không sở đắc. Nếu khi không sở đắc tất cả các sắc,

即色中動亂而有所得。若色中動亂有所得時。

tức sắc trung động loạn nhi hữu sở đắc 。

nhược sắc trung động loạn hữu sở đắc thời 。

tức trong sắc có sở đắc sự động loạn. Nếu trong sắc khi có sở đắc sự động loạn,

即色動亂相而有所得。

tức sắc động loạn tướng nhi hữu sở đắc 。

tức có sở đắc tướng động loạn của sắc.

若色動亂相有所得時。即色動亂法有所合集。

nhược sắc động loạn tướng hữu sở đắc thời 。

tức sắc động loạn Pháp hữu sở hợp tập 。

Nếu khi sở đắc tướng động loạn của sắc, tức sắc pháp động loạn có tập hợp.

色動亂法有所集故。即彼色中無動亂平等法而有所集。

sắc động loạn Pháp hữu sở tập cố 。 tức bỉ sắc trung vô động loạn bình đẳng Pháp nhi hữu sở tập 。

Vì sắc pháp động loạn có tập hợp, nên trong sắc đó, pháp không động loạn, bình đẳng được tập hợp.

諸菩薩摩訶薩若於如是如前所說色中。

chư Bồ Tát Ma-Ha tát nhược ư như thị như tiền sở thuyết sắc trung 。

Chư Bồ-tát Ma-ha-tát, nếu ở nơi sắc đã được nói như thế ở trên,

所有動亂及無動亂法。不合集者。

sở hữu động loạn cập vô động loạn Pháp 。

bất hợp tập giả 。

即於色中無彼動亂法及無動亂平等法而為依止。

tức ư sắc trung vô bỉ động loạn Pháp cập vô động loạn bình đẳng Pháp nhi vi y chỉ 。

tức ở nơi sắc không có pháp động loạn và không động loạn đó, lấy pháp bình đẳng làm y chỉ.

即當修集一切佛法。成熟有情嚴淨佛土。

tức đương tu tập nhất thiết Phật Pháp 。

thành thực hữu tình nghiêm tịnh Phật thổ 。

速疾成就阿耨多羅三藐三菩提果。

tốc tạt thành tựu a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề quả 。

sớm thành tựu quả Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

諸菩薩摩訶薩於諸色中若能如是善開覺時。

chư Bồ Tát Ma-Ha tát ư chư sắc trung nhược năng như thị thiện khai giác thời 。

Chư Bồ-tát Ma-ha-tát, nếu khi ở nơi các sắc có thể khéo hiểu biết như thế,

諸有所說是為正說。須菩提。受想行識亦復如是。

chư hữu sở thuyết thị vi chính thuyết 。 Tu Bồ đề 。 thọ tướng hành thức diệt phục như thị  
。

thì điều nói ra đều chân chính. Tu-bồ-đề, thọ, tướng, hành, thức cũng như thế.

若菩薩摩訶薩起心欲住平等界中。

nhược Bồ Tát Ma-Ha tát khởi tâm dục trụ bình đẳng giới trung 。

Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát muốn trụ trong Bình đẳng giới,

於彼識法起信解時。即二中二而有所得。

ư bỉ thức Pháp khởi tín giải thời 。

ở nơi thức pháp kia, khi khởi tín giải tức trong hai pháp có sở đắc hai điều:

謂所信解識及能信解識。

vị sở tín giải thức cập năng tín giải thức 。

đó là thức được tín giải và sự tín giải thức.

是菩薩摩訶薩乃於識中隨所信解說能信解。隨能信解說所信解。

thị Bồ Tát Ma-Ha tát nãi ư thức trung tùy sở tín giải thuyết năng tín giải 。

Bồ-tát Ma-ha-tát đó, ở nơi thức, tùy vào cái được tín giải mà nói về sự tín giải, tùy vào sự tín giải mà nói về cái được tín giải.

當知是菩薩摩訶薩於諸識中不正說法。何以故。須菩提。

đương tri thị Bồ Tát Ma-Ha tát ư chư thức trung bất chính thuyết Pháp 。

Nên biết Bồ-tát Ma-ha-tát đó, ở nơi các thức, không chân chính thuyết pháp. Vì sao? Tu-bồ-đề,

以所信解識與能信解識無有異相。須菩提。

dĩ sở tín giải thức dĩ năng tín giải thức vô hữu dị tướng 。

vì thức được tín giải và sự tín giải thức không có tướng khác nhau. Tu-bồ-đề,



若於識中能所信解有異相者。

nhược ư thức trung năng sở tín giải hữu dị tướng giả 。

nếu ở nơi thức, cái được tín giải và sự tín giải có tướng khác nhau,

即一切眾生種種信解。平等法中有差別相可見可得。

tức nhất thiết chúng sinh chủng chủng tín giải 。

bình đẳng Pháp trung hữu sai biệt tướng  
khả kiến khả đắc 。

thì các loại tín giải của tất cả chúng sinh, trong pháp bình đẳng, có tướng sai biệt, có thể  
thấy, có thể đắc;

即非夢等無所緣信解可得。由是愚夫異生。

tức phi mộng đẳng vô sở duyên tín giải khả đắc 。

do thị ngu phu dị sinh 。

tức sự tín giải không có sở duyên mà vẫn có thể đắc không phải là mộng, vân vân. Vì thế,  
ngu phu dị sinh,

於諸識中而起實見。

ư chư thức trung nhi khởi thật kiến 。

ở nơi các thức đều cho là thực,

不與無分別信解如理相應。須菩提。若於識中無所信解轉者。

bất dữ vô phân biệt tín giải như lý tướng ứng 。

Tu Bồ đề 。

nhược ư thức trung vô sở tín  
giải chuyển giả 。

không tương ứng đúng đắn với sự tín giải vô phân biệt. Tu-bồ-đề, nếu ở nơi thức không có  
sự vận hành của cái được tín giải,

是故一切眾生種種信解而悉平等。

thị cố nhất thiết chúng sinh chủng chủng tín giải nhi tất bình đẳng 。

thì các loại tín giải của tất cả chúng sinh thấy đều bình đẳng;

於所信解中無差別相可見可得。

ư sở tín giải trung vô sai biệt tướng khả kiến khả đắc 。

ở nơi cái được tín giải không có tướng sai biệt, có thể thấy, có thể đắc.

即如夢中無所緣信解而有所得。由是愚夫異生。於諸識中不起實見。

tức như mộng trung vô sở duyên tín giải nhi hữu sở đắc 。

do thị ngu phu dị sinh 。

ư chư thức trung bất khởi thật kiến 。

tức sự tín giải không có sở duyên mà có thể đắc thì như mộng, vân vân. Vì thế, ngu phu dị sinh, ở nơi thức không cho là thực;

即與無分別信解如理相應。

tức dữ vô phân biệt tín giải như lý tướng ứng 。

tức tương ứng đúng đắn với tín giải vô phân biệt.

是故應知能信解識與所信解識無有異相。

thị cố ứng tri năng tín giải thức dữ sở tín giải thức vô hữu dị tướng 。

Vì thế nên biết sự tín giải thức và thức được tín giải không có tướng khác nhau.

諸菩薩摩訶薩當如是見。如是見者即無異相可見。

chư Bồ Tát Ma-Ha tát đương như thị kiến 。

như thị kiến giả tức vô dị tướng khả kiến 。

Chư Bồ-tát Ma-ha-tát nên thấy như thế. Thấy như thế, tức không có tướng sai biệt có thể thấy;

乃於識中隨能信解所起。即是所信解。

nãi ư thức trung tùy năng tín giải sở khởi 。

tức thị sở tín giải 。

và ở nơi thức, có cái được khởi tùy vào tín giải, tức là cái được tín giải.

此中所說是義明顯。若菩薩摩訶薩如是觀者。

thử trung sở thuyết thị nghĩa minh hiển 。

nhược Bồ Tát Ma-Ha tát như thị quán giả

Điều được nói ở đây có nghĩa lý minh hiển. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát quán sát như thế,

諸有所說是為正說。由如是故。

chư hữu sở thuyết thị vi chính thuyết 。 do như thị cố 。  
thì mọi điều nói ra đều chân chính. Vì thế,

當知識中能所信解二法和合。離能無所非不有故。

đương tri thức trung năng sở tín giải nhị Pháp hòa hợp 。 ly năng vô sở phi bất hữu cố 。  
nên biết ở nơi thức, tín giải và cái được tín giải là hai pháp hoà hợp, vì không có năng thì không có sở vậy.

諸菩薩摩訶薩先於能信解識想如實而觀。

chư Bồ Tát Ma-Ha tát tiên ư năng tín giải thức tưởng như thật nhi quán 。

Chư Bồ-tát Ma-ha-tát trước hết nên như thực quán sát sự tín giải thức tưởng;

次復於二識想亦如實觀。如是觀已。即於一切識悉無所得。

thứ phục ư nhị thức tưởng diệc như thật quán 。

như thị quán dĩ 。

tức ư nhất thiết thức tất vô sở đắc 。

sau đó lại như thực quán sát cả thức và tưởng. Quán sát như vậy xong thì ở nơi tất cả thức đều không sở đắc.

若一切識無所得時。即識中動亂而有所得。

nhược nhất thiết thức vô sở đắc thời 。

tức thức trung động loạn nhi hữu sở đắc 。

Nếu khi không có sở đắc tất cả các thức, tức ở nơi thức có sở đắc sự động loạn.

若識中動亂有所得時。

nhược thức trung động loạn hữu sở đắc thời 。

Nếu ở nơi thức có sở đắc sự động loạn,

即識動亂相而有所得。若識動亂相有所得時。

tức thức động loạn tướng nhi hữu sở đắc 。

nhược thức động loạn tướng hữu sở đắc thời 。

tức có sở đắc tướng động loạn của thức. Nếu khi có sở đắc tướng động loạn của thức,

即識動亂法有所合集。識動亂法有所集故。

tức thức động loạn Pháp hữu sở hợp tập 。 thức động loạn Pháp hữu sở tập cố 。  
tức thức pháp động loạn có tập hợp. Vì thức pháp động loạn có tập hợp,

即彼識中無動亂。平等法而有所集。

tức bỉ thức trung vô động loạn 。 bình đẳng Pháp nhi hữu sở tập 。  
nên trong thức đó không có động loạn; pháp bình đẳng được tập hợp.

諸菩薩摩訶薩若於如是如前所說識中。所有動亂及無動亂法。

chư Bồ Tát Ma-Ha tát nhược ư như thị như tiền sở thuyết thức trung 。 sở hữu động loạn  
cập vô động loạn Pháp 。

Chư Bồ-tát Ma-ha-tát, nếu ở nơi thức đã được nói như thế ở trên, các pháp có động loạn  
và không động loạn

不合集者。即於識中無彼動亂法及無動亂。

bất hợp tập giả 。 tức ư thức trung vô bỉ động loạn Pháp cập vô động loạn 。

không tập hợp; tức ở nơi thức không có pháp động loạn và không động loạn đó,

平等法而為依止。即當修集一切佛法。

bình đẳng Pháp nhi vi y chỉ 。 tức đương tu tập nhất thiết Phật Pháp 。

lấy pháp bình đẳng làm y chỉ. Tức nên tu tập tất cả Phật pháp,

成熟有情嚴淨佛土。

thành thực hữu tình nghiêm tịnh Phật thổ 。

thành thực hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật,

速疾成就阿耨多羅三藐三菩提果。

tốc tạt thành tựu a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề quả 。

sớm thành tựu quả Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

諸菩薩摩訶薩於諸識中若能如是善開覺時。諸有所說是為正說。

chư Bồ Tát Ma-Ha tát ư chư thức trung nhược năng như thị thiện khai giác thời 。 chư hữu sở thuyết thị vi chính thuyết 。

Chư Bồ-tát Ma-ha-tát, ở nơi các thức nếu khi có thể khéo hiểu biết như thế, thì điều nói ra đều chân chính.

復次須菩提。

phục thứ Tu Bồ đề 。

Lại nữa, Tu-bồ-đề.,

菩薩摩訶薩於色法中應當了知有五種相。修行慈法。何等為五。

Bồ Tát Ma-Ha tát ư sắc Pháp trung ứng đương liễu tri hữu ngũ chủng tướng 。

tu hành từ Pháp 。

hà đẳng vi ngũ 。

Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi sắc pháp nên biết rõ có năm loại tướng để tu hành pháp Từ. Thế nào là năm?

一攝受正法慈。二攝受世間諸樂慈。

nhất nhiếp thọ chính Pháp từ 。

nhị nhiếp thọ thế gian chư lạc từ 。

Một là Nhiếp thọ chính pháp từ, hai là Nhiếp thọ thế gian chư lạc từ,

三攝受出世勝妙樂慈。四慈。五大慈。須菩提。

tam nhiếp thọ xuất thế thắng diệu lạc từ 。

tứ từ 。

ngũ Đại từ 。

Tu Bồ đề 。

ba là Nhiếp thọ xuất thế gian thắng diệu lạc từ, bốn là Từ, năm là Đại từ. Tu-bồ-đề,

受想行識亦復如是。

thọ tưởng hành thức diệc phục như thị 。

thọ, tưởng, hành, thức cũng như thế.

菩薩摩訶薩於識法中應當了知有五種相修行慈法。何等為五。一攝受正法慈。

Bồ Tát Ma-Ha tát ư thức Pháp trung ứng đương liễu tri hữu ngũ chủng tướng tu hành từ Pháp 。

hà đẳng vi ngũ 。

nhất nhiếp thọ chính Pháp từ 。

Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi thức pháp nên biết rõ có năm loại tướng tu hành pháp Từ. Thế nào là năm? Một là Nhiếp thọ chính pháp từ,

二攝受世間諸樂慈。三攝受出世勝妙樂慈。四慈。

nhị nhiếp thọ thế gian chư lạc từ 。 tam nhiếp thọ xuất thế thắng diệu lạc từ 。 tứ từ 。

hai là Nhiếp thọ thế gian chư lạc từ, ba là Nhiếp thọ xuất thế thắng diệu lạc từ, bốn là Từ,

五大慈。

ngũ Đại từ 。

năm là Đại từ.

復次須菩提。

phục thứ Tu Bồ đề 。

Lại nữa, Tu-bồ-đề.

菩薩摩訶薩於色法中應當了知有五種相修行悲法。何等為五。

Bồ Tát Ma-Ha tát ư sắc Pháp trung ứng đương liễu tri hữu ngũ chủng tướng tu hành bi Pháp 。 hà đẳng vi ngũ 。

Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi sắc pháp nên biết rõ có năm loại tướng tu hành pháp Bi. Thế nào là năm?

一無取著悲。二和合悲。三離散悲。四悲。五大悲。

nhất vô thủ trú bi 。 nhị hòa hợp bi 。 tam ly tán bi 。 tứ bi 。 ngũ Đại bi 。

Một là Vô thủ trước bi, hai là Hoà hợp bi, ba là Ly tán bi, bốn là Bi, năm là Đại bi.

須菩提。受想行識亦復如是。

Tu Bồ đề 。

Tu-bồ-đề, thọ, tưởng, hành, thức cũng như thế.

菩薩摩訶薩於識法中應當了知有五種相修行悲法。

Bồ Tát Ma-Ha tát ư thức Pháp trung ứng đương liễu tri hữu ngũ chủng tướng tu hành bi Pháp 。

Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi thức pháp nên biết rõ có năm loại tướng tu hành pháp Bi.

何等為五。一無取著悲。二和合悲。三離散悲。四悲。

hà đẳng vi ngũ 。

nhất vô thủ trú bi 。

nhị hòa hợp bi 。

tam ly tán bi 。

tứ bi 。

Thế nào là năm? Một là Thủ trước bi, hai là Hoà hợp bi, ba là Ly tán bi, bốn là Bi,

五大悲。

ngũ Đại bi 。

năm là Đại bi

復次須菩提。

phục thứ Tu Bồ đề 。

Lại nữa, Tu-bồ-đề.,

菩薩摩訶薩於色法中應當了知有五種相修行喜法。何等為五。

Bồ Tát Ma-Ha tát ư sắc Pháp trung ứng đương liễu tri hữu ngũ chủng tướng tu hành hỷ Pháp 。

hà đẳng vi ngũ 。

Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi sắc pháp nên biết rõ có năm loại tướng tu hành pháp Hỷ. Thế nào là năm?

一正法清淨不壞隨喜攝受喜。

nhất chính Pháp thanh tịnh bất hoại tùy hỷ nhiếp thọ hỷ 。

Một là Chính pháp thanh tịnh bất hoại nhiếp thọ hỷ,

二世間諸樂不壞隨喜攝受喜。三出世妙樂不壞隨喜攝受喜。四喜。

nhị thế gian chư lạc bất hoại tùy hỷ nhiếp thọ hỷ 。

tam xuất thế diệu lạc bất hoại tùy hỷ nhiếp thọ hỷ 。

tứ hỷ 。

hai là Thế gian chư lạc bất hoại tùy hỷ nhiếp thọ hỷ, ba là Xuất thế gian diệu lạc bất hoại tùy hỷ nhiếp thọ hỷ, bốn là Hỷ,

五大喜。須菩提。受想行識亦復如是。

ngũ Đại hỷ 。 Tu Bồ đề 。 thọ tướng hành thức diệc phục như thị 。  
năm là Đại hỷ. Tu-bồ-đề, thọ, tướng, hành, thức cũng như thế.

菩薩摩訶薩於識法中應當了知有五種相修行喜

Bồ Tát Ma-Ha tát ư thức Pháp trung ứng đương liễu tri hữu ngũ chủng tướng tu hành hỷ  
Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi thức pháp nên biết rõ có năm loại tướng tu hành pháp Hỷ.

法。何等為五。一正法清淨不壞隨喜攝受喜。

Pháp 。 hà đẳng vi ngũ 。 nhất chính Pháp thanh tịnh bất hoại tùy hỷ nhiếp thọ hỷ 。  
Thế nào là năm? Một là Chính pháp thanh tịnh bất hoại tùy hỷ nhiếp thọ hỷ,

二世間諸樂不壞隨喜攝受喜。

nhị thế gian chư lạc bất hoại tùy hỷ nhiếp thọ hỷ 。  
hai là Thế gian chư lạc bất hoại tùy hỷ nhiếp thọ hỷ,

三出世妙樂不壞隨喜攝受喜。四喜。五大喜。

tam xuất thế diệu lạc bất hoại tùy hỷ nhiếp thọ hỷ 。 tứ hỷ 。 ngũ Đại hỷ 。  
ba là Xuất thế diệu lạc bất hoại tùy hỷ nhiếp thọ hỷ, bốn là Hỷ, năm là Đại hỷ.

復次須菩提。

phục thứ Tu Bồ đề 。  
Lại nữa, Tu-bồ-đề.,

菩薩摩訶薩於色法中應當了知有五種相修行捨法。何等為五。

Bồ Tát Ma-Ha tát ư sắc Pháp trung ứng đương liễu tri hữu ngũ chủng tướng tu hành xả  
Pháp 。 hà đẳng vi ngũ 。  
Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi sắc pháp nên biết rõ năm loại tướng tu hành pháp Xả. Thế nào là năm?



一 蠲除諸不正見及諸雜染捨。

nhất quyên trừ chư bất chính kiến cập chư tạp nhiễm xả 。

Một là Quyên trừ chư bất chính kiến cập chư tạp nhiễm xả,

二 遠離一切過失蠲除諸雜染捨。三 攝聚一切功德蠲除諸雜染捨。

nhị viễn ly nhất thiết quá thất quyên trừ chư tạp nhiễm xả 。

tam nhiếp tụ nhất thiết công đức quyên trừ chư tạp nhiễm xả 。

hai là Viễn ly nhất thiết quá thất quyên trừ chư tạp nhiễm xả, ba là Nhiếp tụ nhất thiết công đức quyên trừ chư tạp nhiễm xả,

四捨。五大捨。須菩提。受想行識亦復如是。

tứ xả 。

ngũ Đại xả 。

Tu Bồ đề 。

thọ tưởng hành thức diệc phục như thị 。

bốn là Xả, năm là Đại xả.

菩薩摩訶薩於識法中應當了知有五種相

Bồ Tát Ma-Ha tát ư thức Pháp trung ứng đương liễu tri hữu ngũ chủng tướng

Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi thức pháp nên biết rõ năm loại tướng

修行捨法。何等為五。

tu hành xả Pháp 。

hà đẳng vi ngũ 。

tu hành pháp Xả. Thế nào là năm?

一 蠲除諸不正見及諸雜染捨。二 遠離一切過失蠲除諸雜染捨。

nhất quyên trừ chư bất chính kiến cập chư tạp nhiễm xả 。

nhị viễn ly nhất thiết quá thất quyên trừ chư tạp nhiễm xả 。

Một là Quyên trừ chư bất chính kiến cập chư tạp nhiễm xả, hai là Viễn ly nhất thiết quá thất quyên trừ chư tạp nhiễm xả,

三 攝聚一切功德蠲除諸雜染捨。四捨。五大捨。

tam nhiếp tụ nhất thiết công đức quyên trừ chư tạp nhiễm xả 。

tứ xả 。

ngũ Đại xả 。

ba là Nhiếp tụ nhất thiết công đức quyên trừ chư tạp nhiễm xả, bốn là Xả, năm là Đại xả.

復次須菩提。

phục thứ Tu Bồ đề 。

Lại nữa, Tu-bồ-đề.,

菩薩摩訶薩於色法中應當了知有五種相。修行布施波羅蜜多。何等為五。

Bồ Tát Ma-Ha tát ư sắc Pháp trung ứng đương liễu tri hữu ngũ chủng tướng 。

tu hành bố thí ba la mật đa 。

hà đẳng vi ngũ 。

Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi các sắc pháp nên biết rõ năm tướng tu hành Bồ thí ba-la-mật. Thế nào là năm?

一誓願施。二財及無畏施。三法施。四施。

nhất thệ nguyện thí 。

nhị tài cập vô úy thí 。

tam Pháp thí 。

tứ thí 。

Một là Thệ nguyện thí, hai là Tài và Vô úy thí, ba là Pháp thí, bốn là Thí,

五大施。須菩提。受想行識亦復如是。

ngũ Đại thí 。

Tu Bồ đề 。

thọ tướng hành thức diệc phục như thị 。

năm là Đại thí. Tu-bồ-đề, thọ, tướng, hành, thức cũng như thế.

菩薩摩訶薩於識法中應當了知有五種相。

Bồ Tát Ma-Ha tát ư thức Pháp trung ứng đương liễu tri hữu ngũ chủng tướng 。

Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi thức pháp nên biết rõ có năm tướng

修行布施波羅蜜多。何等為五。一誓願施。二財及無畏施。

tu hành bố thí ba la mật đa 。

hà đẳng vi ngũ 。

nhất thệ nguyện thí 。

nhị tài cập vô úy thí 。

。

tu hành Bồ thí ba-la-mật. Thế nào là năm? Một là Thệ nguyện thí, hai là Tài và Vô úy thí,

三法施。四施五大施。

tam Pháp thí 。

tứ thí ngũ Đại thí 。

ba là Pháp thí, bốn là Thí, năm là Đại thí.

復次須菩提。

phục thứ Tu Bồ đề 。

Lại nữa, Tu-bồ-đề.,

菩薩摩訶薩於色法中應當了知有五種相。修行持戒波羅蜜多。何等為五。

Bồ Tát Ma-Ha tát ư sắc Pháp trung ứng đương liễu tri hữu ngũ chủng tướng 。

tu hành trì giới ba la mật đa 。

hà đẳng vi ngũ 。

Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi sắc pháp nên biết rõ năm tướng tu hành Trì giới ba-la-mật. Thế nào là năm?

一饒益有情戒。二定法戒。三無漏法戒。四戒。

nhất nhiều ích hữu tình giới 。

nhị định Pháp giới 。

tam vô lậu Pháp giới 。

tứ giới 。

Một là Nhiều ích hữu tình giới, hai là Định pháp giới, ba là Vô lậu pháp giới, bốn là Giới,

五大戒。須菩提。受想行識亦復如是。

ngũ Đại giới 。

Tu Bồ đề 。

thọ tưởng hành thức diệc phục như thị 。

năm là Đại giới. Tu-bồ-đề, thọ, tưởng, hành, thức cũng như thế.

菩薩摩訶薩於識法中應當了知有五種相。

Bồ Tát Ma-Ha tát ư thức Pháp trung ứng đương liễu tri hữu ngũ chủng tướng 。

Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi thức pháp nên biết rõ có năm tướng

修行持戒波羅蜜多。何等為五。一饒益有情戒。

tu hành trì giới ba la mật đa 。

hà đẳng vi ngũ 。

nhất nhiều ích hữu tình giới 。

tu hành Trì giới ba-la-mật. Thế nào là năm? Một là Nhiều ích hữu tình giới,

二定法戒。三無漏法戒。四戒。五大戒。

nhị định Pháp giới 。

tam vô lậu Pháp giới 。

tứ giới 。

ngũ Đại giới 。

hai là Định pháp giới, ba là Vô lậu pháp giới, bốn là Giới, năm là Đại giới.

復次須菩提。

phục thứ Tu Bồ đề 。

Lại nữa, Tu-bồ-đề.

菩薩摩訶薩於色法中應當了知有五種相。修行忍辱波羅蜜多。何等為五。

Bồ Tát Ma-Ha tát ư sắc Pháp trung ứng đương liễu tri hữu ngũ chủng tướng 。

tu hành nhẫn nhục ba la mật đa 。

hà đẳng vi ngũ 。

Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi sắc pháp nên biết rõ có năm tướng tu hành Nhẫn nhục ba-la-mật.  
Thế nào là năm?

一耐怨害忍。二安受苦忍。三諦察法忍。四忍。

nhất nại oán hại nhẫn 。

nhị an thọ khổ nhẫn 。

tam đế sát Pháp nhẫn 。

tứ nhẫn 。

Một là Nại oán hại nhẫn, hai là An thọ khổ nhẫn, ba là Đế sát pháp nhẫn, bốn là Nhẫn,

五大忍。須菩提。受想行識亦復如是。

ngũ Đại nhẫn 。

Tu Bồ đề 。

thọ tướng hành thức diệc phục như thị 。

năm là Đại nhẫn. Tu-bồ-đề, thọ, tướng, hành, thức cũng như thế.

菩薩摩訶薩於識法中應當了知有五種相。

Bồ Tát Ma-Ha tát ư thức Pháp trung ứng đương liễu tri hữu ngũ chủng tướng 。

Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi thức pháp nên biết rõ năm tướng

修行忍辱波羅蜜多。何等為五。一耐怨害忍。

tu hành nhẫn nhục ba la mật đa 。

hà đẳng vi ngũ 。

nhất nại oán hại nhẫn 。

tu hành Nhẫn nhục ba-la-mật. Thế nào là năm? Một là Nại oán hại nhẫn,

二安受苦忍。三諦察法忍。四忍。五大忍。

nhị an thọ khổ nhẫn 。

tam đế sát Pháp nhẫn 。

tứ nhẫn 。

ngũ Đại nhẫn 。

hai là An thọ khổ nhẫn, ba là Đế sát pháp nhẫn, bốn là Nhẫn, năm là Đại nhẫn.

復次須菩提。

phục thứ Tu Bồ đề 。

Lại nữa, Tu-bồ-đề.

菩薩摩訶薩於色法中應當了知有五種相。修行精進波羅蜜多。何等為五。

Bồ Tát Ma-Ha tát ư sắc Pháp trung ứng đương liễu tri hữu ngũ chủng tướng 。

tu hành tinh tấn ba la mật đa 。

hà đẳng vi ngũ 。

Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi sắc pháp nên biết rõ có năm tướng tu hành pháp Tinh tấn ba-la-mật. Thế nào là năm?

一 解說讀誦思惟精進。

nhất giải thuyết độc tụng tư duy tinh tấn 。

Một là Giải thuyết độc tụng tư duy tinh tấn.

二 遠離一切過失精進。三 攝聚一切功德精進。四 精進。

nhị viễn ly nhất thiết quá thất tinh tấn 。

tam nhiếp tụ nhất thiết công đức tinh tấn 。

tứ tinh tấn 。

hai là Viễn ly nhất thiết quá thất tinh tấn, ba là Nhiếp tụ nhất thiết công đức tinh tấn, bốn là Tinh tấn,

五大精進。須菩提。受想行識亦復如是。

ngũ Đại tinh tấn 。

Tu Bồ đề 。

thọ tưởng hành thức diệc phục như thị 。

năm là Đại tinh tấn. Tu-bồ-đề, thọ, tưởng, hành, thức cũng như thế.

菩薩摩訶薩於識法中應當了知有五種相。

Bồ Tát Ma-Ha tát ư thức Pháp trung ứng đương liễu tri hữu ngũ chủng tướng 。

Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi thức pháp nên biết rõ có năm loại tướng

修行精進波羅蜜多。何等為五。一 解說讀誦思惟精進。

tu hành tinh tấn ba la mật đa 。

hà đẳng vi ngũ 。

nhất giải thuyết độc tụng tư duy tinh tấn 。

tu hành Tinh tấn ba-la-mật. Thế nào là năm? Một là Giải thuyết độc tụng tư duy tinh tấn,

二遠離一切過失精進。三攝聚一切功德精進。

nhị viễn ly nhất thiết quá thất tinh tấn 。 tam nhiếp tụ nhất thiết công đức tinh tấn 。  
hai là Viễn ly nhất thiết quá thất tinh tấn, ba là Nhiếp tụ nhất thiết công đức tinh tấn,

四精進。五大精進。

tứ tinh tấn 。 ngũ Đại tinh tấn 。

bốn là Tinh tấn, năm là Đại tinh tấn.

復次須菩提。

phục thứ Tu Bồ đề 。

Lại nữa, Tu-bồ-đề.,

菩薩摩訶薩於色法中應當了知有五種相。修行禪定波羅蜜多。何等為五。

Bồ Tát Ma-Ha tát ư sắc Pháp trung ứng đương liễu tri hữu ngũ chủng tướng 。

tu hành Thiền định ba la mật đa 。

hà đẳng vi ngũ 。

Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi sắc pháp nên biết rõ có năm loại tướng tu hành Thiền định ba-la-mật. Thế nào là năm?

一善解不離文字定。

nhất thiện giải bất ly văn tự định 。

Một là Thiện giải bất ly văn tự định,

二善離文字最初清淨世間定。三出世間定。四定。五大定。須菩提。

nhị thiện ly văn tự tối sơ thanh tịnh thế gian định 。

tam xuất thế gian định 。

tứ định 。

ngũ Đại định 。

Tu Bồ đề 。

hai là Thiện ly văn tự tối sơ thanh tịnh thế gian định, ba là Xuất thế gian định, bốn là Định, năm là Đại định. Tu-bồ-đề,

受想行識亦復如是。

thọ tưởng hành thức diệc phục như thị 。

thọ, tưởng, hành, thức cũng như thế.

菩薩摩訶薩於識法中應當了知有五種相。修行禪定波羅蜜多。

Bồ Tát Ma-Ha tát ư thức Pháp trung ứng đương liễu tri hữu ngũ chủng tướng 。 tu hành Thiền định ba la mật đa 。

Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi thức nên biết rõ có năm loại tướng tu hành Thiền định ba-la-mật.

何等為五。一善解不離文字定。

hà đẳng vi ngũ 。 nhất thiện giải bất ly văn tự định 。

Thế nào là năm? Một là Thiện giải bất ly văn tự định,

二善離文字最初清淨世間定。三出世間定。四定。五大定。

nhị thiện ly văn tự tối sơ thanh tịnh thế gian định 。 tam xuất thế gian định 。 tứ định 。 ngũ Đại định 。

hai là Thiện ly văn tự tối sơ thanh tịnh thế gian định, ba là Xuất thế gian định, bốn là Định, năm là Đại định.

復次須菩提。

phục thứ Tu Bồ đề 。

Lại nữa, Tu-bồ-đề.

菩薩摩訶薩於色法中應當了知有五種相。修行般若波羅蜜多。何等為五。

Bồ Tát Ma-Ha tát ư sắc Pháp trung ứng đương liễu tri hữu ngũ chủng tướng 。 tu hành bát nhã ba la mật đa 。

Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi sắc pháp nên biết rõ có năm loại tướng tu hành Bát-nhã Ba-la-mật.  
Thế nào là năm?

一善解不離文字定所依止慧。

nhất thiện giải bất ly văn tự định sở y chỉ tuệ 。

Một là thiện giải bất ly văn tự định sở y chỉ tuệ,

二善離文字最初清淨世間定所依止慧。

nhị thiện ly văn tự tối sơ thanh tịnh thế gian định sở y chỉ tuệ 。

hai là Thiện ly văn tự tối sơ thanh tịnh thế gian định sở y chỉ tuệ,

三出世間定所依止慧。四慧。五大慧。須菩提。

tam xuất thế gian định sở y chỉ tuệ 。

ba là Xuất thế gian định sở y chỉ tuệ, bốn là Tuệ, năm là Đại tuệ. Tu-bồ-đề,

受想行識亦復如是。

thọ tưởng hành thức diệc phục như thị 。

thọ, tưởng, hành, thức cũng như thế.

菩薩摩訶薩於識法中應當了知有五種相。修行般若波羅蜜多。何等為五。

Bồ Tát Ma-Ha tát ư thức Pháp trung ứng đương liễu tri hữu ngũ chủng tướng 。

Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi thức pháp nên biết rõ có năm loại tướng tu hành Bát-nhã Ba-la-mật. Thế nào là năm?

一善解不離文字定所依止慧。

nhất thiện giải bất ly văn tự định sở y chỉ tuệ 。

Một là Thiện giải bất ly văn tự định y chỉ tuệ,

二善離文字最初清淨世間定所依止慧。

nhị thiện ly văn tự tối sơ thanh tịnh thế gian định sở y chỉ tuệ 。

hai Thiện ly văn tự tối sơ thanh tịnh thế gian định sở y chỉ tuệ,

三出世間定所依止慧。四慧。五大慧。

tam xuất thế gian định sở y chỉ tuệ 。

ba là Xuất thế gian định sở y chỉ tuệ, bốn là Tuệ, năm là Đại tuệ.

佛說開覺自性般若波羅蜜多經卷第三



Phật thuyết khai giác tự tánh bát nhã ba la mật đa Kinh quyển đệ tam  
Kinh Phật nói Khai giác Tự tánh Bát-nhã Ba-la-mật-đa, quyển thứ ba.

260-004

佛說開覺自性般若波羅蜜多

Phật thuyết khai giác tự tánh bát nhã ba la mật đa

Kinh Phật Thuyết Khai Giác Tự Tánh Bát-nhã ba-la-mật-đa-đa

經卷第四

Kinh quyển đệ tứ

Quyển thứ tư

西天譯經三藏朝散大夫試光祿卿

Tây Thiên dịch Kinh Tam Tạng triều tán Đại phu thí quang lộc khanh

Tây thiên Dịch kinh Tam tạng, Triều tán Đại phu, Thí quang Lộc khanh,

傳梵大師賜紫沙門臣法護等

truyện phạm Đại sư tứ tử Sa Môn Thần Pháp hộ đẳng

Truyền phạm Đại sư, Tứ tử Sa môn, Thần Hộ Pháp, vân vân,

奉 詔譯

phụng chiếu dịch

phụng chiếu dịch

復次須菩提。

phục thứ Tu Bồ đề 。

Lại nữa, Tu-bồ-đề,

菩薩摩訶薩於色法中應當了知有五種相。親近善知識。何等為五。

Bồ Tát Ma-Ha tát ư sắc Pháp trung ứng đương liễu tri hữu ngũ chủng tướng 。 thân cận thiện tri thức 。 hà đẳng vi ngũ 。

Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi sắc nên biết rõ năm loại tướng thân cận Thiện tri thức. Thế nào là năm?

一聽受親近。二承事作用學法親近。

nhất thính thọ thân cận 。 nhị thừa sự tác dụng học Pháp thân cận 。

Một là Thân cận nghe nhận, hai là Thân cận thừa sự tác dụng học pháp,

三修行進向親近。四親近。五大親近。須菩提。

tam tu hành tiến hướng thân cận 。 tứ thân cận 。 ngũ Đại thân cận 。 Tu Bồ đề 。

ba là Thân cận tu hành tiến hướng, bốn là Thân cận, năm là Đại thân cận. Tu-bồ-đề,

受想行識亦復如是。

thọ tưởng hành thức diệc phục như thị 。

thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thế.

菩薩摩訶薩於識法中應當了知有五種相。親近善知識。何等為五。一聽受親近。

Bồ Tát Ma-Ha tát ư thức Pháp trung ứng đương liễu tri hữu ngũ chủng tướng 。 thân cận thiện tri thức 。 hà đẳng vi ngũ 。

Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi thức nên biết rõ năm loại tướng thân cận Thiện tri thức. Thế nào là năm? Một là Thính thọ thân cận,

二承事作用學法親近。三修行進向親近。

nhị thừa sự tác dụng học Pháp thân cận 。 tam tu hành tiến hướng thân cận 。

hai là Thừa sự tác dụng học pháp thân cận, ba là Tu hành tiến hướng thân cận,

四親近。五大親近。如是親近善知識時。

tứ thân cận 。 ngũ Đại thân cận 。 như thị thân cận thiện tri thức thời 。

bốn là Thân cận, năm là Đại thân cận. Khi thân cận Thiện tri thức như thế,

菩薩摩訶薩以解脫方便而為攝受。即能生多福。

Bồ Tát Ma-Ha tát dĩ giải thoát phương tiện nhi vi nhiếp thọ 。 tức năng sinh đa phúc 。

Bồ-tát Ma-ha-tát lấy giải thoát phương tiện mà nhiếp thọ, tức có thể sinh nhiều phước đức,

疾成阿耨多羅三藐三菩提果。

tật thành a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề quả 。

sớm thành quả Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

復次須菩提。

phục thứ Tu Bồ đề 。

Lại nữa, Tu-bồ-đề.

菩薩摩訶薩於色法中應當了知有五種相供養如來。何等為五。

Bồ Tát Ma-Ha tát ư sắc Pháp trung ứng đương liễu tri hữu ngũ chủng tướng cung dưỡng Như-Lai 。

Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi sắc pháp nên biết rõ có năm loại tướng cúng dường Như-lai. Thế nào là năm?

一種種讚歎恭信供養。二以清淨利養恭信供養。

nhất chủng chủng tán thán cung tín cung dưỡng 。

Một là Chủng chủng tán thán cung tín cúng dường, hai là Thanh tịnh lợi dưỡng cung tín cúng dường,

三修行進向供養。四供養。五大供養。須菩提。

tam tu hành tiến hướng cung dưỡng 。

ba là Tu hành tiến hướng cúng dường, bốn là Cúng dường, năm là Đại cúng dường. Tu-bồ-đề,

受想行識亦復如是。

thọ tướng hành thức diệc phục như thị 。  
thọ, tướng, hành, thức cũng lại như thế,

菩薩摩訶薩於識法中應當了知有五種相供養如來。何等為五。

Bồ Tát Ma-Ha tát ư thức Pháp trung ứng đương liễu tri hữu ngũ chủng tướng cung dưỡng Như-Lai 。 hà đẳng vi ngũ 。

Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi thức pháp nên biết rõ có năm loại tướng cúng dường Như-lai. Thế nào là năm?

一 種種讚歎恭信供養。二 以清淨利養恭信供養。

nhất chủng chủng tán thán cung tín cung dưỡng 。 nhị dĩ thanh tịnh lợi dưỡng cung tín cung dưỡng 。

Một là Chủng chủng tán tán cung tín cúng dường, hai là Thanh tịnh lợi dưỡng cung tín cúng dường,

三 修行進向供養。四 供養。五 大供養。

tam tu hành tiến hướng cung dưỡng 。 tứ cung dưỡng 。 ngũ Đại cung dưỡng 。

ba là Tu hành tiến hướng cúng dường, bốn là Cúng dường, năm là Đại cúng dường.

須菩提。

Tu Bồ đề 。

Tu-bồ-đề,

菩薩摩訶薩若能如是供養如來如理相應者。即得無邊世界諸佛菩薩共所稱讚。

Bồ Tát Ma-Ha tát nhược năng như thị cung dưỡng Như-Lai như lý tướng ứng giả 。

tức đắc vô biên thế giới chư Phật Bồ Tát cộng sở xưng tán 。

Bồ-tát Ma-ha-tát nếu có thể như lý tương ứng với sự cúng dường Như-lai như thế, tức được chư Phật, Bồ-tát trong vô biên thế giới cùng xưng tán,

亦得世間天人阿修羅等利養供給。

diệc đắc thế gian Thiên Nhơn A-tu-La đẳng lợi dưỡng cung cấp 。

cũng được trời, người, A-tu-la, vân vân, trong thế gian cung cấp lợi dưỡng,

成熟無量無邊眾生嚴淨佛土。

thành thực vô lượng vô biên chúng sinh nghiêm tịnh Phật thổ 。

thành tựu vô lượng vô biên chúng sinh, nghiêm tịnh cõi Phật,

疾成阿耨多羅三藐三菩提果。

tật thành a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề quả 。

sớm thành tựu quả Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

復次須菩提。

phục thứ Tu Bồ đề 。

Lại nữa, Tu-bồ-đề.

菩薩摩訶薩於色法中能與布施波羅蜜多如理相應者。若修有相施。

Bồ Tát Ma-Ha tát ư sắc Pháp trung năng dĩ Bố thí ba la mật đa như lý tướng ứng giả 。

nhược tu hữu tướng thí 。

Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi sắc pháp có thể như lý tương ứng với Bố thí ba-la-mật-đa-đa; nếu tu Bố thí hữu tướng

亦速圓滿布施波羅蜜多。若修無相施。

diệc tốc viên mãn Bố thí ba la mật đa 。

cũng sớm viên mãn Bố thí ba-la-mật-đa; nếu tu Bố thí vô tướng,

亦速圓滿布施波羅蜜多。須菩提。

diệc tốc viên mãn Bố thí ba la mật đa 。

cũng sớm viên mãn Bố thí ba-la-mật-đa. Tu-bồ-đề,

云何是菩薩摩訶薩於色法中修有相施或無相施。須菩提。

vân hà thị Bồ Tát Ma-Ha tát ư sắc Pháp trung tu hữu tướng thí hoặc vô tướng thí 。

Thế nào là Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi sắc pháp tu Bồ thí hữu tướng và vô tướng? Tu-bồ-đề,

若菩薩摩訶薩於色法中修行布施求解脫時。

nhược Bồ Tát Ma-Ha tát ư sắc Pháp trung tu hành Bồ thí cầu giải thoát thời 。

nếu Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi sắc pháp, khi tu hạnh Bồ thí cầu giải thoát,

有所解脫布施可得。有能解脫布施可得。

hữu sở giải thoát Bồ thí khả đắc 。

nếu Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi sắc pháp, khi tu hạnh Bồ thí cầu giải thoát, thì có Sở giải thoát Bồ thí khả đắc, có Năng giải thoát Bồ thí khả đắc.

如是修者。

như thị tu giả 。

Tu hành như thế,

當知是菩薩摩訶薩於色法中修有相施。

đương tri thị Bồ Tát Ma-Ha tát ư sắc Pháp trung tu hữu tướng thí 。

nên biết Bồ-tát Ma-ha-tát này ở nơi sắc pháp tu hạnh Bồ thí hữu tướng.

若菩薩摩訶薩於色法中修行布施求解脫時。無所解脫布施可得。

nhược Bồ Tát Ma-Ha tát ư sắc Pháp trung tu hành Bồ thí cầu giải thoát thời 。

Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi sắc pháp khi cầu giải thoát tu hạnh Bồ thí, không có Sở giải thoát Bồ thí khả đắc,

無能解脫布施可得。何以故。謂色自性無所得故。

vô năng giải thoát Bồ thí khả đắc 。

không có Năng giải thoát Bồ thí khả đắc. Vì sao? Vì tự tánh sắc vốn không sở đắc;

本性無所得故。觀諸如來亦無所得。本性無所得故。

bản tánh vô sở đắc cố 。

vì bản tánh không sở đắc, quán Như-lai cũng không sở đắc, vì bản tánh không sở đắc.

如是修者。

như thị tu giả 。

Tu hành như thế,

當知是菩薩摩訶薩於色法中修無相施。須菩提。受想行識亦復如是。

đương tri thị Bồ Tát Ma-Ha tát ư sắc Pháp trung tu vô tướng thí 。

Tu Bồ đề 。

thọ tưởng hành thức diệc phục như thị 。

nên biết Bồ-tát này ở nơi sắc pháp tu hành Bồ thí vô tướng. Tu-bồ-đề, thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thế.

菩薩摩訶薩於識法中能與布施波羅蜜多如理相應者。

Bồ Tát Ma-Ha tát ư thức Pháp trung năng dữ Bồ thí ba la mật đa như lý tướng ứng giả 。

Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi thức pháp có thể như lý tương ứng với Bồ thí ba-la-mật-đa.

若修有相施。亦速圓滿布施波羅蜜多。

nhược tu hữu tướng thí 。

diệc tốc viên mãn Bồ thí ba la mật đa

Nếu tu Bồ thí hữu tướng, cũng sớm viên mãn Bồ thí ba-la-mật-đa;

若修無相施。亦速圓滿布施波羅蜜多。須菩提。

nhược tu vô tướng thí 。

diệc tốc viên mãn Bồ thí ba la mật đa 。

Tu Bồ đề 。

nếu tu Bồ thí vô tướng, cũng sớm viên mãn Bồ thí ba-la-mật-đa. Tu-bồ-đề,

云何是菩薩摩訶薩於識法中修有相施或無相

vân hà thị Bồ Tát Ma-Ha tát ư thức Pháp trung tu hữu tướng thí hoặc vô tướng

Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi thức pháp tu hành Bồ thí hữu tướng hoặc vô tướng như thế nào?

施。須菩提。

thí 。

Tu Bồ đề 。

Tu-bồ-đề,

若菩薩摩訶薩於識法中修行布施求解脫時。有所解脫布施可得。

nhược Bồ Tát Ma-Ha tát ư thức Pháp trung tu hành Bồ thí cầu giải thoát thời 。 hữu sở giải thoát Bồ thí khả đắc 。

Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi thức pháp khi tu hành Bồ thí cầu giải thoát, có Sở giải thoát Bồ thí có thể đắc,

有能解脫布施可得。如是修者。

hữu năng giải thoát Bồ thí khả đắc 。 như thị tu giả 。

có Năng giải thoát Bồ thí có thể đắc. Tu hành như thế,

當知是菩薩摩訶薩於識法中修有相施。

đương tri thị Bồ Tát Ma-Ha tát ư thức Pháp trung tu hữu tướng thí 。

nên biết Bồ-tát Ma-ha-tát này ở nơi thức pháp tu hạnh Bồ thí hữu tướng.

若菩薩摩訶薩於識法中修行布施求解脫時。無所解脫布施可得。

nhược Bồ Tát Ma-Ha tát ư thức Pháp trung tu hành Bồ thí cầu giải thoát thời 。 vô sở giải thoát Bồ thí khả đắc 。

Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi thức pháp khi tu hành Bồ thí cầu giải thoát, không có Sở giải thoát bồ thí có thể đắc,

無能解脫布施可得。何以故。

vô năng giải thoát Bồ thí khả đắc 。 hà dĩ cố 。

không có Năng giải thoát bồ thí có thể đắc. Vì sao?

謂識自性無所得故。本性無所得故。觀諸如來亦無所得。

vị thức tự tánh vô sở đắc cố 。

bản tánh vô sở đắc cố 。

quán chư Như-Lai diệc vô sở đắc 。

vì tự tánh của thức không sở đắc, vì bản tánh không sở đắc; quán chư Như-lai cũng vô sở đắc,



bổn tánh vô sở đắc cố 。 như thị tu giả 。  
vì bản tánh không sở đắc. Tu hành như thế,

當知是菩薩摩訶薩於識法中修無相施。  
đương tri thị Bồ Tát Ma-Ha tát ư thức Pháp trung tu vô tướng thí 。  
nên biết Bồ-tát Ma-ha-tát này ở nơi thức pháp tu hạnh Bồ thí vô tướng.

復次須菩提。  
phục thứ Tu Bồ đề 。  
Lại nữa, Tu-bồ-đề.

菩薩摩訶薩於色法中能與持戒波羅蜜多如理相應者。若修有相持戒。  
Bồ Tát Ma-Ha tát ư sắc Pháp trung năng dữ Trì giới ba la mật đa như lý tướng ứng giả 。  
nhược tu hữu tướng Trì giới 。  
Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi sắc pháp có thể như lý tương ứng với Trì giới ba-la-mật-đa, nếu tu  
Trì giới hữu tướng,

亦速圓滿持戒波羅蜜多。若修無相持戒。  
diệc tốc viên mãn Trì giới ba la mật đa 。 nhược tu vô tướng Trì giới  
cũng sớm viên mãn Trì giới ba-la-mật-đa; nếu tu Trì giới vô tướng,

亦速圓滿持戒波羅蜜多。須菩提。  
cũng sớm viên mãn Trì giới ba-la-mật-đa. Tu-bồ-đề,  
cũng nhanh chóng Viên mãn Trì giới ba la mật ong nhiều 。 Tu Bồ đề 。

云何是菩薩摩訶薩於色法中修有相持戒或無相持戒。  
vân hà thị Bồ Tát Ma-Ha tát ư sắc Pháp trung tu hữu tướng Trì giới hoặc vô tướng Trì giới  
。  
Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi sắc pháp tu Trì giới ba-la-mật-đa hữu tướng hay vô tướng như thế  
nào?

須菩提。

Tu Bồ đề 。

Tu-bồ-đề,

若菩薩摩訶薩於色法中修行持戒求解脫時。有所解脫持戒可得。

nhược Bồ Tát Ma-Ha tát ư sắc Pháp trung tu hành Trì giới cầu giải thoát thời 。 hữu sở giải thoát Trì giới khả đắc 。

Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi sắc pháp khi tu hành Trì giới ba-la-mật-đa cầu giải thoát, có Sở giải thoát trì giới có thể đắc,

有能解脫持戒可得。如是修者。

hữu năng giải thoát Trì giới khả đắc 。

có Năng giải thoát trì giới có thể đắc. Tu hành như thế,

當知是菩薩摩訶薩於色法中修有相持戒。

đương tri thị Bồ Tát Ma-Ha tát ư sắc Pháp trung tu hữu tướng Trì giới

nên biết Bồ-tát Ma-ha-tát này ở nơi sắc pháp tu hành Trì giới hữu tướng.

若菩薩摩訶薩於色法中修行持戒求解脫時。無所解脫持戒可得。

nhược Bồ Tát Ma-Ha tát ư sắc Pháp trung tu hành Trì giới cầu giải thoát thời 。 vô sở giải thoát Trì giới khả đắc 。

Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi sắc pháp khi tu Trì giới cầu giải thoát, không có Sở giải thoát trì giới có thể đắc,

無能解脫持戒可得。何以故。謂色自性無所得故。

vô năng giải thoát Trì giới khả đắc 。

không có Năng giải thoát trì giới có thể đắc. Vì sao? Vì tự tánh của sắc không sở đắc,

本性無所得故。觀諸如來亦無所得。

bản tánh vô sở đắc cố 。

bản tánh không sở đắc; quán chư Như-lai cũng không sở đắc,

本性無所得故。如是修者。

bổn tánh vô sở đắc cố 。 như thị tu giả 。

vì bản tánh không sở đắc. Tu hành như thế,

當知是菩薩摩訶薩於色法中修無相持戒。須菩提。

đương tri thị Bồ Tát Ma-Ha tát ư sắc Pháp trung tu vô tướng Trì giới 。

nên biết Bồ-tát Ma-ha-tát này ở nơi sắc pháp tu hạnh Trì giới vô tướng. Tu-bồ-đề,

受想行識亦復如是。

thọ tưởng hành thức diệc phục như thị 。

thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thế.

菩薩摩訶薩於識法中能與持戒波羅蜜多如理相應者。若修有相持戒。

Bồ Tát Ma-Ha tát ư thức Pháp trung năng dữ Trì giới ba la mật đa như lý tướng ứng giả 。

nhược tu hữu tướng Trì giới 。

Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi thức pháp có thể như lý tương ứng với Trì giới ba-la-mật-đa. Nếu tu Trì giới hữu tướng,

亦速圓滿持戒波羅蜜多。若修無相持戒。

diệc tốc viên mãn Trì giới ba la mật đa 。

cũng sớm viên mãn Trì giới ba-la-mật-đa; nếu tu Trì giới vô tướng,

亦速圓滿持戒波羅蜜多。須菩提。

diệc tốc viên mãn Trì giới ba la mật đa 。

cũng sớm viên mãn Trì giới ba-la-mật-đa. Tu-bồ-đề,

云何是菩薩摩訶薩於識法中修有相持戒或無相持戒。須菩提。

vân hà thị Bồ Tát Ma-Ha tát ư thức Pháp trung tu hữu tướng Trì giới hoặc vô tướng Trì giới

。 Tu Bồ đề 。

Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi thức pháp tu Trì giới hữu tướng hoặc vô tướng như thế nào? Tu-bồ-đề,

若菩薩摩訶薩於識法中修行持戒求解脫時。

nhược Bồ Tát Ma-Ha tát ư thức Pháp trung tu hành Trì giới cầu giải thoát thời 。

nếu Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi thức pháp khi tu hạnh Trì giới cầu giải thoát,

有所解脫持戒可得。有能解脫持戒可得。

hữu sở giải thoát Trì giới khả đắc 。

hữu năng giải thoát Trì giới khả đắc 。

如是修者。

như thị tu giả 。

Tu hành như thế,

當知是菩薩摩訶薩於識法中修有相持戒。

đương tri thị Bồ Tát Ma-Ha tát ư thức Pháp trung tu hữu tướng Trì giới 。

nên biết Bồ-tát Ma-ha-tát này ở nơi thức pháp tu Trì giới hữu tướng.

若菩薩摩訶薩於識法中修行持戒求解脫時。無所解脫持戒可得。

nhược Bồ Tát Ma-Ha tát ư thức Pháp trung tu hành Trì giới cầu giải thoát thời 。

vô sở giải thoát Trì giới khả đắc 。

Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi thức pháp khi tu hạnh Trì giới cầu giải thoát, không có Sở giải thoát trì giới có thể đắc,

無能解脫持戒可得。何以故。謂識自性無所得故。

vô năng giải thoát Trì giới khả đắc 。

hà dĩ cố 。

vị thức tự tánh vô sở đắc cố 。

không có Năng giải thoát có thể đắc. Vì sao? Vì tự tánh của thức không sở đắc,

vì bản tánh không sở đắc; quán Như-lai cũng không sở đắc, vì bản tánh không sở đắc.

如是修者。

như thị tu giả 。

Tu hành như thế,

當知是菩薩摩訶薩於識法中修無相持戒。

đương tri thị Bồ Tát Ma-Ha tát ư thức Pháp trung tu vô tướng Trì giới

nên biết Bồ-tát Ma-ha-tát này ở nơi thức pháp tu Trì giới vô tướng.

復次須菩提菩薩摩訶薩於色法中能與忍辱

phục thứ Tu Bồ đề Bồ Tát Ma-Ha tát ư sắc Pháp trung năng dĩ Nhẫn nhục

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi sắc pháp có thể như lý tương ứng với

波羅蜜多如理相應者。若修有相忍辱。

ba la mật đa như lý tương ứng giả 。

Nhẫn nhục ba-la-mật-đa. Nếu tu Nhẫn nhục hữu tướng,

亦速圓滿忍辱波羅蜜多。若修無相忍辱。

diệc tốc viên mãn Nhẫn nhục ba la mật đa 。

cũng sớm viên mãn Nhẫn nhục ba-la-mật-đa; nếu tu hạnh Nhẫn nhục vô tướng,

亦速圓滿忍辱波羅蜜多。須菩提。

diệc tốc viên mãn Nhẫn nhục ba la mật đa 。

cũng sớm viên mãn Nhẫn nhục ba-la-mật-đa. Tu-bồ-đề,

云何是菩薩摩訶薩於色法中修有相忍辱或無相忍辱。

vân hà thị Bồ Tát Ma-Ha tát ư sắc Pháp trung tu hữu tướng Nhẫn nhục hoặc vô tướng

Nhẫn nhục 。

Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi sắc pháp tu Nhẫn nhục hữu tướng hoặc vô tướng như thế nào?

須菩提。

Tu Bồ đề 。

Tu-bồ-đề,

若菩薩摩訶薩於色法中修行忍辱求解脫時。有所解脫忍辱可得。

nhược Bồ Tát Ma-Ha tát ư sắc Pháp trung tu hành Nhẫn nhục cầu giải thoát thời 。 hữu sở giải thoát Nhẫn nhục khả đắc 。

nếu Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi sắc pháp khi tu hành Nhẫn nhục cầu giải thoát, có Sở giải thoát nhẫn nhục có thể đắc,

有能解脫忍辱可得。如是修者。

hữu năng giải thoát Nhẫn nhục khả đắc 。

như thị tu giả 。

có Năng giải thoát nhẫn nhục có thể đắc. Tu hành như thế,

當知是菩薩摩訶薩於色法中修有相忍辱。

đương tri thị Bồ Tát Ma-Ha tát ư sắc Pháp trung tu hữu tướng Nhẫn nhục 。

phải biết Bồ-tát Ma-ha-tát này ở nơi sắc pháp tu Nhẫn nhục hữu tướng.

若菩薩摩訶薩於色法中修行忍辱求解脫時。無所解脫忍辱可得。

nhược Bồ Tát Ma-Ha tát ư sắc Pháp trung tu hành Nhẫn nhục cầu giải thoát thời 。

vô sở giải thoát Nhẫn nhục khả đắc 。

Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi sắc pháp khi tu Nhẫn nhục cầu giải thoát, không có Sở giải thoát nhẫn nhục có thể đắc,

無能解脫忍辱可得。何以故。謂色自性無所得故。

vô năng giải thoát Nhẫn nhục khả đắc 。

hà dĩ cố 。

vì sắc tự tánh vô sở đắc cố 。

không có Năng giải thoát nhẫn nhục có thể đắc. Vì sao? Vì tự tánh của sắc không sở đắc,

本性無所得故。觀諸如來亦無所得。

bản tánh vô sở đắc cố 。

quán chư Như-Lai diệt vô sở đắc 。

vì bản tánh không sở đắc; quán chư Như-lai cũng không sở đắc,

本性無所得故。如是修者。

bổn tánh vô sở đắc cố 。 như thị tu giả 。

vì bản tánh không sở đắc. Tu hành như thế,

當知是菩薩摩訶薩於色法中修無相忍辱。須菩提。受想行識亦復如是。

đương tri thị Bồ Tát Ma-Ha tát ư sắc Pháp trung tu vô tướng Nhẫn nhục 。

Tu Bồ đề 。

thọ tướng hành thức diệc phục như thị 。

nên biết Bồ-tát Ma-ha-tát này ở nơi sắc pháp tu Nhẫn nhục vô tướng. Tu-bồ-đề, thọ, tướng, hành, thức cũng lại như thế.

菩薩摩訶薩於識法中能與忍辱波羅蜜多如

Bồ Tát Ma-Ha tát ư thức Pháp trung năng dữ Nhẫn nhục ba la mật đa như

Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi thức pháp có thể như lý tương ứng với Nhẫn nhục ba-la-mật-đa;

理相應者。若修有相忍辱。

lý tương ứng giả 。

nhược tu hữu tướng Nhẫn nhục 。

Nếu tu Nhẫn nhục hữu tướng,

亦速圓滿忍辱波羅蜜多。若修無相忍辱。

diệc tốc viên mãn Nhẫn nhục ba la mật đa 。

nhược tu vô tướng Nhẫn nhục 。

cũng sớm viên mãn Nhẫn nhục ba-la-mật-đa. Nếu tu Nhẫn nhục vô tướng,

亦速圓滿忍辱波羅蜜多。

diệc tốc viên mãn Nhẫn nhục ba la mật đa 。

cũng sớm viên mãn Nhẫn nhục ba-la-mật-đa.

須菩提云何是菩薩摩訶薩於識法中修有相忍辱或無相忍辱。須菩提。

Tu Bồ đề vân hà thị Bồ Tát Ma-Ha tát ư thức Pháp trung tu hữu tướng Nhẫn nhục hoặc vô tướng Nhẫn nhục 。

Tu Bồ đề 。

Tu-bồ-đề, Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi thức pháp tu hạnh Nhẫn nhục hữu tướng hoặc vô tướng như thế nào? Tu-bồ-đề,

若菩薩摩訶薩於識法中修行忍辱求解脫時。

nhược Bồ Tát Ma-Ha tát ư thức Pháp trung tu hành Nhẫn nhục cầu giải thoát thời 。

nếu Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi thức pháp khi tu hành Nhẫn nhục cầu giải thoát,

有所解脫忍辱可得。有能解脫忍辱可得。如是修者。

hữu sở giải thoát Nhẫn nhục khả đắc 。

hữu năng giải thoát Nhẫn nhục khả đắc 。

như thị tu giả 。

có Sở giải thoát nhẫn nhục có thể đắc, có Năng giải thoát nhẫn nhục có thể đắc. Tu hành như vậy,

當知是菩薩摩訶薩於識法中修有相忍辱。

đương tri thị Bồ Tát Ma-Ha tát ư thức Pháp trung tu hữu tướng Nhẫn nhục 。

nên biết Bồ-tát Ma-ha-tát này ở nơi thức pháp tu Nhẫn nhục hữu tướng.

若菩薩摩訶薩於識法中修行忍辱求解脫時。

nhược Bồ Tát Ma-Ha tát ư thức Pháp trung tu hành Nhẫn nhục cầu giải thoát thời 。

Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi thức pháp khi tu hành Nhẫn nhục cầu giải thoát,

無所解脫忍辱可得。無能解脫忍辱可得。

vô sở giải thoát Nhẫn nhục khả đắc 。

vô năng giải thoát Nhẫn nhục khả đắc 。

không có Sở giải thoát nhẫn nhục có thể đắc, không có Năng giải thoát nhẫn nhục có thể đắc.

何以故。謂識自性無所得故。本性無所得故。

hà dĩ cố 。

vị thức tự tánh vô sở đắc cố 。

bản tánh vô sở đắc cố 。

Vì sao? Vì tự tánh của thức không sở đắc, vì bản tánh không sở đắc,

觀諸如來亦無所得。本性無所得故。如是修者。



quán chư Như-Lai diệc vô sở đắc 。 bốn tánh vô sở đắc cố 。 như thị tu giả 。  
quán chư Như-lai cũng không sở đắc, vì bản tánh không sở đắc. Tu hành như thế,

當知是菩薩摩訶薩於識法中修無相忍辱。

đương tri thị Bồ Tát Ma-Ha tát ư thức Pháp trung tu vô tướng Nhẫn nhục 。  
nên biết Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi thức pháp tu Nhẫn nhục vô tướng.

復次須菩提。菩薩摩訶薩於色法中。

phục thứ Tu Bồ đề 。 Bồ Tát Ma-Ha tát ư sắc Pháp trung 。  
Lại nữa, Tu-bồ-đề. Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi sắc pháp,

能與精進波羅蜜多如理相應者。若修有相精進。

năng dữ Tinh tấn ba la mật đa như lý tướng ứng giả 。 nhược tu hữu tướng Tinh tấn 。  
có thể như lý tương ứng với Tinh tấn ba-la-mật-đa. Nếu tu Tinh tấn hữu tướng,

亦速圓滿精進波羅蜜多。若修無相精進。

diệc tốc viên mãn Tinh tấn ba la mật đa 。 nhược tu vô tướng Tinh tấn 。  
cũng sớm viên mãn Tinh tấn ba-la-mật-đa; nếu tu Tinh tấn vô tướng,

亦速圓滿精進波羅蜜多。須菩提。

diệc tốc viên mãn Tinh tấn ba la mật đa 。 Tu Bồ đề 。  
cũng sớm viên mãn Tinh tấn ba-la-mật-đa. Tu-bồ-đề,

云何是菩薩摩訶薩於色法中修有相精進或無相精進。

vân hà thị Bồ Tát Ma-Ha tát ư sắc Pháp trung tu hữu tướng Tinh tấn hoặc vô tướng Tinh  
tấn 。

thế nào là Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi sắc pháp tu Tinh tấn hữu tướng hoặc vô tướng?

須菩提。

Tu Bồ đề 。

Tu-bồ-đề,

若菩薩摩訶薩於色法中修行精進求解脫時。有所解脫精進可得。

nhược Bồ Tát Ma-Ha tát ư sắc Pháp trung tu hành Tinh tấn cầu giải thoát thời 。 hữu sở giải thoát Tinh tấn khả đắc 。

nếu Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi sắc pháp khi tu hành Tinh tấn cầu giải thoát, có Sở giải thoát tinh tấn có thể đắc,

有能解脫精進可得。如是修者。

hữu năng giải thoát Tinh tấn khả đắc 。 như thị tu giả 。

có Năng giải thoát tinh tấn có thể đắc. Tu hành như thế,

當知是菩薩摩訶薩於色法中修有相精進。若菩薩摩訶薩於色法中。

đương tri thị Bồ Tát Ma-Ha tát ư sắc Pháp trung tu hữu tướng Tinh tấn 。 nhược Bồ Tát Ma-Ha tát ư sắc Pháp trung 。

nên biết Bồ-tát Ma-ha-tát này ở nơi sắc pháp tu Tinh tấn hữu tướng. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi sắc pháp,

修行精進求解脫時。無所解脫精進可得。

tu hành Tinh tấn cầu giải thoát thời 。 vô sở giải thoát Tinh tấn khả đắc 。

khi tu Tinh tấn cầu giải thoát, không có Sở giải thoát tinh tấn có thể đắc,

無能解脫精進可得。何以故。謂色自性無所得故。

vô năng giải thoát Tinh tấn khả đắc 。 hà dĩ cố 。

không có Năng giải thoát tinh tấn có thể đắc. Vì sao? Vì tự tánh của sắc không sở đắc,

本性無所得故。觀諸如來亦無所得。

bổn tánh vô sở đắc cố 。

vì bản tánh không sở đắc; quán Như-lai cũng vô sở đắc,

本性無所得故。如是修者。

bổn tánh vô sở đắc cố 。

vì bản tánh không sở đắc. Tu hành như thế,

當知是菩薩摩訶薩於色法中修無相精進。須菩提。

đương tri thị Bồ Tát Ma-Ha tát ư sắc Pháp trung tu vô tướng Tinh tấn 。 Tu Bồ đề 。

nên biết Bồ-tát Ma-ha-tát này ở nơi sắc pháp tu Tinh tấn vô tướng. Tu-bồ-đề,

受想行識亦復如是。

thọ tưởng hành thức diệc phục như thị 。

thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thế.

菩薩摩訶薩於識法中能與精進波羅蜜多如理相應者。若修有相精進。

Bồ Tát Ma-Ha tát ư thức Pháp trung năng dĩ Tinh tấn ba la mật đa như lý tướng ứng giả  
。 nhược tu hữu tướng Tinh tấn 。

Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi thức pháp có thể như lý tướng ứng với Tinh tấn ba-la-mật-đa; nếu  
tu Tinh tấn hữu tướng,

亦速圓滿精進波羅蜜多。若修無相精進。

diệc tốc viên mãn Tinh tấn ba la mật đa 。

cũng sớm viên mãn Tinh tấn ba-la-mật-đa, nếu tu Tinh tấn vô tướng,

亦速圓滿精進波羅蜜多。須菩提。

diệc tốc viên mãn Tinh tấn ba la mật đa 。

cũng sớm viên mãn Tinh tấn ba-la-mật-đa. Tu-bồ-đề,

云何是菩薩摩訶薩於識法中修有相精進或無相精進。須菩提。

vân hà thị Bồ Tát Ma-Ha tát ư thức Pháp trung tu hữu tướng Tinh tấn hoặc vô tướng Tinh  
tấn 。

Thế nào là Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi thức pháp tu hạnh Tinh tấn hữu tướng hoặc vô tướng?

若菩薩摩訶薩。

nhược Bồ Tát Ma-Ha tát 。

Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát,

於識法中修行精進求解脫時。有所解脫精進可得。有能解脫精進可得。

ư thức Pháp trung tu hành Tinh tấn cầu giải thoát thời 。 hữu sở giải thoát Tinh tấn khả đắc 。 hữu năng giải thoát Tinh tấn khả đắc 。

ở nơi thức pháp khi tu Tinh tấn cầu giải thoát, có Sở giải thoát tinh tấn có thể đắc, có Năng giải thoát tinh tấn có thể đắc.

如是修者。

như thị tu giả 。

Tu hành như thế,

當知是菩薩摩訶薩於識法中修有相精進。

đương tri thị Bồ Tát Ma-Ha tát ư thức Pháp trung tu hữu tướng Tinh tấn 。

nên biết Bồ-tát Ma-ha-tát này ở nơi thức pháp tu Tinh tấn hữu tướng.

若菩薩摩訶薩於識法中修行精進求解脫時。無所解脫精進可得。

nhược Bồ Tát Ma-Ha tát ư thức Pháp trung tu hành Tinh tấn cầu giải thoát thời 。 vô sở giải thoát Tinh tấn khả đắc 。

Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi thức pháp khi tu Tinh tấn cầu giải thoát, không có Sở giải thoát tinh tấn có thể đắc,

無能解脫精進可得。何以故。謂識自性無所得故。

vô năng giải thoát Tinh tấn khả đắc 。 hà dĩ cố 。

vị thức tự tánh vô sở đắc cố 。

không có Năng giải thoát có thể đắc. Vì sao? Vì tự tánh thức không sở đắc,

本性無所得故。觀諸如來亦無所得。

bản tánh vô sở đắc cố 。

quán chư Như-Lai diệt vô sở đắc 。

vì bản tánh không sở đắc; quán chư Như-lai cũng không sở đắc,

本性無所得故。如是修者。

bổn tánh vô sở đắc cố 。 như thị tu giả 。  
vì bản tánh không sở đắc. Tu hành như thế,

當知是菩薩摩訶薩於識法中修無相精進。  
đương tri thị Bồ Tát Ma-Ha tát ư thức Pháp trung tu vô tướng Tinh tấn 。  
nên biết Bồ-tát Ma-ha-tát này ở nơi thức pháp tu Tinh tấn vô tướng.

復次須菩提。  
phục thứ Tu Bồ đề 。  
Lại nữa, Tu-bồ-đề.

菩薩摩訶薩於色法中能與禪定波羅蜜多如理相應者。若修有相禪定。  
Bồ Tát Ma-Ha tát ư sắc Pháp trung năng dữ Thiền định ba la mật đa như lý tướng ứng giả  
。 nhược tu hữu tướng Thiền định 。  
Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi sắc pháp có thể như lý tương ứng với Thiền định ba-la-mật-đa; nếu  
tu Thiền định hữu tướng,

亦速圓滿禪定波羅蜜多。若修無相禪定。  
diệc tốc viên mãn Thiền định ba la mật đa 。 nhược tu vô tướng Thiền định 。  
cũng sớm viên mãn Thiền định ba-la-mật-đa, nếu tu Thiền định vô tướng,

亦速圓滿禪定波羅蜜多。須菩提。  
diệc tốc viên mãn Thiền định ba la mật đa 。 Tu Bồ đề 。  
cũng sớm viên mãn Thiền định ba-la-mật-đa. Tu-bồ-đề,

云何是菩薩摩訶薩於色法中修有相禪定或無相禪定。  
vân hà thị Bồ Tát Ma-Ha tát ư sắc Pháp trung tu hữu tướng Thiền định hoặc vô tướng  
Thiền định 。  
thế nào là Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi sắc pháp tu hạnh Thiền định hữu tướng hoặc vô tướng?

須菩提。

Tu Bồ đề 。

Tu-bồ-đề,

若菩薩摩訶薩於色法中修行禪定求解脫時。有所解脫禪定可得。

nhược Bồ Tát Ma-Ha tát ư sắc Pháp trung tu hành Thiền định cầu giải thoát thời 。

hữu sở giải thoát Thiền định khả đắc 。

nếu Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi sắc pháp khi tu hành Thiền định cầu giải thoát, có Sở giải thoát thiền định có thể đắc,

有能解脫禪定可得。如是修者。

hữu năng giải thoát Thiền định khả đắc 。

như thị tu giả 。

có Năng giải thoát thiền định có thể đắc. Tu hành như thế,

當知是菩薩摩訶薩於色法中修有相禪定。

đương tri thị Bồ Tát Ma-Ha tát ư sắc Pháp trung tu hữu tướng Thiền định 。

nên biết Bồ-tát Ma-ha-tát này ở nơi sắc pháp tu Thiền định hữu tướng.

若菩薩摩訶薩於色法中修行禪定求解脫時。無所解脫禪定可得。

nhược Bồ Tát Ma-Ha tát ư sắc Pháp trung tu hành Thiền định cầu giải thoát thời 。

vô sở giải thoát Thiền định khả đắc 。

Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi sắc pháp khi tu Thiền định cầu giải thoát, không có Sở giải thoát thiền định có thể đắc,

無能解脫禪定可得。何以故。謂色自性無所得故。

vô năng giải thoát Thiền định khả đắc 。

hà dĩ cố 。

vì sắc tự tánh vô sở đắc cố 。

không có Năng giải thoát Thiền định có thể đắc. Vì sao? Vì tự tánh của sắc không sở đắc,

本性無所得故。觀諸如來亦無所得。

bản tánh vô sở đắc cố 。

quán chư Như-Lai diệc vô sở đắc 。

vì bản tánh không sở đắc; quán chư Như-lai cũng không sở đắc,

本性無所得故。如是修者。

bổn tánh vô sở đắc cố 。 như thị tu giả 。

vì bản tánh không sở đắc. Tu hành như thế,

當知是菩薩摩訶薩於色法中修無相禪定。須菩提。

đương tri thị Bồ Tát Ma-Ha tát ư sắc Pháp trung tu vô tướng Thiền định 。

nên biết Bồ-tát Ma-ha-tát này ở nơi sắc pháp tu Thiền định vô tướng. Tu-bồ-đề,

受想行識亦復如是。菩薩摩訶薩於識法中。

thọ tưởng hành thức diệc phục như thị 。

thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thế. Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi thức pháp,

能與禪定波羅蜜多如理相應者。若修有相禪定。

năng dĩ Thiền định ba la mật đa như lý tướng ứng giả 。

。

có thể như lý tương ứng với Thiền định ba-la-mật-đa; nếu tu Thiền định hữu tướng,

亦速圓滿禪定波羅蜜多。若修無相禪定。

diệc tốc viên mãn Thiền định ba la mật đa 。

cũng sớm viên mãn Thiền định ba-la-mật-đa. Nếu tu Thiền định vô tướng,

亦速圓滿禪定波羅蜜多。須菩提。

diệc tốc viên mãn Thiền định ba la mật đa 。

cũng sớm viên mãn Thiền định ba-la-mật-đa. Tu-bồ-đề,

云何是菩薩摩訶薩於識法中。修有相禪定或無相禪定。須菩提。

vân hà thị Bồ Tát Ma-Ha tát ư thức Pháp trung 。

tu hữu tướng Thiền định hoặc vô tướng Thiền định 。

thế nào là Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi thức pháp tu hành Thiền định hữu tướng và vô tướng?

Tu-bồ-đề,

若菩薩摩訶薩於識法中修行禪定求解脫

nhược Bồ Tát Ma-Ha tát ư thức Pháp trung tu hành Thiền định cầu giải thoát

nếu Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi thức pháp khi tu hành Thiền định cầu giải thoát,

時。有所解脫禪定可得。有能解脫禪定可得。

thời 。 hữu sở giải thoát Thiền định khả đắc 。 hữu năng giải thoát Thiền định khả đắc 。

có Sở giải thoát thiền định có thể đắc, có Năng giải thoát Thiền định có thể đắc.

如是修者。

như thị tu giả 。

Tu hành như thế,

當知是菩薩摩訶薩於識法中修有相禪定。

đương tri thị Bồ Tát Ma-Ha tát ư thức Pháp trung tu hữu tướng Thiền định 。

nên biết Bồ-tát Ma-ha-tát này ở nơi thức pháp tu Thiền định hữu tướng.

若菩薩摩訶薩於識法中修行禪定求解脫時。無所解脫禪定可得。

nhược Bồ Tát Ma-Ha tát ư thức Pháp trung tu hành Thiền định cầu giải thoát thời 。

vô sở giải thoát Thiền định khả đắc 。

Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi thức pháp khi tu hành Thiền định cầu giải thoát, không có Sở

giải thoát thiền định có thể đắc,

無能解脫禪定可得。何以故。謂識自性無所得故。

vô năng giải thoát Thiền định khả đắc 。

hà dĩ cố 。

vị thức tự tánh vô sở đắc cố 。

không có Năng giải thoát thiền định có thể đắc. Vì sao? Vì tự tánh của thức không có sở

đắc,

本性無所得故。觀諸如來亦無所得。

bổn tánh vô sở đắc cố 。

quán chư Như-Lai diệc vô sở đắc 。

vì bản tánh không sở đắc; quán chư Như-lai cũng không sở đắc,



本性無所得故。如是修者。

bổn tánh vô sở đắc cố 。 như thị tu giả 。

vì bản tánh không sở đắc. Tu hành như thế,

當知是菩薩摩訶薩於識法中修無相禪定。

đương tri thị Bồ Tát Ma-Ha tát ư thức Pháp trung tu vô tướng Thiền định 。

nên biết Bồ-tát Ma-ha-tát này ở nơi thức pháp tu Thiền định vô tướng.

復次須菩提。

phục thứ Tu Bồ đề 。

Lại nữa, Tu-bồ-đề.

菩薩摩訶薩於色法中能與般若波羅蜜多如理相應者。若修有相般若。

Bồ Tát Ma-Ha tát ư sắc Pháp trung năng dĩ bát nhã ba la mật đa như lý tướng ứng giả 。

nhược tu hữu tướng bát nhã 。

Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi sắc pháp có thể như lý tương ứng với Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Nếu tu Bát-nhã hữu tướng,

亦速圓滿般若波羅蜜多。若修無相般若。

diệc tốc viên mãn bát nhã ba la mật đa 。

nhược tu vô tướng bát nhã cũng sớm viên mãn Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Nếu tu Bát-nhã vô tướng

亦速圓滿般若波羅蜜多。須菩提。

diệc tốc viên mãn bát nhã ba la mật đa 。

Tu Bồ đề 。

cũng sớm viên mãn Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Tu-bồ-đề,

云何是菩薩摩訶薩於色法中修有相般若或無相般若。

vân hà thị Bồ Tát Ma-Ha tát ư sắc Pháp trung tu hữu tướng bát nhã hoặc vô tướng bát nhã

。

thế nào là Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi sắc pháp tu hành Bát-nhã hữu tướng hay vô tướng?

須菩提。

Tu Bồ đề 。

Tu-bồ-đề,

若菩薩摩訶薩於色法中修行般若求解脫時。有所解脫般若可得。

nhược Bồ Tát Ma-Ha tát ư sắc Pháp trung tu hành bát nhã cầu giải thoát thời 。 hữu sở giải thoát bát nhã khả đắc 。

nếu Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi sắc pháp khi tu hành Bát-nhã cầu giải thoát, có Sở giải thoát Bát-nhã có thể đắc,

有能解脫般若可得。如是修者。

hữu năng giải thoát bát nhã khả đắc 。

như thị tu giả 。

có Năng giải thoát Bát-nhã có thể đắc. Tu hành như thế,

當知是菩薩摩訶薩於色法中修有相般若。

đương tri thị Bồ Tát Ma-Ha tát ư sắc Pháp trung tu hữu tướng bát nhã

nên biết Bồ-tát Ma-ha-tát này ở nơi sắc pháp tu Bát-nhã hữu tướng.

若菩薩摩訶薩於色法中修行般若求解脫時。無所解脫般若可得。

nhược Bồ Tát Ma-Ha tát ư sắc Pháp trung tu hành bát nhã cầu giải thoát thời 。 vô sở giải thoát bát nhã khả đắc 。

Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi sắc pháp khi tu hành Bát-nhã cầu giải thoát, không có Sở giải thoát Bát-nhã có thể đắc,

無能解脫般若可得。何以故。謂色自性無所得故。

vô năng giải thoát bát nhã khả đắc 。

hà dĩ cố 。

vị sắc tự tánh vô sở đắc cố 。

không có Năng giải thoát Bát-nhã có thể đắc. Vì sao? Vì tự tánh của sắc không sở đắc,

本性無所得故。觀諸如來亦無所得。

bản tánh vô sở đắc cố 。

quán chư Như-Lai diệt vô sở đắc 。

bản tánh không sở đắc; quán chư Như-lai cũng không sở đắc,

本性無所得故。如是修者。

bổn tánh vô sở đắc cố 。 như thị tu giả 。

vì bản tánh không sở đắc. Tu hành như thế,

當知是菩薩摩訶薩於色法中修無相般若。須菩提。

đương tri thị Bồ Tát Ma-Ha tát ư sắc Pháp trung tu vô tướng bát nhã 。

nên biết Bồ-tát Ma-ha-tát này ở nơi sắc pháp tu Bát-nhã vô tướng. Tu-bồ-đề,

受想行識亦復如是。

thọ tưởng hành thức diệc phục như thị 。

thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thế.

菩薩摩訶薩於識法中能與般若波羅蜜多如理相應者。若修有相般若。

Bồ Tát Ma-Ha tát ư thức Pháp trung năng dĩ bát nhã ba la mật đa như lý tướng ứng giả

。 nhược tu hữu tướng bát nhã 。

Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi thức pháp như lý tương ứng với Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Nếu tu Bát-nhã hữu tướng,

亦速圓滿般若波羅蜜多。若修無相般若。

diệc tốc viên mãn bát nhã ba la mật đa 。

nhiợc tu vô tướng bát nhã cũng sớm viên mãn Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Nếu tu Bát-nhã vô tướng,

亦速圓滿般若波羅蜜多。須菩提。

diệc tốc viên mãn bát nhã ba la mật đa 。

Tu Bồ đề 。

cũng sớm viên mãn Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Tu-bồ-đề,

云何是菩薩摩訶薩於識法中修有相般若或無相般若。須菩提。

vân hà thị Bồ Tát Ma-Ha tát ư thức Pháp trung tu hữu tướng bát nhã hoặc vô tướng bát

nhã 。

thế nào là Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi thức pháp tu hành Bát-nhã hữu tướng hay vô tướng?

若菩薩摩訶薩於識法中。修行般若求解脫時。

nhược Bồ Tát Ma-Ha tát ư thức Pháp trung 。 tu hành bát nhã cầu giải thoát thời 。

Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi thức pháp khi tu hành Bát-nhã cầu giải thoát,

有所解脫般若可得。有能解脫般若可得。

hữu sở giải thoát bát nhã khả đắc 。 hữu năng giải thoát bát nhã khả đắc

có Sở giải thoát Bát-nhã có thể đắc, có Năng giải thoát Bát-nhã có thể đắc.

如是修者。

như thị tu giả 。

Tu hành như thế,

當知是菩薩摩訶薩於識法中修有相般若。

đương tri thị Bồ Tát Ma-Ha tát ư thức Pháp trung tu hữu tướng bát nhã 。

nên biết Bồ-tát Ma-ha-tát này ở nơi thức pháp tu Bát-nhã hữu tướng.

若菩薩摩訶薩於識法中修行般若求解脫時。無所解脫般若可得。

nhược Bồ Tát Ma-Ha tát ư thức Pháp trung tu hành bát nhã cầu giải thoát thời 。

vô sở giải thoát bát nhã khả đắc 。

Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi thức pháp khi tu hành Bát-nhã cầu giải thoát, không có Sở giải thoát Bát-nhã có thể đắc,

無能解脫般若可得。何以故。謂識自性無所得故。

vô năng giải thoát bát nhã khả đắc 。

hà dĩ cố 。

vị thức tự tánh vô sở đắc cố 。

không có Năng giải thoát Bát-nhã có thể đắc. Vì sao? Vì tự tánh của thức không sở đắc,

本性無所得故。觀諸如來亦無所得。本性無所得故。

bổn tánh vô sở đắc cố 。

quán chư Như-Lai diệc vô sở đắc 。

bổn tánh vô sở đắc cố 。

vì bản tánh không sở đắc; quán chư Như-lai cũng vô sở đắc, vì bản tánh không sở đắc.

如是修者。

như thị tu giả 。

Tu hành như thế,

當知是菩薩摩訶薩於識法中修無相般若。

đương tri thị Bồ Tát Ma-Ha tát ư thức Pháp trung tu vô tướng bát nhã  
nên biết Bồ-tát Ma-ha-tát này ở nơi thức pháp tu Bát-nhã vô tướng.

復次須菩提。

phục thứ Tu Bồ đề 。

Lại nữa, Tu-bồ-đề.

菩薩摩訶薩於色法中應當了知空三摩地。須菩提。云何是色中空三摩地。

Bồ Tát Ma-Ha tát ư sắc Pháp trung ứng đương liễu tri không Tam Ma Địa 。

Tu Bồ đề 。

vân hà thị sắc trung không Tam Ma Địa 。

Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi sắc pháp nên biết rõ tam-ma-địa Không. Tu-bồ-đề, thế nào là tam-ma-địa Không ở trong sắc?

菩薩摩訶薩謂於色中觀無性空。性空亦然。

Bồ Tát Ma-Ha tát vị ư sắc trung quán Vô tánh không 。

tánh không diệc nhiên 。

Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi sắc quán Vô tánh không; tánh Không cũng thế,

本性空亦然。諸所緣事。皆當安住心一境性。

bổn tánh không diệc nhiên 。

chư sở duyên sự 。

giai đương an trú tâm nhất cảnh tánh 。

bản tánh Không cũng thế. Các sự sở duyên, đều nên an trú tâm vào một cảnh;

此即是為色中空三摩地。須菩提。

thử tức thị vi sắc trung không Tam Ma Địa 。

Tu Bồ đề 。

đây chính là tam-ma-địa Không ở trong sắc. Tu-bồ-đề,

菩薩摩訶薩若於色中如是如實了知空三摩地已。

Bồ Tát Ma-Ha tát nhược ư sắc trung như thị như thật liễu tri không Tam Ma Địa dĩ 。  
nếu Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi sắc hiểu rõ như thật về tam-ma-địa Không như thế rồi,

受想行識亦復如是。

thọ tưởng hành thức diệc phục như thị 。

thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thế.

復次須菩提。

phục thứ Tu Bồ đề 。

Lại nữa, Tu-bồ-đề.

菩薩摩訶薩於色法中應當了知無相三摩地。須菩提。

Bồ Tát Ma-Ha tát ư sắc Pháp trung ứng đương liễu tri vô tướng Tam Ma Địa 。

Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi sắc pháp nên hiểu rõ tam-ma-địa Vô tướng. Tu-bồ-đề,

云何是色中無相三摩地菩薩摩訶薩謂於色中觀無性空。

vân hà thị sắc trung vô tướng Tam Ma Địa Bồ Tát Ma-Ha tát vị ư sắc trung quán Vô tánh không 。

thế nào là tam-ma-địa Vô tướng trong sắc? Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi sắc quán sát Vô tánh không;

性空亦然。本性空亦然。若能如是諸作意滅。

tánh không diệc nhiên 。

tánh Không cũng thế, bản tánh Không cũng thế. Nếu có thể diệt được các tác ý như thế,

即於色中觀無性相。有性相亦然。

tức ư sắc trung quán Vô tánh tướng 。

tức ở nơi sắc quán tướng Vô tánh; tướng Hữu tánh cũng thế,

有性無性相亦然。如是乃得無性相離識隨逐。

hữu tánh Vô tánh tướng diệc nhiên 。 như thị nãi đắc Vô tánh tướng ly thức tùy trục 。  
tướng Hữu tánh Vô tánh cũng thế. Như vậy mới đắc tướng Vô tánh, không còn chạy đuổi theo thức;

有性相亦然離識隨逐。有性無性相亦然離識隨逐。

hữu tánh tướng diệc nhiên ly thức tùy trục 。 hữu tánh Vô tánh tướng diệc nhiên ly thức tùy trục 。

tướng Hữu tánh cũng thế, không còn chạy đuổi theo thức. Tướng Hữu tánh Vô tánh cũng thế, không còn chạy đuổi theo thức;

故能安住心一境性。此即是為色中無相三摩地。

cố năng an trú tâm nhất cảnh tánh 。 thử tức thị vi sắc trung vô tướng Tam Ma Địa 。  
vì thế có thể an trú tâm vào một cảnh. Đây chính là tam-ma-địa Vô tướng ở trong sắc.

須菩提。菩薩摩訶薩若於色中。

Tu Bồ đề 。 Bồ Tát Ma-Ha tát nhược ư sắc trung 。

Tu-bồ-đề, Bồ-tát Ma-ha-tát nếu ở nơi sắc

如是如實了知無相三摩地已。受想行識亦復如是。

như thị như thật liễu tri vô tướng Tam Ma Địa dĩ 。 thọ tưởng hành thức diệc phục như thị 。

hiểu rõ như thực tam-ma-địa Vô tướng như thế, thọ, tưởng, hành, thức cũng vậy.

復次須菩提。菩薩摩訶薩於色法中。

phục thứ Tu Bồ đề 。 Bồ Tát Ma-Ha tát ư sắc Pháp trung 。

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi sắc pháp

應當了知無願三摩地。須菩提。

ứng đương liễu tri vô nguyện Tam Ma Địa 。 Tu Bồ đề 。

nên hiểu rõ tam-ma-địa Vô nguyện. Tu-bồ-đề,

云何是色中無願三摩地。

vân hà thị sắc trung vô nguyện Tam Ma Địa 。

[thế nào là tam-ma-địa Vô nguyện trong sắc?](#)

菩薩摩訶薩謂於色中得空無相三摩地已。即於色中觀無性相。

Bồ Tát Ma-Ha tát vị ư sắc trung đắc không vô tướng Tam Ma Địa dĩ 。

tức ư sắc trung quán Vô tánh tướng 。

[Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi sắc đắc tam-ma-địa Không, Vô tướng rồi, tức quán tướng Vô tánh ở nơi sắc,](#)

而不隨逐所緣行相有性相亦然。而不隨逐所緣行相。

nhi bất tùy trục sở duyên hành tướng hữu tánh tướng diệt nhiên 。

nhi bất tùy trục sở duyên hành tướng 。

[mà không chuyển theo sở duyên, hành tướng. Tướng Hữu tánh cũng thế, không chuyển theo sở duyên, hành tướng.](#)

有性無性相亦然而不隨逐所緣行相。

hữu tánh Vô tánh tướng diệt nhiên nhi bất tùy trục sở duyên hành tướng 。

[Tướng Hữu tánh Vô tánh cũng thế, không chuyển theo sở duyên, hành tướng.](#)

故能安住心一境性。此即是謂色中無願三摩地。須菩提。

cố năng an trú tâm nhất cảnh tánh 。

thử tức thị vị sắc trung vô nguyện Tam Ma Địa 。

Tu Bồ đề 。

[Vì thế có thể an trú tâm vào một cảnh. Đây chính là tam-ma-địa Vô nguyện ở trong sắc. Tu-bồ-đề,](#)

菩薩摩訶薩若於色中如是如實了知無願三

Bồ Tát Ma-Ha tát nhược ư sắc trung như thị như thật liễu tri vô nguyện tam

[Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi sắc nếu hiểu rõ như thực tam-ma-địa Vô nguyện rồi,](#)



摩地已。受想行識亦復如是。

ma địa dĩ 。 thọ tưởng hành thức diệc phục như thị 。

thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thế.

復次須菩提。

phục thứ Tu Bồ đề 。

Lại nữa, Tu-bồ-đề.

菩薩摩訶薩於色法中應當了知有三種義諸行無常何等為三。一不實義。

Bồ Tát Ma-Ha tát ư sắc Pháp trung ứng đương liễu tri hữu tam chủng nghĩa chư hành vô thường hà đẳng vi tam 。

Bồ-tát Ma-ha-tát, ở nơi sắc pháp, nên biết rõ các hành là vô thường có ba nghĩa.\_Thế nào là ba? Một là Bất thật nghĩa,

二破壞義。三有垢無垢義。須菩提。

nhị phá hoại nghĩa 。

hai là Phá hoại nghĩa, ba là Hữu cấu vô cấu nghĩa. Tu-bồ-đề,

受想行識亦復如是。

thọ tưởng hành thức diệc phục như thị 。

thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thế.

菩薩摩訶薩應當了知有三種義諸行無常。

Bồ Tát Ma-Ha tát ứng đương liễu tri hữu tam chủng nghĩa chư hành vô thường 。

Bồ-tát Ma-ha-tát nên biết rõ các hành là vô thường có ba nghĩa.

復次須菩提。

phục thứ Tu Bồ đề 。

Lại nữa, Tu-bồ-đề.

菩薩摩訶薩於色法中應當了知有三種義諸行是苦。何等為三。

Bồ Tát Ma-Ha tát ư sắc Pháp trung ứng đương liễu tri hữu tam chủng nghĩa chư hành thị khổ 。 hà đẳng vi tam 。

Bồ-tát Ma-ha-tát, ở nơi sắc pháp nên biết rõ các hành là khổ có ba nghĩa. Thế nào là ba?

一無取著義。二三種相義。三相續義。須菩提。

nhất vô thủ trú nghĩa 。 nhị tam chủng tướng nghĩa 。 tam tướng tục nghĩa 。 Tu Bồ đề 。

Một là Bất thủ trước nghĩa, hai là Tam chủng tướng nghĩa, ba là Tương tục nghĩa. Tu-bồ-đề,

受想行識亦復如是。

thọ tưởng hành thức diệc phục như thị 。

thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thế,

菩薩摩訶薩應當了知有三種義諸行是苦。

Bồ Tát Ma-Ha tát ứng đương liễu tri hữu tam chủng nghĩa chư hành thị khổ 。

Bồ-tát Ma-ha-tát nên hiểu rõ ba nghĩa của các hành là khổ.

復次須菩提。菩薩摩訶薩。

phục thứ Tu Bồ đề 。

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Tu-bồ-đề,

於色法中應當了知。有三種義諸法無我。何等為三。

ư sắc Pháp trung ứng đương liễu tri 。

ở nơi sắc pháp nên biết rõ các pháp vô ngã có ba nghĩa. Thế nào là ba?

一無性無我義。二有性無性無我義。

nhất Vô tánh vô ngã nghĩa 。

Một là Vô tánh vô ngã nghĩa, hai là Hữu tánh Vô tánh vô ngã nghĩa,

三本性清淨無我義。須菩提。受想行識亦復如是。

tam bốn tánh thanh tịnh vô ngã nghĩa 。 Tu Bồ đề 。 thọ tưởng hành thức diệp phục như thị 。

ba là Bản tánh thanh tịnh vô ngã nghĩa. Tu-bồ-đề, thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thế.

菩薩摩訶薩應當了知有三種義諸法無我。

Bồ Tát Ma-Ha tát ứng đương liễu tri hữu tam chủng nghĩa chư Pháp vô ngã 。

Bồ-tát Ma-ha-tát nên biết rõ các pháp vô ngã có ba nghĩa.

復次須菩提。

phục thứ Tu Bồ đề 。

Lại nữa, Tu-bồ-đề.

菩薩摩訶薩於色法中應當了知有三種義涅槃寂靜。何等為三。

Bồ Tát Ma-Ha tát ư sắc Pháp trung ứng đương liễu tri hữu tam chủng nghĩa Niết-Bàn tịch tĩnh 。

hà đẳng vi tam 。

Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi sắc pháp nên biết rõ Niết-bàn tịch tĩnh có ba nghĩa. Thế nào là ba?

一色中無性畢竟寂靜義。二有性無性寂靜義。

nhất sắc trung Vô tánh tất cánh tịch tĩnh nghĩa 。

nhị hữu tánh Vô tánh tịch tĩnh nghĩa 。

Một là Sắc trung vô tánh tất cánh tịch tĩnh nghĩa, hai là Hữu tánh Vô tánh tịch tĩnh nghĩa,

三本性清淨寂靜義。須菩提。受想行識亦復如是。

tam bốn tánh thanh tịnh tịch tĩnh nghĩa 。

Tu Bồ đề 。

thọ tưởng hành thức diệp phục như thị 。

ba là Bản tánh thanh tịnh tịch tĩnh nghĩa. Tu-bồ-đề, thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thế.

菩薩摩訶薩應當了知有三種義涅槃寂靜。

Bồ Tát Ma-Ha tát ứng đương liễu tri hữu tam chủng nghĩa Niết-Bàn tịch tĩnh 。

Bồ-tát Ma-ha-tát nên biết rõ Niết-bàn tịch tĩnh có ba nghĩa.

佛說此經已。諸菩薩摩訶薩。尊者須菩提。

Phật thuyết thử Kinh dĩ 。 chư Bồ Tát Ma-Ha tát 。 Tôn-Giả Tu Bồ đề 。

Phật thuyết Kinh này rồi, các Bồ-tát Ma-ha-tát, Tôn giả Tu-bồ-đề,

及諸苾芻苾芻尼。優婆塞優婆夷。

cập chư bật sô bật sô ni 。 Ưu bà tặc Ưu bà di 。

và các Tỷ-khưu, Tỷ-khưu-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di,

一切世間天人阿修羅乾闥婆等。聞佛所說皆大歡喜。

nhất thiết thế gian Thiên Nhơn A-tu-La Càn thát bà đấng 。

văn Phật sở thuyết giai Đại  
hoan hỷ 。

tất cả thế gian trời, người, A-tu-la, Càn-thát-bà vân vân, nghe lời Phật dạy, đều rất hoan  
hỷ,

信受奉行。

tín thọ phụng hành 。

tin nhận phụng hành.

佛說開覺自性般若波羅蜜多經卷第四

Phật thuyết khai giác tự tánh bát nhã ba la mật đa Kinh quyển đệ tứ

Phật nói Kinh Khai giác Tự tánh Bát-nhã Ba-la-mật-đa, quyển thứ tư.

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiên Trần Tiến Huyền

Phiên Âm và Lược Dịch Sun Apr 30 19:31:45 2006

=====